



Số/No: 827 MB-HĐQT

V/v: Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng (Đợt 2)

Re: Announcement of the public offering – 2nd tranche 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2024

Hanoi, 07 Oct, 2024

Kính gửi/To: - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
The State Bank of Vietnam
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission;
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
Vietnam Stock Exchange;
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Hochiminh Stock Exchange;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
Hanoi Stock Exchange;

Công ty/Company: Ngân hàng TMCP Quân đội/Military Commercial Joint Stock Bank

Mã chứng khoán/
Securities symbol MBB

Địa chỉ trụ sở chính/
Head office address Số 18 Lê Văn Lương, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
No. 18 Le Van Luong, Cau Giay District, Hanoi

Điện thoại/Telephone: (84-24) - 6266.1088

Fax: (84-24) - 6266.1080

Người thực hiện công bố
thông tin/ Submitted by: Bà/Mrs. Vũ Thị Hải Phượng

Chức vụ/Position: Phó Chủ tịch HĐQT /
BOD Vice Chairwoman

Loại thông tin công bố/
Type of Information ☐ định kỳ/periodic ☐ bất thường/irregular
☒ 24 giờ/ hours ☐ theo yêu cầu/on demand
disclosure ☐ Khác /Others

Nội dung thông tin công bố: Ngân hàng TMCP Quân đội công bố Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng (Đợt 2) (Mã trái phiếu MBBH2430002). Nội dung chi tiết theo file đính kèm.

Content of information disclosure: On October 04, 2024, Military Commercial Joint Stock Bank (MB) announce Announcement of the public offering – 2nd tranche 2024(bond code MBBH2430002). Detailed information is available in the attached file.

Thông tin trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử MB www.mbbank.com.vn - Mục Nhà đầu tư – Phần Thông báo.



The above information was disclosed on MB website at www.mbbank.com.vn – Investors Relation - Announcement

Ngân hàng TMCP Quân đội xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

MB declares that all information provided above is true and accurate and we shall take full responsibility before the law for the disclosed information.

Trân trọng cảm ơn!

Best Regards!

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên / As above;
- HĐQT, BKS(để báo cáo)/
BOD, SB (for reporting);
- Lưu: VT, VP HĐQT/
Archive at Admin Office,
BOD Office

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
BOD VICE CHAIRWOMAN**



Vũ Thị Hải Phượng



Số: 9570/MB-HS

Hà Nội, ngày 4 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO**Chào bán trái phiếu ra công chúng (Đợt 2)**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
- Tên viết tắt: MB
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 024 62661088 Số fax: 024 62661080 Website: www.mbbank.com.vn
- Vốn điều lệ: 52.870.840.520.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi tỷ, tám trăm bốn mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng) (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024)
(* Cập nhật đến ngày 31/08/2024, Ngân hàng TMCP Quân Đội đã kết thúc đợt phát hành thêm 19.240.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty tăng vốn điều lệ từ 52.870.840.520.000 đồng lên 53.063.240.520.000 đồng (Năm mươi ba nghìn không trăm sáu mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Hiện nay, MB đang thực hiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan quản lý nhà nước để thay đổi Giấy phép hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số vốn điều lệ mới này.
- Mã cổ phiếu: MBB
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Số hiệu tài khoản: 119954
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024.

- Ngành nghề kinh doanh chính:

| Tên ngành | Mã ngành |
|--|----------|
| Hoạt động trung gian tiền tệ khác | 6419 |
| 1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; | |
| 2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: | |
| - Cho vay; | |

| | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; - Bảo lãnh ngân hàng; - Phát hành thẻ tín dụng; - Bao thanh toán trong nước; <ol style="list-style-type: none"> 3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng 4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước; <ul style="list-style-type: none"> - Cung ứng phương tiện thanh toán; - Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ. 5. Mở tài khoản: <ul style="list-style-type: none"> - Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; 6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia 7. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính Phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ. 8. Mua, bán trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu doanh nghiệp; 9. Dịch vụ môi giới tiền tệ; 10. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 11. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 12. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 13. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 14. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định; 15. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất. 16. Lưu ký chứng khoán; 17. Ví điện tử; 18. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; 19. Mua nợ; 20. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận). | |
|--|--|

Handwritten signature

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018.

II. Mục đích chào bán

Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho mục đích bổ sung vốn cấp II dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2024 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định của pháp luật.

III. Phương án chào bán

A. Thông tin chung về các đợt chào bán:

MB đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK ngày 12/06/2024. Các thông tin về phương án chào bán theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK ngày 12/06/2024 và Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng ngày 15/05/2024, cụ thể như sau:

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội.
2. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là nợ thứ cấp và đủ điều kiện tính vốn cấp 2 theo quy định.
3. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu
4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 48.800.000 trái phiếu.
 - Số đợt phát hành: 03 đợt.
 - Số lượng trái phiếu dự kiến chào bán trong từng đợt cụ thể như sau:

| STT | Đợt | Khối lượng Trái Phiếu phát hành từng đợt (Trái phiếu) |
|-----|------------------|---|
| 1 | Đợt 1 | 20.000.000 |
| 2 | Đợt 2 | 15.000.000 + số lượng trái phiếu đợt 1 chưa chào bán hết |
| 3 | Đợt 3 | 13.800.000 + số lượng trái phiếu đợt 1 và đợt 2 chưa chào bán hết |
| | Tổng cộng | Tối đa 48.800.000 |

Trường hợp chưa chào bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành trong từng đợt phát hành thì số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết trong từng đợt đó sẽ được chuyển sang đợt chào bán kế tiếp. Để làm rõ, số lượng Trái Phiếu chào bán trong từng đợt chào bán thực tế bao gồm số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán đợt đó ban đầu (nêu trên) và số lượng Trái Phiếu không chào bán hết của các đợt chào bán trước đó.

B. Thông tin về trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 2

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội.
2. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là nợ thứ cấp và đủ điều kiện tính vốn cấp 2 theo quy định.
3. Mã trái phiếu: MBBH2430002

(Khi trái phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trái phiếu sẽ được VSDC cấp mã trái phiếu khác theo quy định của pháp luật hiện hành)

4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu.

5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán đợt 2: 31.048.972 trái phiếu.

(Bao gồm: Số lượng trái phiếu dự kiến chào bán đợt 2 ban đầu là 15.000.000 trái phiếu và số lượng trái phiếu đợt 1 chưa chào bán hết là 16.048.972 trái phiếu).

Trường hợp chưa chào bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành trong đợt 2 thì số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết trong đợt 2 sẽ được chuyển qua chào bán đợt 3. Để làm rõ, số lượng trái phiếu chào bán trong từng đợt chào bán thực tế bao gồm số lượng trái phiếu dự kiến chào bán đợt đó ban đầu (trên Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 12/06/2024) và số lượng trái phiếu không chào bán hết của các đợt chào bán trước đó.

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán đợt 2 theo mệnh giá: 3.104.897.200.000 đồng.

7. Kỳ hạn trái phiếu: 06 năm

8. Lãi suất:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi của trái phiếu được Tổ chức phát hành xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất, bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam thông thường (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang điện tử (website) tại ngày xác định lãi suất bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ 1,5%/năm

“Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc trước Ngày Phát Hành 01 (một) Ngày Làm Việc đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên. Đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo, Ngày Xác Định Lãi Suất là Ngày Làm Việc trước mỗi ngày tròn năm từ Ngày Phát Hành 07 (bảy) Ngày Làm Việc.

9. Kỳ trả lãi: Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 12 (mười hai) tháng một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi Kỳ Tính Lãi.

10. Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu.



11. Phương thức phân phối: Việc phân phối Trái phiếu được thực hiện thông qua đại lý phát hành và bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư, cụ thể như sau:

- Đại lý phát hành: Trái phiếu được chào bán thông qua đại lý phát hành là Công ty cổ phần Chứng khoán MB, Nhà đầu tư có thể đặt mua tại quầy giao dịch Sở Giao dịch 1 và quầy giao dịch chi nhánh Hồ Chí Minh của MBS hoặc đặt mua online theo hướng dẫn chi tiết tại website www.mbs.com.vn.

- Bán trực tiếp cho Nhà Đầu tư: MB chào bán và bán trái phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua Trụ sở chính của MB.

12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: tối thiểu 100 Trái Phiếu tương đương 10.000.000 VND (Bằng chữ: Mười triệu đồng) mệnh giá Trái Phiếu

13. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 08/10/2024 đến ngày 30/10/2024

14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu:

- Thông qua đại lý phát hành: tại quầy giao dịch Sở Giao dịch 1 và quầy giao dịch chi nhánh Hồ Chí Minh của MBS và đăng ký mua online theo hướng dẫn tại website www.mbs.com.vn.

- Bán trực tiếp cho Nhà đầu tư: Tại Trụ sở chính của MB.

15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: Từ ngày 08/10/2024 đến ngày 30/10/2024

16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu

- Tên người thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Quân Đội

- Số tài khoản: 1247956018

- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

17. Các điều khoản về chuyển đổi trái phiếu: Không

18. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu: Không

19. Các thông tin liên quan đến trái phiếu có bảo đảm: Không

20. Địa điểm công bố Bản cáo bạch và Bản cập nhật thông tin Bản cáo bạch:

- **Ngân hàng TMCP Quân đội**

Địa chỉ: Số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024 62661088

Fax: 024 62661080

Email: info@mbs.com.vn

- **Công ty cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>



IV. Các tổ chức liên quan:

1. Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.

Điện thoại: 024 3831 5100

Fax : 024 3831 5090

Website: www.ey.com

Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 3946 1600

Website: <https://kpmg.com/vn/vi/home.html>

2. Tổ chức tư vấn, đại lý phát hành

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM NHƯ ÁNH



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 09 năm 2024

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội ("Tổ Chức Phát Hành")
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 62661088 Fax: 024 62661080 Website: www.mbbank.com.vn
- Vốn điều lệ: 52.870.840.520.000 đồng (Năm mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi tỷ, tám trăm bốn mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng). (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024).
- Mã cổ phiếu: MBB
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Số hiệu tài khoản: 119954
- Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024
 - Ngành nghề kinh doanh chính:

| Tên ngành | Mã ngành |
|--|----------|
| Hoạt động trung gian tiền tệ khác | 6419 |
| 1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; | |
| 2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: <ul style="list-style-type: none">Cho vay;Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;Bảo lãnh ngân hàng;Phát hành thẻ tín dụng;Bao thanh toán trong nước; | |

July



| | |
|--|--|
| <div>3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng</div> <div>4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước;<ul style="list-style-type: none">- Cung ứng phương tiện thanh toán;- Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.</div> <div>5. Mở tài khoản;<ul style="list-style-type: none">- Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;- Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;</div> <div>6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia</div> <div>7. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính Phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.</div> <div>8. Mua, bán trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu doanh nghiệp;</div> <div>9. Dịch vụ môi giới tiền tệ;</div> <div>10. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</div> <div>11. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</div> <div>12. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</div> <div>13. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</div> <div>14. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;</div> <div>15. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.</div> <div>16. Lưu ký chứng khoán;</div> <div>17. Ví điện tử;</div> <div>18. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;</div> <div>19. Mua nợ;</div> <div>20. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).</div> | |
|--|--|

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác.

Handwritten signature

8. Giấy phép thành lập và hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP:

Tổ chức phát hành đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK ngày 12/06/2024. Các thông tin về phương án chào bán theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK ngày 12/06/2024 và Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng ngày 15/05/2024 đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt, cụ thể như sau:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là nợ thứ cấp và đủ điều kiện tính vốn cấp 2 theo quy định;
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng);
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 48.800.000 trái phiếu (Bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn trái phiếu), bao gồm 3 đợt chào bán:

| STT | Đợt | Khối lượng Trái Phiếu phát hành từng đợt (Trái phiếu) |
|-----|-----------|---|
| 1 | Đợt 1 | 20.000.000 |
| 2 | Đợt 2 | 15.000.000 + số lượng trái phiếu đợt 1 chưa chào bán hết |
| 3 | Đợt 3 | 13.800.000 + số lượng trái phiếu đợt 1 và đợt 2 chưa chào bán hết |
| | Tổng cộng | Tối đa 48.800.000 |

Trường hợp chưa chào bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành trong từng đợt phát hành thì tổng số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết trong từng đợt đó sẽ được chuyển sang đợt chào bán kế tiếp. Để làm rõ, số lượng Trái Phiếu chào bán trong từng đợt chào bán thực tế bao gồm số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán đợt đó ban đầu (nêu trên) và số lượng Trái Phiếu không chào bán hết của các đợt chào bán trước đó.

- Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá : 4.880.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tám trăm tám mươi tỷ đồng);
- Thời gian phân phối:
 - Đợt 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
 - Đợt 2: Dự kiến trong Quý III năm 2024
 - Đợt 3: Dự kiến trong Quý IV năm 2024;

Thời gian chào bán dự kiến của Đợt 2, Đợt 3 không được kéo dài quá 90 ngày.

- Phương thức phân phối : Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;



8. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần chứng khoán MB.

III. KẾT QUẢ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG ĐỢT 1

- Số lượng trái phiếu đã phát hành đợt 1: 3.951.028 trái phiếu
- Số lượng trái phiếu đợt 1 chưa chào bán hết: 16.048.972 trái phiếu
- Ngày kết thúc chào bán đợt 1: 15/07/2024
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán đợt 1: 395.102.800.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm tỷ một trăm linh hai triệu tám trăm nghìn đồng).

(Có xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu kèm theo)

- Tổng chi phí: 747.551.400 đồng (Bảy trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi một nghìn bốn trăm đồng)
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán đợt 1: 394.355.248.600 đồng (Ba trăm chín mươi tư tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH NGÀY 15/05/2024

(Cập theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK ngày 12/06/2024)

1. Thông tin tài chính

1.1. Cập nhật thông tin về Tỷ trọng sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu, thu nhập, nhập thuần tại Mục IV.8.1.1

8.1.1. Sản phẩm và dịch vụ

Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 6T đầu năm 2024 | |
|--|-------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 52.486 | 68,65 | 69.143 | 74,19 | 33.213 | 67,77 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 14.244 | 18,63 | 13.138 | 14,10 | 7.017 | 14,32 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 4.611 | 6,03 | 6.159 | 6,61 | 3.963 | 8,09 |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 287 | 0,38 | 606 | 0,65 | 1.801 | 3,67 |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn | 1.667 | 2,18 | 635 | 0,68 | 890 | 1,81 |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 3.026 | 3,96 | 3.458 | 3,71 | 2.101 | 4,29 |

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 6T đầu năm 2024 | |
|---------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 132 | 0,17 | 57 | 0,06 | 23 | 0,05 |
| Tổng | 76.453 | 100 | 93.196 | 100 | 49.008 | 100 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

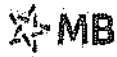
Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 6T đầu năm 2024 | |
|--|----------------------|-----------------|-------------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 45.237 | 77,87 | 61.923 | 79,43 | 29.458 | 71,36 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 3.543 | 6,10 | 4.981 | 6,39 | 2.811 | 6,81 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 4.604 | 7,93 | 6.151 | 7,89 | 3.960 | 9,59 |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 13 | 0,02 | 475 | 0,61 | 1.321 | 3,2 |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn | 1.621 | 2,79 | 575 | 0,74 | 805 | 1,95 |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 2.768 | 4,77 | 3.434 | 4,41 | 2.005 | 4,86 |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 304 | 0,52 | 416 | 0,53 | 923 | 2,23 |
| Tổng | 58.090 | 100 | 77.955 | 100 | 41.283 | 100 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 6T đầu năm 2024 | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập từ lãi thuần | 36.023 | 79,01 | 38.684 | 81,77 | 19.593 | 74,94 |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 4.136 | 9,07 | 4.085 | 8,64 | 2.299 | 8,79 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 1.704 | 3,74 | 1.210 | 2,56 | 855 | 3,27 |
| Lãi thuần từ mua bán | 141 | 0,31 | 542 | 1,15 | 1.412 | 5,40 |



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | | | | | |
|---|---------------|------------|---------------|------------|---------------|------------|
| chứng khoán kinh doanh | | | | | | |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn | 1.315 | 2,88 | 300 | 0,63 | 563 | 2,15 |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 2.142 | 4,70 | 2.428 | 5,13 | 1.400 | 5,36 |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 132 | 0,29 | 57 | 0,12 | 23 | 0,09 |
| Tổng | 45.593 | 100 | 47.306 | 100 | 26.145 | 100 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 6T đầu năm 2024 | |
|---|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần | 28.995 | 80,71 | 31.951 | 81,77 | 16.212 | 71,51 |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 1.640 | 4,57 | 2.561 | 6,55 | 1.667 | 7,35 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 1.714 | 4,77 | 1.217 | 3,11 | 860 | 3,79 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 13 | 0,04 | 443 | 1,13 | 1.321 | 5,83 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn | 1.324 | 3,69 | 252 | 0,64 | 486 | 2,14 |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 1.934 | 5,38 | 2.234 | 5,72 | 1.203 | 5,31 |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 304 | 0,85 | 416 | 1,06 | 923 | 4,07 |
| Tổng | 35.923 | 100 | 39.073 | 100 | 22.672 | 100 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

1.2. Cập nhật thông tin về cơ cấu huy động vốn tại Mục IV.8.1.2

8.1.2. Huy động vốn

Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của MB (hợp nhất)

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 30/06/2024 | |
|----------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |

Handwritten signature/initials



Bản thông tin cập nhật Báo cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 30/06/2024 | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước | 32 | 0,01 | 9 | 0,00 | 7.404 | 0,89 |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 65.117 | 10,72 | 99.810 | 12,53 | 104.174 | 12,51 |
| Tiền gửi của khách hàng | 443.606 | 73,04 | 567.533 | 71,24 | 618.618 | 74,27 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 2.003 | 0,33 | 2.800 | 0,35 | 3.300 | 0,40 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 96.578 | 15,90 | 126.463 | 15,88 | 99.400 | 11,93 |
| Tổng | 607.336 | 100 | 796.615 | 100 | 832.896 | 100 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm
2024 đã được soát xét.

Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của MB (riêng lẻ)

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 30/06/2024 | |
|---|-------------------------|-----------------|-------------------------|-----------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước | 32 | 0,01 | 9 | 0,00 | 7.404 | 0,92 |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 52.100 | 8,79 | 88.143 | 11,32 | 93.271 | 11,53 |
| Tiền gửi của khách hàng | 447.477 | 75,53 | 569.640 | 73,13 | 617.191 | 76,30 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 151 | 0,03 | 103 | 0,01 | 81 | 0,01 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 92.657 | 15,64 | 121.062 | 15,54 | 90.910 | 11,24 |
| Tổng | 592.417 | 100 | 778.957 | 100 | 808.857 | 100 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã

Handwritten signature



được soát xét

1.3. Cập nhật thông tin về tổng dư nợ cho vay tại Mục IV.8.1.3

8.1.3. Hoạt động tín dụng

❖ Tổng dư nợ cho vay

Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 30/06/2024 | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn | 217.741 | 47,28 | 314.081 | 51,40 | 353.079 | 52,40 |
| Nợ trung hạn | 72.561 | 15,75 | 75.334 | 12,33 | 76.894 | 11,41 |
| Nợ dài hạn | 166.513 | 36,15 | 212.415 | 34,76 | 233.848 | 34,71 |
| Các khoản cho vay giao dịch kỳ quỹ và ứng trước cho khách hàng tại MBS | 3.760 | 0,82 | 9.218 | 1,51 | 9.978 | 1,48 |
| Tổng dư nợ cho vay | 460.574 | 100 | 611.049 | 100 | 673.799 | 100 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 30/06/2024 | |
|---------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn | 214.049 | 49,19 | 308.193 | 53,33 | 344.689 | 54,14 |
| Nợ trung hạn | 54.629 | 12,55 | 58.423 | 10,11 | 60.781 | 9,55 |
| Nợ dài hạn | 166.513 | 38,26 | 211.247 | 36,56 | 231.191 | 36,31 |
| Tổng dư nợ cho vay | 435.191 | 100 | 577.863 | 100 | 636.661 | 100 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

1.4. Cập nhật thông tin về Chất lượng danh mục tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi) tại Mục IV.8.1.3

Bảng 12: Phân loại chất lượng tín dụng MB

Am/Heu



Báo thông tin cập nhật Báo cáo bsrh
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 30/06/2024 | |
|--|-------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Nợ dư tiêu chuẩn | 443.975 | 96,40 | 578.108 | 94,61 | 640.427 | 95,05 |
| Nợ cần chú ý | 7.809 | 1,70 | 13.918 | 2,28 | 12.370 | 1,84 |
| Nợ dưới tiêu chuẩn | 1.517 | 0,33 | 3.211 | 0,53 | 3.665 | 0,54 |
| Nợ nghi ngờ | 1.221 | 0,27 | 3.704 | 0,61 | 4.816 | 0,71 |
| Nợ có khả năng mất vốn | 2.293 | 0,50 | 2.890 | 0,47 | 2.541 | 0,38 |
| Các khoản cho vay giao dịch kỹ quỹ và ứng trước cho khách hàng tại MBS | 3.760 | 0,82 | 9.218 | 1,51 | 9.978 | 1,48 |
| Tổng dư nợ | 460.575 | 100 | 611.049 | 100 | 673.799 | 100 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 13: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại MB

| Khoản mục | Tại 31/12/2022 | Tại 31/12/2023 | Tại 30/06/2024 |
|-----------------------|----------------|----------------|----------------|
| Tổng dư nợ (tỷ đồng) | 460.575 | 611.049 | 673.799 |
| Tỷ lệ nợ xấu | 1,09% | 1,60% | 1,64% |
| Tỷ lệ nợ quá hạn | 2,79% | 3,88% | 3,47% |
| Tỷ lệ an toàn vốn CAR | 11,53% | 10,75% | 11,10% |

Nguồn: Báo cáo tỷ lệ an toàn vốn tại 31/12/2022, tại 31/12/2023, tại 30/06/2024, BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

1.5. Cập nhật thông tin về Rủi ro lãi suất và tình hình trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của MB tại Mục IV.8.1.3

Bảng 15: Tình hình trích lập dự phòng của MB

| Khoản mục | Tại 31/12/2022 (triệu đồng) | Tại 31/12/2023 (triệu đồng) | Tại 30/6/2024 (triệu đồng) |
|-------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Dự phòng chung | 3.400.915 | 4.551.746 | 5.041.352 |
| Dự phòng cụ thể | 8.574.945 | 6.917.817 | 6.173.192 |
| Tổng quỹ dự phòng | 11.975.860 | 11.469.563 | 11.214.544 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

1.6. Cập nhật thông tin về Hoạt động kinh doanh ngoại tệ tại Mục IV.8.1.4

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

❖ Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Bảng 16: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản mục | Năm 2022 | Năm 2023 | 6T đầu năm 2024 |
|---|-----------|-----------|-----------------|
| Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng | 3.014.578 | 3.105.170 | 2.177.449 |
| Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ | 1.596.064 | 3.053.354 | 1.785.695 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 4.610.642 | 6.158.524 | 3.963.144 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 1.703.960 | 1.209.825 | 854.919 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 17: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản mục | Năm 2022 | Năm 2023 | 6T đầu năm 2024 |
|---|-----------|-----------|-----------------|
| Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng | 3.008.002 | 3.097.217 | 2.174.546 |
| Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ | 1.596.064 | 3.053.354 | 1.785.695 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 4.604.066 | 6.150.571 | 3.960.241 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 1.713.939 | 1.216.861 | 859.700 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

1.7. Cập nhật thông tin về Hoạt động đầu tư tại Mục IV.8.1.6

8.1.6. Hoạt động đầu tư

❖ Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh

Bảng 18: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản mục | Tại 31/12/2022 | Tại 31/12/2023 | Tại 30/06/2024 |
|------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Chứng khoán kinh doanh | 4.107.470 | 44.251.400 | 12.308.357 |
| o Chứng khoán nợ | 4.070.884 | 44.095.180 | 12.223.980 |
| o Chứng khoán vốn | 36.586 | 156.220 | 84.377 |

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cấu trúc
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024).

| Khoản mục | Tại 31/12/2022 | Tại 31/12/2023 | Tại 30/06/2024 |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|
| Chứng khoán đầu tư | 159.981.553 | 148.398.663 | 167.766.860 |
| o Chứng khoán sẵn sàng để bán | 154.506.192 | 143.010.711 | 162.592.987 |
| o Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 5.475.361 | 5.387.952 | 5.173.873 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 19: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản mục | Tại 31/12/2022 | Tại 31/12/2023 | Tại 30/06/2024 |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|
| Chứng khoán kinh doanh | 1.220.511 | 43.200.913 | 11.103.087 |
| o Chứng khoán nợ | 1.220.511 | 43.200.913 | 11.103.087 |
| o Chứng khoán vốn | 0 | 0 | 0 |
| Chứng khoán đầu tư | 153.935.943 | 142.695.441 | 159.824.702 |
| o Chứng khoán sẵn sàng để bán | 152.053.008 | 140.904.606 | 158.058.067 |
| o Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 1.882.935 | 1.790.835 | 1.766.635 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

1.8. Cập nhật thông tin về Tài sản tại Mục IV.8.2

8.2. Tài sản

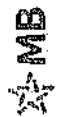
8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 21: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục | 31/12/2022 | | | 31/12/2023 | | | 30/06/2024 | | |
|--------------------------|-----------------|------------------------|---------------|-----------------|------------------------|---------------|-----------------|------------------------|---------------|
| | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (lần) | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (lần) | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (lần) |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 2.481 | 1.958 | 0,79 | 2.586 | 1.954 | 0,76 | 2.592 | 1.916 | 0,74 |
| Máy móc thiết bị | 2.990 | 1.049 | 0,35 | 3.281 | 831 | 0,25 | 3.580 | 853 | 0,24 |
| Phương tiện vận tải | 1.159 | 242 | 0,21 | 1.306 | 231 | 0,18 | 1.391 | 272 | 0,20 |
| Các TSCĐ hữu hình khác | 481 | 208 | 0,43 | 560 | 178 | 0,32 | 694 | 246 | 0,35 |
| Tổng | 7.111 | 3.458 | 0,49 | 7.733 | 3.194 | 0,41 | 8.257 | 3.287 | 0,40 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét
[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]



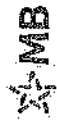
Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục | 31/12/2022 | | | 31/12/2023 | | | 30/06/2024 | | |
|--------------------------|-----------------|------------------------|---------------|-----------------|------------------------|---------------|-----------------|------------------------|---------------|
| | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (Lần) | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (Lần) | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (Lần) |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 2.424 | 1.918 | 0.79 | 2.507 | 1.905 | 0.76 | 2.507 | 1.862 | 0.74 |
| Máy móc thiết bị | 2.495 | 826 | 0.33 | 2.672 | 589 | 0.22 | 2.920 | 607 | 0.21 |
| Phương tiện vận tải | 1.067 | 204 | 0.19 | 1.203 | 200 | 0.17 | 1.273 | 232 | 0.18 |
| Các TSCĐ hữu hình khác | 477 | 205 | 0.43 | 551 | 174 | 0.32 | 684 | 243 | 0.36 |
| Tổng | 6.463 | 3.153 | 0.49 | 6.934 | 2.869 | 0.41 | 7.384 | 2.944 | 0.40 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét
[Phần còn lại của trang này được có ý bỏ trống]

Handwritten signature/initials.



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy đăng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 103/GCN-VUBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

8.2.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 23: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục | 31/12/2022 | | | 31/12/2023 | | | 30/06/2024 | | |
|-------------------------------|--------------------|------------------------------|------------------|--------------------|------------------------------|------------------|--------------------|------------------------------|------------------|
| | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (Lần) | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (Lần) | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (Lần) |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 1.102 | 883 | 0,80 | 1.153 | 914 | 0,79 | 1.153 | 904 | 0,78 |
| Phần mềm máy vi tính | 2.440 | 721 | 0,30 | 3.020 | 738 | 0,24 | 3.356 | 717 | 0,21 |
| Tài sản cố định vô hình khác | 23 | 12 | 0,52 | 23 | 8 | 0,35 | 25 | 8 | 0,32 |
| Tổng | 3.565 | 1.616 | 0,45 | 4.196 | 1.660 | 0,40 | 4.534 | 1.629 | 0,36 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét
[Phần còn lại của trang này được cô ý bỏ trống]

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-VUBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024

Bảng 24: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục | 31/12/2022 | | | 31/12/2023 | | | 30/06/2024 | | |
|-------------------------------|--------------------|---------------------------|------------------|--------------------|---------------------------|------------------|--------------------|---------------------------|------------------|
| | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (Lần) | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (Lần) | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG (Lần) |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 1.085 | 866 | 0,80 | 1.136 | 897 | 0,79 | 1.136 | 887 | 0,78 |
| Phần mềm máy vi tính | 1.546 | 180 | 0,12 | 1.936 | 234 | 0,12 | 2.207 | 268 | 0,12 |
| Tổng | 2.631 | 1.046 | 0,40 | 3.072 | 1.132 | 0,37 | 3.343 | 1.155 | 0,35 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

[Phần còn lại của trang này được cô ý bỏ trống]



1.9. Cập nhật Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng năm 2022, 2023 và bán niên năm 2024 tại Mục V.1.1

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất

Bảng 32: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng năm 2022, 2023 và bán niên năm 2024 – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng/giảm 2022/2023 | 6T đầu năm 2024 |
|--|-------------|-------------|-----------------------------|--------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 728.532.373 | 944.953.640 | 29,71% | 988.604.894 |
| Thu nhập lãi thuần | 36.023.122 | 38.683.848 | 7,39% | 19.593.406 |
| Tổng thu nhập hoạt động | 45.592.625 | 47.306.062 | 3,76% | 26.145.946 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 30.776.997 | 32.393.121 | 5,25% | 18.141.150 |
| Lợi nhuận trước thuế | 22.729.320 | 26.306.089 | 15,74% | 13.428.312 |
| Lợi nhuận sau thuế | 18.155.185 | 21.053.792 | 15,97% | 10.726.199 |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức của MB | 20,00% | 20,00% | 0,00% | - |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 33: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2022, 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng/giảm 2022/2023 | 6T đầu năm 2024 |
|--|-------------|-------------|-----------------------------|--------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 690.664.584 | 902.044.947 | 30,61% | 937.002.208 |
| Thu nhập lãi thuần | 28.995.235 | 31.950.560 | 10,19% | 16.211.876 |
| Tổng thu nhập hoạt động | 35.923.420 | 39.073.074 | 8,77% | 22.671.016 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 25.377.968 | 27.682.690 | 9,08% | 16.459.066 |
| Lợi nhuận trước thuế | 20.318.374 | 24.688.003 | 21,51% | 13.168.212 |
| Lợi nhuận sau thuế | 16.310.087 | 19.830.543 | 21,58% | 10.697.434 |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức | 20,00% | 20,00% | 0,00% | - |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

1.10. Cập nhật Tình hình công nợ tại Mục V.2.1.1

2.1.1. Tình hình công nợ

MB thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm



Bản thông tin cập nhật lần cuối
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-VCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Bảng 34: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 30/06/2024 |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| Các khoản phải thu | 20.160.561 | 14.289.084 | 13.151.037 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 6.786.414 | 8.668.557 | 8.375.659 |
| Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải thu | 10.986 | 28.710 | 34.275 |
| Tài sản có khác | 6.174.673 | 6.406.669 | 5.482.665 |
| Các khoản dự phòng rủi ro khác | (231.500) | (174.926) | (139.739) |
| Tổng | 32.901.134 | 29.218.094 | 26.903.897 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 35: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 30/06/2024 |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| Các khoản phải thu | 15.492.152 | 9.616.627 | 8.671.907 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 5.895.530 | 7.714.671 | 7.374.078 |
| Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải thu | - | - | - |
| Tài sản có khác | 1.772.414 | 2.603.899 | 1.625.563 |
| Các khoản dự phòng rủi ro khác | (27.708) | (39.258) | (39.258) |
| Tổng | 23.132.388 | 19.895.939 | 17.632.290 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 36: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 30/06/2024 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả | 7.688.257 | 13.390.191 | 9.023.978 |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 33.895.818 | 38.236.542 | 41.394.802 |
| Dự phòng các khoản nợ khác | 27 | 994 | 1.028 |
| Tổng | 41.584.102 | 51.627.727 | 50.419.808 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 37: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 30/06/2024 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả | 7.733.881 | 13.473.197 | 8.851.961 |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 17.912.598 | 21.017.830 | 22.113.757 |
| Dự phòng các khoản nợ khác | 27 | - | - |
| Tổng | 25.646.506 | 34.491.027 | 30.965.718 |

ĐHM 8/2024



Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

1.11. Cập nhật Các khoản phải nộp theo luật định tại Mục V.2.1.3

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Ngân hàng TMCP Quân đội nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động và luôn hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2022, 31/12/2023 và 30/06/2024 như sau:

Bảng 38: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Các loại thuế | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 30/06/2024 |
|-----------|----------------------------|------------|------------|------------|
| 1 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.127.484 | 3.322.906 | 1.551.759 |
| 2 | Thuế giá trị gia tăng | 91.496 | 111.864 | 107.375 |
| 3 | Các loại thuế khác | 116.387 | 104.691 | 106.708 |
| Tổng cộng | | 3.335.367 | 3.539.461 | 1.765.842 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 39: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Các loại thuế | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 30/06/2024 |
|-----------|----------------------------|------------|------------|------------|
| 1 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.980.880 | 3.169.293 | 1.406.618 |
| 2 | Thuế giá trị gia tăng | 27.671 | 58.031 | 70.446 |
| 3 | Các loại thuế khác | 57.587 | 57.948 | 66.477 |
| Tổng cộng | | 3.066.138 | 3.285.272 | 1.543.541 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

1.12. Cập nhật Trích lập các quỹ theo luật định tại Mục V.2.1.4

2.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Ngân hàng TMCP Quân đội thực hiện đúng và đầy đủ việc trích lập các Quỹ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ và theo phê duyệt Đại hội đồng cổ đông. MB thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong đó, các quỹ được sử dụng cho mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các quỹ khác: trích theo quy định hiện hành và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các quỹ dự trữ của các công ty con của MB được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của từng công ty.



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra cộng đồng số 102/GN-N-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

Bảng 40: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Các loại quỹ | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 30/06/2024 |
|-----------|--------------------------------|------------|------------|------------|
| 1 | Quỹ dự phòng tài chính | 5.678.339 | 7.299.936 | 9.294.984 |
| 2 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 2.952.327 | 4.076.438 | 4.730.060 |
| 3 | Quỹ khác | 657.952 | 817.557 | 1.190.699 |
| Tổng cộng | | 9.288.618 | 12.193.931 | 15.215.743 |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 đã được soát xét

Bảng 41: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Các loại quỹ | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 30/06/2024 |
|-----------|--------------------------------|------------|------------|------------|
| 1 | Quỹ dự phòng tài chính | 5.544.652 | 7.175.661 | 9.158.715 |
| 2 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 2.779.726 | 3.595.230 | 4.586.757 |
| 3 | Quỹ khác | 645.974 | 807.788 | 1.180.929 |
| Tổng cộng | | 8.970.352 | 11.578.679 | 14.926.401 |

Nguồn: BCTC riêng năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét

1.13. Cập nhật Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại Mục V.2.2

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 42: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất

| Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2023 | 6T đầu năm 2024 |
|--|-------------|------------|------------|-----------------|
| 1. Chỉ tiêu về vốn | | | | |
| Vốn điều lệ | triệu đồng | 45.339.861 | 52.140.841 | 52.870.841 |
| Vốn tự có | triệu đồng | 84.617.748 | 99.130.305 | 109.928.796 |
| Tỷ lệ an toàn vốn | % | 11,53 | 10,75 | 11,10 |
| 2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản | | | | |
| Tỷ lệ nợ quá hạn | % | 2,79 | 3,88 | 3,47 |
| Tỷ lệ nợ xấu | % | 1,09 | 1,60 | 1,64 |
| (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản | % | 64,3 | 65,4 | 69,6 |
| Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng | % | 95,3 | 92,5 | 96,2 |
| 3. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân | % | 12,196 | 12,95 | 13,71 |

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2023 | 6T đầu năm 2024 |
|--|-----------------|----------|----------|--------------------|
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn | % | 30,38 | 26,10 | 27,92 |
| Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi | % | 75,29 | 76,45 | 81,90 |
| 4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 31,99 | 29,84 | 26,73 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 3,4 | 3,14 | 2,78 |
| Thu nhập lãi cận biên (NIM) | % | 5,71 | 4,93 | 4,29 |
| Hệ số ROA | % | 2,72 | 2,52 | 2,22 |
| Hệ số ROE | % | 25,55 | 23,88 | 21,35 |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) | đồng/cổ phần | 3.856 | 3.966 | 2.016 |
| Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập | % | 18,63 | 14,10 | 14,32 |
| Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế | % | 18,19 | 15,53 | 17,12 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Bảng 43: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ

| Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2023 | 6T đầu năm 2024 |
|--|----------------|------------|------------|--------------------|
| 1. Chỉ tiêu về vốn | | | | |
| Vốn điều lệ | triệu đồng | 45.339.861 | 52.140.841 | 52.870.841 |
| Vốn tự có | triệu đồng | 78.672.404 | 93.322.786 | 103.959.996 |
| Tỷ lệ an toàn vốn | % | 11,37 | 10,75 | 11,17 |
| 2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản | | | | |
| Tỷ lệ nợ quá hạn | % | 1,55 | 2,83 | 2,58 |
| Tỷ lệ nợ xấu | % | 0,83 | 1,41 | 1,43 |
| (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản | % | 63,7 | 64,3 | 68,8 |
| Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng | % | 96,1 | 92,4 | 96,3 |
| 3. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân | % | 12,196 | 12,95 | 13,71 |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn | % | 30,38 | 26,10 | 27,92 |

em/ Agg



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phiên ra công chứng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17/06/2024)

| Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2023 | 6T đầu năm 2024 |
|--|-----------------|----------|----------|--------------------|
| Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi | % | 75,29 | 76,45 | 81,90 |
| 4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 31,28 | 30,63 | 28,52 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 3,21 | 3,10 | 2,86 |
| Thu nhập lãi cận biên (NIM) | % | 4,81 | 4,27 | 3,74 |
| Hệ số ROA | % | 2,57 | 2,49 | 2,33 |
| Hệ số ROE | % | 25,11 | 24,6 | 23,17 |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) | đồng/cổ phần | - | - | - |
| Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập | % | 6,10 | 6,39 | 6,81 |
| Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế | % | 8,07 | 10,37 | 12,66 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

2. Các thông tin khác

2.1. Cập nhật thay đổi vốn điều lệ, thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Mục IV.1.

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt : Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội
Tên đầy đủ bằng Tiếng Anh : Military Commercial Joint Stock Bank
Tên gọi tắt bằng Tiếng Việt : Ngân hàng TMCP Quân Đội
Tên viết tắt : MB
Tên giao dịch : Ngân hàng Quân Đội
Trụ sở : Số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy,
thành phố Hà Nội
Điện thoại : 024 62661088
Fax : 024 62661080
Website : www.mbbank.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký : số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
doanh nghiệp : cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54
ngày 16/05/2024.
Giấy phép hoạt động : Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN
ngày 16 tháng 10 năm 2018

Vốn điều lệ : 52.870.840.520.000 đồng (Năm mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi tỷ, tám trăm bốn mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng). (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024).

(*) Cập nhật đến ngày 31/08/2024, Ngân hàng TMCP Quân Đội đã kết thúc đợt phát hành thêm 19.240.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty tăng vốn điều lệ từ 52.870.840.520.000 đồng lên 53.063.240.520.000 đồng (Năm mươi ba nghìn không trăm sáu mươi ba nghìn tỷ hai trăm bốn mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Hiện nay, MB đang thực hiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan quản lý nhà nước để thay đổi Giấy phép hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số vốn điều lệ mới này..

2.2. Cập nhật cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành tại Mục IV.3

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành

Tính đến thời điểm 30/06/2024, cơ cấu tổ chức của MB bao gồm:

❖ Khối Ngân hàng (Công ty mẹ) gồm có:

- 01 Trụ sở chính đặt tại số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- 110 Chi nhánh được cấp phép (trong đó có 1 chi nhánh tại Lào), 210 phòng giao dịch được cấp phép và 1 Văn phòng đại diện tại Nga

❖ Công ty thành viên

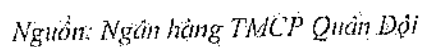
MB có bảy (7) công ty thành viên như sau:

| STT | Tên Công ty thành viên | Tỷ lệ sở hữu của MB tại thời điểm 30/06/2024 |
|-----|--|--|
| 1 | Công ty Cổ phần chứng khoán MB (MBS) | 79,73% |
| 2 | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (MBCapital) | 90,77% |
| 3 | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (MIC) | 68,37% |
| 4 | Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL) | 61,00% |
| 5 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC) | 100,00% |
| 6 | Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit) | 50,00% |
| 7 | Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia | 100,00% |

Handwritten signature

2.3. Cập nhật thông tin giới thiệu về 2 cơ quan thuộc cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành tại Mục IV.4.3 và Mục IV.4.4, và bổ sung thêm Mục IV.4.6 Hội đồng xử lý rủi ro

Hình 1: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành



4.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, Quy định nội bộ của MB, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ MB và quy định pháp luật. Ban Kiểm soát có tối thiểu 05 thành viên, số lượng thành viên quy định tại Điều lệ MB. Ban kiểm soát gồm: Trưởng Ban kiểm soát, Phó Trưởng Ban kiểm soát (theo yêu cầu hoạt động của Ban kiểm soát từng thời kỳ) và các thành viên Ban kiểm soát. Số thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát.

4.4 Cơ quan Kiểm toán nội bộ

Cơ quan Kiểm toán nội bộ là cơ quan thuộc Ban kiểm soát. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

4.6 Hội đồng xử lý rủi ro

Hội đồng xử lý rủi ro là cơ quan chịu trách nhiệm phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản bảo đảm và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt; quyết định hoặc phê duyệt việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống; quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống, bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm.

2.4. Cập nhật Danh sách Công ty con của MB, những công ty mà MB nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán tại IV.5.2

5.2. Danh sách Công ty con của MB, những công ty mà MB nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán.

| STT | Danh sách công ty con | Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2022 | Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2023 | Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 30/06/2024 |
|-----|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần chứng khoán MB ("MBS") | 79,73% | 79,73% | 79,73% |
| 2 | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ("MBCapital") | 90,77% | 90,77% | 90,77% |
| 3 | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (MIC) | 68,37% | 68,37% | 68,37% |



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| STT | Danh sách công ty con | Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2022 | Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2023 | Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 30/06/2024 |
|-----|--|---|---|---|
| 4 | Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL) | 61,00% | 61,00% | 61,00% |
| 5 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC) | 100,00% | 100,00% | 100,00% |
| 6 | Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit) | 50,00% | 50,00% | 50,00% |
| 7 | Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia (MBCambodia) | - | 100,00% | 100,00% |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

❖ Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 Tên tiếng anh : MB Securities Joint Stock Company
 Tên viết tắt : MBS
 Ngày thành lập : 09/12/2013
 Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 9/12/2013 và Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GPDC-UBCK ngày 18/11/2022.
 Vốn điều lệ tại ngày : 4.376,70 tỷ đồng
 30/06/2024
 Tỷ lệ sở hữu của MB : 79,73%
 tại Công ty này tại ngày
 30/06/2024
 Hoạt động kinh doanh : - Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán
 chính
 Chi tiết: Môi giới chứng khoán và Môi giới chứng khoán phái sinh.
 - Hoạt động dịch vụ tài chính khác: tự doanh chứng khoán và tự doanh chứng khoán phái sinh.
 - Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, lưu ký chứng khoán, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán, giao dịch chứng khoán trực tiếp, ứng trước tiền bán chứng

Am



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu và công chứng số 102/GCN-UBCK,
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

khoản, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

❖ Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital)

Tên đầy đủ : Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
Tên tiếng anh : MB Capital Management Joint Stock Company
Tên viết tắt : MB Capital
Ngày thành lập : 15/11/2007
Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 15/11/2007
Vốn điều lệ tại ngày : 356,17 tỷ đồng
30/06/2024
Tỷ lệ sở hữu của MB : 90,77%
Công ty này tại ngày : 30/06/2024
Hoạt động kinh doanh : Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chính.

❖ Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội

Tên đầy đủ : Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội
Tên tiếng anh : Military Bank Assets Management Company Limited
Tên viết tắt : MBAMC CO., LTD
Ngày thành lập : 11/09/2002
Giấy phép hoạt động : ĐKKD số 0105281799 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/9/2002
Vốn điều lệ tại ngày : 665,86 tỷ đồng
30/06/2024
Tỷ lệ sở hữu của MB tại : 100%
Công ty này tại ngày : 30/06/2024
Hoạt động kinh doanh : Quản lý nợ và khai thác tài sản chính

❖ Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei

Tên đầy đủ : Công ty tài chính TNHH MB Shinsei
Tên tiếng anh : MB Shinsei Finance Limited Liability Company

Handwritten signature



Tên viết tắt : MS FINANCE
Ngày thành lập : 10/03/2016
Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 58/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 21/9/2017.
Vốn điều lệ tại ngày : 1.600 tỷ đồng
30/06/2024
Tỷ lệ sở hữu của MB tại : 50%
Công ty này tại ngày
30/06/2024
Hoạt động kinh doanh : Tài chính tiêu dùng
chính

❖ Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Tên đầy đủ : Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội
Tên tiếng anh : Military Insurance Corporation
Tên viết tắt : MIC
Ngày thành lập : 8/10/2007
Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 43 GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp lần đầu ngày
8/10/2007
Vốn điều lệ tại ngày : 1.726,72 tỷ đồng
30/06/2024
Tỷ lệ sở hữu của MB : 68,37%
tại Công ty này tại ngày
30/06/2024
Hoạt động kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ.
chính

❖ Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas

Tên đầy đủ : Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas
Tên tiếng anh : MB Ageas Life Insurance Company Limited
Tên viết tắt : MB Ageas Life
Ngày thành lập : 21/07/2016
Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 74/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày
21/07/2016
Vốn điều lệ tại ngày : 1.500 tỷ đồng

Agg



Bản thông tin cập nhật Dân cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

30/06/2024

Tỷ lệ sở hữu của MB : 61%
tại Công ty này tại ngày
30/06/2024

Hoạt động kinh doanh :
chính Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư
tài chính

❖ Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia

Tên đầy đủ : Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia
Tên tiếng anh : MB Bank (Cambodia) Plc
Tên viết tắt : MB Cambodia
Ngày thành lập : 02/01/2023
Giấy phép hoạt động : Số MOC-00021616 do Bộ Thương mại Campuchia cấp ngày
02/01/2023
Vốn điều lệ tại ngày : 76.552.197 USD
30/06/2024
Tỷ lệ sở hữu của MB tại : 100%
Công ty này tại ngày
30/06/2024

Hoạt động kinh doanh : Ngân hàng thương mại

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

2.5. Cập nhật Quá trình tăng vốn của MB tại Mục IV.6.

Mục IV.6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của MB

| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng) | Vốn tăng (triệu đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng) | Số lượng CP tăng (cổ phần) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị chấp thuận | Ý kiến của đơn vị kiểm toán |
|--------------------|---|-----------------------|---------------------------------------|----------------------------|--|---|-----------------------------|
| Năm 2006 | 450.000 | 595.200 | 1.045.200 | 59.520.000 | Đợt 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cổ phiếu thưởng. Đợt 2: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | Đại hội đồng cổ đông; Ngân hàng Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. | Không có |
| Năm 2007 | 1.045.200 | 954.800 | 2.000.000 | 95.480.000 | Đợt 1: Phát hành cổ phiếu dành cho cổ đông hiện hữu Đợt 2: Phát hành cổ phiếu dành cho cổ đông hiện hữu | Đại hội đồng cổ đông; Ngân hàng Nhà nước; | |
| Năm 2008 | 2.000.000 | 1.400.000 | 3.400.000 | 140.000.000 | Đợt 1: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Đợt 2: Phát hành cổ phiếu từ chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi năm 2006 Đợt 3: Phát hành cho CĐHH, CBCNV và CĐ chiến lược | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. | |
| Năm 2009 | 3.400.000 | 1.900.000 | 5.300.000 | 190.000.000 | Đợt 1: Phát hành cổ phiếu từ | | |





Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Quy định công khai thông tin tài chính ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng) | Vốn tăng (triệu đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng) | Số lượng CP tăng (cổ phần) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị chấp thuận | Ý kiến của đơn vị kiểm toán |
|-----------------------|--|-----------------------------|---|----------------------------------|--|----------------------|--------------------------------|
| | | | | | chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đợt 1 năm 2007 Đợt 2: Phát hành cổ phiếu từ chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đợt 2 năm 2007 Đợt 3: Phát hành cho CĐHH, CBCNV và CĐ chiến lược | | |
| Năm 2010 | 5.300.000 | 2.000.000 | 7.300.000 | 200.000.000 | Đợt 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và CĐ chiến lược Đợt 2: Phát hành cổ phiếu thường | | |
| Năm 2012 | 7.300.000 | 2.700.000 | 10.000.000 | 270.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | | |
| | 10.000.000 | 625.000 | 10.625.000 | 62.500.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | | |
| Năm 2013 | 10.625.000 | 631.250 | 11.256.250 | 63.125.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho cán bộ nhân viên | | |
| Năm 2014 | 11.256.250 | 337.688 | 11.593.938 | 33.768.750 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | Không có |
| | 11.593.938 | 347.818 | 11.941.756 | 34.781.812 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | Chấp nhận toàn phần |
| Năm 2015 | 11.941.756 | 152.182 | 12.093.938 | 15.218.188 | Phát hành cho cán bộ nhân viên | | Không có |
| | 12.093.938 | 3.906.063 | 16.000.000 | 390.606.250 | Phát hành riêng lẻ | | |

| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng) | Vốn tăng (triệu đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng) | Số lượng CP tăng (cổ phần) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị chấp thuận | Ý kiến của đơn vị kiểm toán |
|-----------------------|--|-----------------------------|---|----------------------------------|--|----------------------|--------------------------------|
| Năm 2016 | 16.000.000 | 311.818 | 16.311.818 | 31.181.818 | Sáp nhập Công ty tài chính Sông Đà | | Chấp nhận toàn phần |
| | 16.311.818 | 815.591 | 17.127.409 | 81.559.091 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu | | Không có |
| | 17.127.409 | 856.370 | 17.983.780 | 85.637.045 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu | | Không có |
| Năm 2017 | 17.983.780 | 171.274 | 18.155.054 | 17.127.409 | Phát hành cho cán bộ nhân viên | | Chấp nhận toàn phần |
| Năm 2018 | 18.155.054 | 3.449.460 | 21.604.514 | 344.946.018 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu | | Không có |
| Năm 2019 | 21.604.514 | 1.690.719 | 23.295.233 | 169.071.872 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu | | Không có |
| | 23.295.233 | 432.090 | 23.727.323 | 43.209.027 | Phát hành cho cán bộ nhân viên | | Chấp nhận toàn phần |
| Năm 2020 | 23.727.323 | 643.106 | 24.370.429 | 64.310.581 | Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp | | Chấp nhận toàn phần |
| | 24.370.429 | 3.617.140 | 27.987.569 | 361.714.011 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu | | Không có |
| Năm 2021 | 27.987.569 | 9.795.649 | 37.783.218 | 979.564.905 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu | | Không có |
| Năm 2022 | 37.783.218 | 7.556.644 | 45.339.861 | 755.664.356 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu | | Không có |
| Năm 2023 | 45.339.861 | 6.800.979 | 52.140.841 | 680.097.919 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu | | Không có |



Bản thông tin cấp nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và công chứng số 112/CN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/08/2024)

| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng) | Vốn tăng (triệu đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng) | Số lượng CP tăng (cổ phần) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị chấp thuận | Ý kiến của đơn vị kiểm toán |
|-----------------------|--|-----------------------------|---|----------------------------------|--|---|--------------------------------|
| Năm 2024 | 52.140.841 | 730.000 | 52.870.841 | 73.000.000 | Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp | | Chấp nhận toàn phần |
| | 52.870.841 | 192.400 | 53.063.241 | 19.240.000 | Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động | Đại hội đồng cổ đồng; Ngân hàng Nhà nước; Ủy ban Chứng khoản Nhà nước; | |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Ghi chú: Cập nhật đến ngày 31/08/2024, Ngân hàng TMCP Quân Đội đã kết thúc đợt phát hành thêm 19.240.000 cổ phiếu theo chương trình lựa
chọn cho người lao động trong công ty tăng vốn điều lệ từ 52.870.840.520.000 đồng lên 53.063.240.520.000 đồng (Năm mươi ba nghìn không
trăm sáu mươi ba nghìn tỷ hai trăm bốn mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Hiện nay, MB đang thực hiện các thủ tục pháp lý với các cơ
quan quản lý nhà nước để thay đổi Giấy phép hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số vốn điều lệ mới này.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



Bản thông tin cập nhật Báo cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

2.6. Cập nhật Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 30/08/2024 tại Mục IV.7.1

Mục IV.7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 30/08/2024

| TT | Cổ đông | Số lượng (người) | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|----|---|------------------|----------------------|----------------|
| I | Cổ đông trong nước | 124,860 | 4.073.425.046 | 76,765 |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 342 | 3.011.170.674 | 56,747 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 124.518 | 1.062.254.372 | 20,019 |
| II | Cổ đông nước ngoài | 793 | 1.232.899.006 | 23,235 |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 232 | 1.229.316.973 | 23,167 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 561 | 3.582.033 | 0,068 |
| 3 | Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 0 | 0 | 0,000 |
| | Tổng cộng | 125.653 | 5.306.324.052 | 100,000 |

Nguồn: Danh sách cổ đông chào tại ngày 30/08/2024 của MB

2.7. Cập nhật Các loại chứng khoán khác tại Mục IV.7.3

Mục IV.7.3. Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, tính đến thời điểm 31/08/2024, MB đang lưu hành 30.915.102,8 triệu đồng trái phiếu theo mệnh giá. Thông tin chi tiết trái phiếu đang lưu hành tại MB cụ thể như sau:

Bảng 3: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại MB

| | Mã Trái phiếu | Số dư trái phiếu (trái phiếu) | Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng) | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Loại trái phiếu | Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (năm) | Lãi suất trái phiếu lý hiện tại (năm) | Kỳ hạn (năm) |
|---|-----------------|-------------------------------|---------------------------------------|----------------|--------------|---------------------------|--|---------------------------------------|--------------|
| 1 | MB.2018.10 Y.01 | 1.700 | 170.000 | 16/10/2018 | 16/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,8% | 7,25% | 10 |
| 2 | MB.2018.10 Y.02 | 1.400 | 140.000 | 17/10/2018 | 17/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,50% | 8,50% | 10 |
| 3 | MB.2018.10 Y.03 | 250 | 25.000 | 26/10/2018 | 26/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,50% | 8,50% | 10 |
| 4 | MB.2018.10 Y.04 | 450 | 45.000 | 28/11/2018 | 28/11/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,50% | 8,50% | 10 |
| 5 | MB.2018.10 Y.05 | 200 | 20.000 | 28/11/2018 | 28/11/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,50% | 8,50% | 10 |



Bản thông tin cập nhật Bản chào bán
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | | | | | | | | |
|----|-------------------------|---------------|-----------|------------|------------|------------------------------|--|-------|----|
| 6 | MB.2018.7 Y.01 | 400 | 40.000 | 29/11/2018 | 29/11/2025 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,40% | 8,40% | 7 |
| 7 | MB.2018.7 Y.02 | 4.000 | 400.000 | 12/12/2018 | 12/12/2025 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,7% | 6,88% | 7 |
| 8 | MB.2019.10 Y.01 | 600 | 60.000 | 30/09/2019 | 30/09/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,60% | 8,60% | 10 |
| 9 | MB.2019.10 Y.02 | 800 | 80.000 | 04/11/2019 | 04/11/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,70% | 8,70% | 10 |
| 10 | MB.2019.5 Y.01 | 500 | 50.000 | 11/10/2019 | 12/10/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,8% | 7,30% | 5 |
| 11 | MB.BOND. 2017.10Y.01 | 5.000 | 500.000 | 07/09/2017 | 07/09/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5 năm dầu: 8,4% - 5 năm tiếp: 8,6% | 8,60% | 10 |
| 12 | MB.BOND. 2017.10Y.08 | 200 | 20.000 | 10/10/2017 | 10/10/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5 năm dầu: 8,4% - 5 năm tiếp: 8,6% | 8,60% | 10 |
| 13 | MB.BOND. 2017.7Y.07 | 1.000 | 100.000 | 10/10/2017 | 10/10/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,45% | 8,45% | 7 |
| 14 | MB.BOND. 2017.7Y.10 | 600 | 60.000 | 24/11/2017 | 24/11/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,45% | 8,45% | 7 |
| 15 | MB.BOND. 2017.7Y.13 | 2.000 | 200.000 | 14/12/2017 | 14/12/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,73% | 6,90% | 7 |
| 16 | MB.BOND. 2017.7Y.14 | 6.000 | 600.000 | 22/12/2017 | 22/12/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,73% | 6,68% | 7 |
| 17 | MB.BOND. 2017.7Y.16 | 250 | 25.000 | 28/12/2017 | 28/12/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,45% | 8,45% | 7 |
| 18 | MBBH2128 002 | 10.000 | 100.000 | 31/08/2021 | 31/08/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,7% | 6,38% | 7 |
| 19 | MBBH2430 001 | 3.951.0 28 | 395.102,8 | 15/07/2024 | 15/07/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 6,08% | 6,08% | 6 |
| 20 | MBBL2128 001 | 17.000 | 170.000 | 31/08/2021 | 31/08/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5,45% | 6,38% | 7 |
| 21 | MBBL2128 004 | 12.000 | 120.000 | 10/09/2021 | 10/09/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5,45% | 7,50% | 7 |
| 22 | MBBL2128 005 | 24.500 | 245.000 | 20/09/2021 | 20/09/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5,45% | 7,50% | 7 |
| 23 | MBBL2128 008 | 20.000 | 200.000 | 05/10/2021 | 05/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5,45% | 7,20% | 7 |



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Thần Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-HBCV
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2021)

| | | | | | | | | | |
|----|-----------------|--------|-----------|------------|------------|------------------------------|---|-------|---|
| 24 | MBBL2128 009 | 22.000 | 220.000 | 25/10/2021 | 25/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5,45% | 7,20% | 7 |
| 25 | MBBL2128 011 | 8.000 | 80.000 | 25/10/2021 | 25/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5,45% | 7,05% | 7 |
| 26 | MBBL2227 006 | 36.000 | 360.000 | 29/04/2022 | 30/04/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5,45% | 6,18% | 5 |
| 27 | MBBL2227 007 | 5.000 | 50.000 | 06/05/2022 | 07/05/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,5% | 6,18% | 5 |
| 28 | MBBL2227 008 | 4.000 | 40.000 | 09/05/2022 | 10/05/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,3% | 6,18% | 5 |
| 29 | MBBL2227 015 | 5.000 | 50.000 | 15/06/2022 | 16/06/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,4% | 6,08% | 5 |
| 30 | MBBL2229 016 | 5.000 | 50.000 | 15/06/2022 | 15/06/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 7,05% | 7,05% | 7 |
| 31 | MBBL2229 020 | 10.000 | 100.000 | 16/09/2022 | 16/09/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,5% | 7,30% | 7 |
| 32 | MBBL2229 021 | 200 | 200.000 | 30/12/2022 | 30/12/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,80% | 8,80% | 7 |
| 33 | MBBL2328 008 | 50 | 50.000 | 12/12/2023 | 13/12/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(1,5%) | 6,68% | 5 |
| 34 | MBBL2330 001 | 100 | 100.000 | 22/09/2023 | 22/09/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 7,50% | 7,50% | 7 |
| 35 | MBBL2330 002 | 200 | 200.000 | 29/09/2023 | 29/09/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 7,50% | 7,50% | 7 |
| 36 | MBBL2330 003 | 50 | 50.000 | 03/10/2023 | 03/10/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(1,5%) | 7,00% | 7 |
| 37 | MBBL2330 004 | 100 | 500.000 | 13/10/2023 | 13/10/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%) | 7,30% | 7 |
| 38 | MBBL2330 005 | 1.000 | 1.000.000 | 25/10/2023 | 25/10/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%) | 7,05% | 7 |
| 39 | MBBL2330 006 | 500 | 500.000 | 17/11/2023 | 17/11/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,7%, 2 năm cuối 2,2%) | 6,93% | 7 |

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | | | | | | | | |
|----|--------------|--------|-----------|------------|------------|---------------------------|--|-------|---|
| 40 | MBBL2330-007 | 400 | 400.000 | 07/12/2023 | 07/12/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,7%, 2 năm cuối 2,2%) | 6,88% | 7 |
| 41 | MBBL2330-009 | 200 | 200.000 | 18/12/2023 | 18/12/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%) | 6,98% | 7 |
| 42 | MBBL2330-010 | 100 | 100.000 | 28/12/2023 | 28/12/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,7%, 2 năm cuối 2,2%) | 6,65% | 7 |
| 43 | MBBL2330-011 | 199 | 199.000 | 29/12/2023 | 29/12/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%) | 6,75% | 7 |
| 44 | MBBL2330-012 | 150 | 150.000 | 29/12/2023 | 29/12/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,2%) | 6,75% | 7 |
| 45 | MBBL2426-012 | 20.000 | 2.000.000 | 19/06/2024 | 19/06/2026 | Trái phiếu trung hạn | 5,28% | 5,28% | 2 |
| 46 | MBBL2426-014 | 20.000 | 2.000.000 | 20/06/2024 | 20/06/2026 | Trái phiếu trung hạn | 5,28% | 5,28% | 2 |
| 47 | MBBL2426-018 | 20.000 | 2.000.000 | 25/07/2024 | 25/07/2026 | Trái phiếu trung hạn | 5,45% | 5,45% | 2 |
| 48 | MBBL2426-019 | 20.000 | 2.000.000 | 26/07/2024 | 26/07/2026 | Trái phiếu trung hạn | 5,45% | 5,45% | 2 |
| 49 | MBBL2427-015 | 20.000 | 2.000.000 | 23/07/2024 | 23/07/2027 | Trái phiếu trung hạn | 5,45% | 5,45% | 3 |
| 50 | MBBL2427-016 | 20.000 | 2.000.000 | 24/07/2024 | 24/07/2027 | Trái phiếu trung hạn | 5,45% | 5,45% | 3 |
| 51 | MBBL2427-017 | 20.000 | 2.000.000 | 25/07/2024 | 25/07/2027 | Trái phiếu trung hạn | 5,45% | 5,45% | 3 |
| 52 | MBBL2427-020 | 20.000 | 2.000.000 | 01/08/2024 | 01/08/2027 | Trái phiếu trung hạn | 5,45% | 5,45% | 3 |
| 53 | MBBL2427-021 | 20.000 | 2.000.000 | 05/08/2024 | 05/08/2027 | Trái phiếu trung hạn | 5,45% | 5,45% | 3 |
| 54 | MBBL2431-001 | 150 | 150.000 | 27/03/2024 | 27/03/2031 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,2%) | 6,50% | 7 |
| 55 | MBBL2431-002 | 100 | 100.000 | 29/03/2024 | 29/03/2031 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, 2 năm cuối 2,2%) | 6,20% | 7 |

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chính phủ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | | | | | | năm cuối 2,00%) | | |
|----|-----------------|-------|-----------|------------|------------|------------------------------|---|-------|---|
| 56 | MBBL2431 005 | 1.000 | 1.000.000 | 08/04/2024 | 08/04/2031 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,0 %) | 6,18% | 7 |
| 57 | MBBL2431 006 | 100 | 100.000 | 08/04/2024 | 08/04/2031 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,0 %) | 6,18% | 7 |
| 58 | MBBL2431 007 | 100 | 100.000 | 09/04/2024 | 09/04/2031 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,0 %) | 6,18% | 7 |
| 59 | MBBL2431 009 | 400 | 400.000 | 22/04/2024 | 22/04/2031 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,0 %) | 6,18% | 7 |
| 60 | MBBL2431 010 | 301 | 301.000 | 26/04/2024 | 26/04/2031 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,0 %) | 6,18% | 7 |
| 61 | MBBL2431 011 | 200 | 200.000 | 27/05/2024 | 27/05/2031 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,2 %) | 6,18% | 7 |
| 62 | MBBL2431 013 | 1.000 | 1.000.000 | 20/06/2024 | 20/06/2031 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, các năm sau 2,7 %) | 6,18% | 7 |
| 63 | MBBL2432 004 | 200 | 200.000 | 04/04/2024 | 04/04/2032 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,6%, các năm sau 2,1 %) | 6,28% | 8 |

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | | | | | | | | |
|------|-----------------|-----|--------------|------------|------------|------------------------------|---|-------|----|
| 64 | MBSL2434 003 | 800 | 800.000 | 29/03/2024 | 29/03/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,8%, 5 năm cuối 2,6 %) | 6,50% | 10 |
| 65 | MBSL2434 008 | 200 | 200.000 | 17/04/2024 | 17/04/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,8%, các năm sau 2,3 %) | 6,48% | 10 |
| Tổng | | | 30.915.102,8 | | | | | | |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Theo Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2024 đã soát xét, tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/06/2024 là: 20.044.287 triệu đồng bao gồm: giá trị trái phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá 20.050.000 triệu đồng và 5.714 triệu đồng là tiền chi phí dịch vụ tư vấn và dịch vụ lưu ký tính đến ngày 30/06/2024 chưa đến hạn phân bổ.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2024 đã soát xét, tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/06/2024 là 22.208.576 triệu đồng (Bao gồm giá trị trái phiếu đang lưu hành của riêng MB là 20.044.287 triệu đồng, giá trị trái phiếu đang lưu hành của các công ty con tính đến ngày 30/06/2024 chưa đến hạn thanh toán là: 2.164.289 triệu đồng).

2.8. Cập nhật Tỷ lệ nợ xấu, Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tại Mục IV.8.3.1

Mục IV.8.3.1. Tổng quan Quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro là một chuyên dịch quan trọng trong nhóm 4 chuyên dịch chiến lược của MB giai đoạn 2017-2021. MB đã hoàn thành cả 3 trụ cột của Basel II, tuân thủ theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, Thông tư 13/2018/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 05 năm 2018, có đánh giá độc lập của Công ty Kiểm toán Ernst & Young. MB chú trọng xây dựng hệ thống Kiểm soát nội bộ khoa học, quản trị rủi ro thông minh gắn với "mô hình, công cụ, dữ liệu" giúp tăng trưởng nhanh và kiểm soát rủi ro.

Quá trình triển khai nền tảng quản trị rủi ro được MB thực hiện thống nhất, triệt để, toàn diện, chủ động nghiên cứu, vừa làm vừa thử nghiệm, ứng dụng và tinh chỉnh nhanh vào thực tiễn kinh doanh. Basel II đã giúp MB hoàn thành được các mục tiêu tăng trưởng tín dụng trên 20% trong những năm vừa qua đồng thời đảm bảo các chỉ tiêu an toàn vốn theo quy định của NHNN, cụ thể tại 31/12/2023 tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ ~ 10,75%, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất ~ 10,75% (so với quy định tối thiểu 8%). Tại 30/06/2024, tỷ lệ nợ xấu ở mức: 1,43% đối với riêng lẻ và 1,64% đối với hợp nhất. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đối với riêng lẻ: 100,4%, và 101,7% đối với hợp nhất

2.9. Cập nhật Mục IV.8.4 nội dung về Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng TMCP Quân Đội và nội dung về vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Mục IV.8.4. Thị trường hoạt động

❖ Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng TMCP

Handwritten signature

Quân Đội

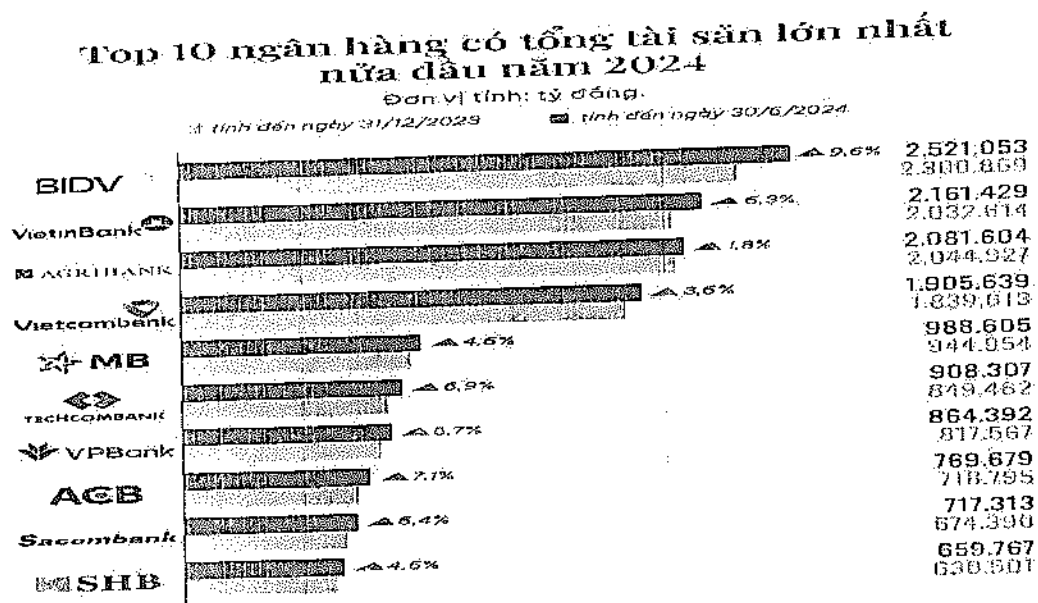
Tính đến ngày 30/06/2024, MB có 1 Hội sở chính, 110 chi nhánh bao gồm 1 chi nhánh tại Lào, 210 phòng giao dịch và 1 văn phòng đại diện tại Nga được cấp phép hoạt động. Hệ thống mạng lưới rộng khắp giúp MB có thể tiếp cận và cung cấp các dịch vụ tài chính của mình nhanh và thuận tiện cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.

❖ Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

MB là một trong số những ngân hàng dẫn đầu ngành về quy mô tài sản. Tính tới thời điểm 30/06/2024, MB đứng thứ 5 trên toàn hệ thống ngân hàng về quy mô tài sản với tổng giá trị tài sản đạt hơn 988,6 nghìn tỷ đồng và là ngân hàng tư nhân có quy mô tài sản lớn nhất hệ thống.

Chi tiết thông tin 10 ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất bán niên năm 2024 như sau:

Hình 2: 10 ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất bán niên năm 2024



Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất năm 2023 và Quý II năm 2024 của các ngân hàng

2.10. Cập nhật Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến cho chiến lược kinh doanh tại Mục IV.8.6.

Mục IV.8.6. Chiến lược kinh doanh

❖ Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến cho chiến lược kinh doanh

Nguồn vốn và nguồn lực của MB đều được triển khai đồng bộ nhằm tăng cường tối đa trên cả ba khía cạnh sau:

• Đối với nguồn vốn:

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023 là 52.140.840.520.000 VNĐ; Vốn điều lệ tại thời điểm

30/06/2024 là 52.870.840.520.000 VND.

MB thực hiện 02 phương án tăng vốn điều lệ trên cơ sở nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua:

Tăng 730.000.000.000 VND vốn điều lệ thông qua chào bán riêng lẻ thành công 73.000.000 cổ phiếu phổ thông theo Quyết nghị của HĐQT thường niên năm 2023. Ngân hàng Nhà Nước đã ra quyết định số 811/QĐ-NHNN ngày 02/05/2024 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân Đội, trong đó vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội là 52.870.840.520.000 đồng;

Tăng 192.400.000.000 VND vốn điều lệ thông qua phát hành 19.240.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động. Ngày 31/08/2024, MB đã hoàn thành phát hành 19.240.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty, số cổ phiếu có quyền biểu quyết tăng từ 5.287.084.052 cổ phiếu lên 5.306.341.052 cổ phiếu. Hiện nay, MB đang thực hiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan quản lý nhà nước để thay đổi Giấy phép hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với số vốn điều lệ mới này.

Thời gian hoàn tất tăng vốn điều lệ này phụ thuộc vào các văn bản, chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Tổng mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất các phương án tăng vốn điều lệ nêu trên là 53.063.240.520.000 VND.

Tại HĐQT thường niên năm 2024, HĐQT đã thông qua tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm 8.579.486.070.000 VND, bao gồm:

Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ mới năm 2024: 7.959.486.070.000 VND thông qua phát hành 795.948.607 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức (tương đương với tỷ lệ 15% tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành tại thời điểm vốn điều lệ đạt 53.063.240.520.000 VND)

Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc tiếp tục thực hiện chuyển tiếp phương án tăng vốn điều lệ đã được HĐQT MB thông qua năm 2023 và Ngân hàng Nhà Nước chấp thuận: 620.000.000.000 VND;

Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ năm 2024 là 61.642.726.590.000 VND.

2.11. Cập nhật Thông tin về cổ đông lớn tại Mục IV.9

Mục IV.9 Thông tin về cổ đông lớn

9.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 30/08/2024

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 25: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Phát Hành

| TT | Tên cổ đông | Năm thành lập | Số ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành | Số hữu của cổ đông lớn | | Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành |
|----|--|---------------|------------|---------------------------------------|-----------------------|------------------------------------|--|-----------------------------|------------------|---|
| | | | | | | | | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 1989 | 0300514849 | 722 Điện Biên Phủ, Q. Bình Thạnh, HCM | 6.931 | Ông Ngô Minh Thuận - Tổng giám đốc | Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thành viên HĐQT MB (đại diện vốn góp của TCT Tân Cảng SG tại MB) | 375.973.254 | 7,085% | Không |
| 2 | Tổng Công ty trực thăng Việt | 1996 | | | | | | 532.355 | 0,01% | Không |



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-LBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2014)

| TT | Tên cổ đông | Năm thành lập | Số ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo quyền tại Tổ chức phát hành | Số hữu của cổ đông lớn | Số hữu của người có liên quan | Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành |
|-----|---|---------------|----------------|--|-----------------------|------------------------------------|--|------------------------|-------------------------------|---|
| | Nam - Công ty TNHH và Chi nhánh | | | | | | | | | |
| 2.1 | Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH | | 0100107966 | Số 172 đường Trường Chinh, P. Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội | 3.980 | Ông Kiều Đăng Hùng - Tổng giám đốc | Ông Vũ Xuân Nam - Thành viên HĐQT MB (đại diện vốn góp của TCT Trục thăng VN tại MB) | 8,05% | 2.614.593 | 0,049% |
| 2.2 | Chi nhánh Tổng công ty Trục thăng | | 0100107966-006 | 36 Đường 30/4, P9, TP Vũng | | | | 20.188.769 | | 0,38% |
| | | | | | | | | | | Không |

Ngày



Bản thông tin cập nhật lần đầu tiên
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chấp hành nội quy ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| TT | Tên cổ đông | Năm thành lập | Số ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành | Sở hữu của cổ đông lớn | Sở hữu của người có liên quan | Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành |
|----|--|---------------|------------|--|-----------------------|------------------------------------|---|------------------------|-------------------------------|---|
| | Viet Nam- Công ty trách nhiệm hữu hạn - Công ty Trực thăng Miền Nam | | | Tàu | | | | | | |
| 3 | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước - Công ty TNHH (SCIC) | 2006 | 0101992921 | Số 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | 19.000 | Ông Nguyễn Quốc Huy- Tổng giám đốc | Bà Vũ Thái Huyền- Thành viên HĐQT MB (đại diện vốn góp của SCIC tại MB) | 9,826% | 470.431 | 0,009% |
| 4 | Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông | 1989 | 0100109106 | Lô D26 khu đối thi mới Cầu | 159.000 | Ông Tào Đức Thăng- | Bà Nguyễn Thị Hải | 14,702% | 228.580.641 | 4,308% |
| | | | | | | | | | | Không |

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| TT | Tên cổ đông | Năm thành lập | Số ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành | Sở hữu của cổ đông lớn | Sở hữu của người có liên quan | Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành |
|----|-------------|---------------|---------|---|-----------------------|-------------------------------|--|------------------------|-------------------------------|---|
| | Quản đội | | | Giấy, phường Yên Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội | | Tổng giám đốc | Lý - Thành viên HĐQT MB (đại diện 60% vốn góp của Viettel tại MB; Ông Phạm Doãn Cường- TV HĐQT MB đại diện 40% vốn góp của Viettel tại MB) | | | |

Handwritten signature

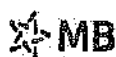


Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| TT | Tên cổ đông | Năm thành lập | Số ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành | Số hữu của cổ đông lớn | | Số hữu của người có liên quan | | Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành |
|----|-------------|---------------|---------|----------------------|-----------------------|-------------------------------|--|------------------------|--------|-------------------------------|-------|---|
| | Tổng cộng | | | | | | | 2.124.884.987 | 40,04% | 232.198.020 | 4,38% | |

Người: Danh sách cổ đông chối lại ngày 30/08/2024 của MB
[Phần còn lại của trang được cô ý đề trống]

Trần V



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

9.2. Chi tiết số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan của cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/08/2024

Bảng 26: Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan của cổ đông lớn

| T T | Tên người có liên quan | Cổ đông lớn có liên quan | Mối quan hệ với cổ đông lớn | Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /vốn điều lệ | |
|--------|---------------------------|---|---|--|--|
| | | | | Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần) | Tỷ lệ nắm giữ cổ phần (% vốn điều lệ) |
| 1 | Ngô Minh Thuần | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Tổng Giám đốc | 216.241 | 0,004 |
| 2 | Phùng Ngọc Minh | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Phó Tổng giám đốc | 17.314 | 0,0003 |
| 3 | Nguyễn Phương Nam | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Phó Tổng giám đốc | 2.000 | 0,00003 |
| | | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Đại diện vốn góp của TCT TCSG tại Công ty CP kho vận Tân Cảng | 3.658 | 0,0001 |
| 4 | Ngô Văn Ngự | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Đại diện vốn góp của TCT TCSG tại Công ty CP kho vận Tân Cảng | 222.800 | 0,0042 |
| 5 | Trần Quang Thảo | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Đại diện vốn góp của TCT TCSG tại Công ty Cổ phần Tân Cảng - 189 Hải Phòng | 27.340 | 0,001 |
| 6 | Nguyễn Văn Hòa | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Bố vợ ông Nguyễn Năng Toàn-Chủ tịch TCT | 41.880 | 0,001 |
| 7 | Trịnh Văn Mọi | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | | | |

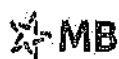
Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số /02/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| T T | Tên người có liên quan | Cổ đông lớn có liên quan | Mối quan hệ với cổ đông lớn | Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /vốn điều lệ | |
|--------|---------------------------|--|--|--|--|
| | | | | Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần) | Tỷ lệ nắm giữ cổ phần (% vốn điều lệ) |
| | | Gòn | | | |
| 8 | Nguyễn Thị Mai Lý | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài | Em ruột ông Nguyễn Năng Toàn-Chủ tịch TCT | 16 | 0,000 |
| 9 | Hoàng Thái Thủy Tiên | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài | Con dâu ông Bùi Sĩ Tuấn- PTGD-PTGD TCT | 1.100 | 0,00002 |
| 10 | Phạm Thị Sáu | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài | Vợ ông Nguyễn Thanh Trúc- PTGD TCT | 6 | 0,000 |
| Tổng | | | | 532.355 | 0,01 |
| 11 | Kiều Đặng Hùng | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc | 216.221 | 0,004 |
| 12 | Nguyễn Kim Lan | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH | Vợ Ông Kiều Đặng Hùng – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc | 322 | 0,00001 |
| 13 | Nguyễn Văn Tường | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH | Phó Tổng giám đốc | 26.436 | 0,001 |
| 14 | Trần Trung Dũng | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH | Phó Tổng giám đốc | 530.109 | 0,01 |
| 15 | Đào Thị Tuyết Nhung | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH | Kiểm soát viên | 18.037 | 0,0003 |
| 16 | Vũ Sỹ Dũng | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH | Kế toán trưởng | 2 | 0,0000 |

9/2/24



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| T T | Tên người có liên quan | Cổ đông lớn có liên quan | Mối quan hệ với cổ đông lớn | Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ | |
|--------|---|---|---|---|--|
| | | | | Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần) | Tỷ lệ nắm giữ cổ phần (% vốn điều lệ) |
| 17 | Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hải Âu | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH | Công ty con | 1.823.466 | 0,034 |
| Tổng | | | | 2.614.593 | 0,049 |
| 18 | Nguyễn Quốc Huy | Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC) | Thành viên HĐTV kiêm Tổng Giám đốc | 30.091 | 0,001 |
| 19 | Nguyễn Chí Thánh | Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC) | Chủ tịch Hội đồng thành viên | 67.530 | 0,001 |
| 20 | Vũ Thái Huyền | Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC) | Đại diện vốn góp của SCIC tại MB | 360.310 | 0,007 |
| 21 | Nguyễn Đức Nam | Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC) | Kiểm soát viên | 12.500 | 0,0002 |
| Tổng | | | | 470.431 | 0,009 |
| 22 | Đỗ Minh Phương | Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội | Phó Tổng Giám đốc | 74.538 | 0,001 |
| 23 | Nguyễn Thị Hải Lý | Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội | Đại diện vốn góp của Viettel tại MB | 145.815 | 0,003 |
| 24 | Ngô Quốc Vương | Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội | Thành viên ban kiểm soát | 3.500 | 0,0001 |
| 25 | Nguyễn | Tập đoàn Công | Em trai ông | 20.000 | 0,0004 |

Agg



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 192/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| T T | Tên người có liên quan | Cổ đông lớn có liên quan | Mối quan hệ với cổ đông lớn | Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ | |
|--------|---------------------------|---|--|---|--|
| | | | | Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần) | Tỷ lệ nắm giữ cổ phần (% vốn điều lệ) |
| | Trọng Minh | ngiệp - Viên thông Quân đội | Nguyễn Đình Chiến- PTGD Viettel | | |
| 26 | Nguyễn Thị Hương | Tập đoàn Công ngiệp - Viên thông Quân đội | Vợ Ông Nguyễn Xuân Trường- TV BKS Viettel | 530 | 0,00001 |
| 27 | Trương Thị Thu Hà | Tập đoàn Công ngiệp - Viên thông Quân đội | Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty CP Tư vấn và Dịch vụ Viettel | 41.860 | 0,0008 |
| 28 | Nguyễn Tấn Trường | Tập đoàn Công ngiệp - Viên thông Quân đội | Người đại diện vốn góp của Viettel tại Tổng Công ty CP công trình Viettel | 48 | 0,0000 |
| 29 | Nguyễn Việt Dũng | Tập đoàn Công ngiệp - Viên thông Quân đội | Người đại diện vốn góp của Viettel tại CTCP Xi măng Cẩm Phả | 90 | 0,0000 |
| 30 | Phạm Anh Đức | Tập đoàn Công ngiệp - Viên thông Quân đội | Người đại diện vốn góp của Viettel tại Công ty Viettel Peru S.A.C | 89.800 | 0,0017 |
| 31 | Tào Thị Thu | Tập đoàn Công ngiệp - Viên thông Quân đội | Chị gái ông Tào Đức Thắng- TGD Viettel | 65 | 0,0000 |
| 32 | Nguyễn Khắc | Tập đoàn Công ngiệp - Viên thông Quân đội | Em vợ ông Nguyễn Xuân Trường- TV BKS | 4.300 | 0,0001 |

gany



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| T T | Tên người có liên quan | Cổ đông lớn có liên quan | Mối quan hệ với cổ đông lớn | Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ | |
|-----------|---|--|--------------------------------|---|--|
| | | | | Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần) | Tỷ lệ nắm giữ cổ phần (% vốn điều lệ) |
| 33 | Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel | Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội | Công ty con | 228,200,095 | 4,301 |
| Tổng | | | | 228.580.641 | 4,308 |
| Tổng cộng | | | | 232.198.020 | 4,38 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

2.12. Cập nhật Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng tại Mục IV.10

Mục IV.10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Tại thời điểm ngày 30/08/2024, thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của MB cụ thể như sau:

10.1. Hội đồng quản trị

Bảng 27: Danh sách Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân Đội

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----|----------------------|-------------------|---------------|
| 1 | Ông Lưu Trung Thái | Chủ tịch HĐQT | 15/06/2024 |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Hải Lý | Phó Chủ tịch HĐQT | 15/06/2024 |
| 3 | Bà Vũ Thị Hải Phượng | Phó Chủ tịch HĐQT | 15/06/2024 |
| 4 | Ông Vũ Thành Trung | Phó Chủ tịch HĐQT | 15/06/2024 |
| 5 | Ông Phạm Như Ánh | Thành viên HĐQT | 15/06/2024 |
| 6 | Ông Phạm Doãn Cường | Thành viên HĐQT | 15/06/2024 |
| 7 | Ông Lê Việt Hải | Thành viên HĐQT | 15/06/2024 |
| 8 | Bà Vũ Thái Huyền | Thành viên HĐQT | 15/06/2024 |



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----|-----------------------|----------------------------|---------------|
| 9 | Bà Hoàng Thị Thu Hiền | Thành viên HĐQT | 15/06/2024 |
| 10 | Ông Vũ Xuân Nam | Thành viên HĐQT | 15/06/2024 |
| 11 | Ông Hoàng Văn Sâm | Thành viên độc lập HĐQT | 15/06/2024 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

10.1.1. Ông Lưu Trung Thái - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Lưu Trung Thái
Năm sinh : 1975
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|--------------------------------------|----------------------------------|
| 10/1997 - 09/2001 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên tín dụng |
| 10/2001 - 05/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Phòng phụ trách tín dụng |
| 06/2004 - 11/2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng | Giám đốc Chi nhánh |
| 12/2007 - 04/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc nhân sự |
| 04/2008 - 11/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |
| 11/2011 - 04/2013 | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 04/2013 - 09/2013 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |
| 09/2013 - 01/2017 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Chủ tịch HĐQT |

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|-----------------------|-------------------------|---|
| 01/2017 12/04/2023 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 12/04/2023 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Chủ tịch HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 6.287.908 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 6.287.908 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|---------------|-------------|--------------------------|
| Lưu Thiệu Thu | Em gái | 31.891 |
| Phạm Văn Lợi | Em rể | 6 |
| Tổng Anh Văn | Em rể | 155.256 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 1.989 triệu đồng
Tiền lương năm 2023: 1.253 triệu đồng
(miễn nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm
Chủ tịch HĐQT từ ngày 12/4/2023)
Tiền lương năm 2022: 3.062 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 437,55 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)

10.1.2. Bà Nguyễn Thị Hải Lý – Phó chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Thị Hải Lý

Năm sinh : 1974

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị - Đại học Kinh tế Quốc
dân;

- Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân
Đội



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2023)

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Trưởng Ban Đầu tư Tài chính - Tập đoàn công nghiệp viễn thông Quân đội Viettel

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|---|--|
| 01/1996 - 02/2005 | Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội; Công ty Viễn thông Quân đội | Nhân viên |
| 03/2005 - 12/2009 | Tổng Công ty Viễn thông Quân đội | Phó phòng Đầu tư – Trưởng phòng Đầu tư |
| 01/2010 - 08/2022 | Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội | Trưởng phòng Đầu tư – Trưởng ban Đầu tư – Xây dựng |
| 09/2018 - 04/2023 | Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel | Phó Chủ tịch HĐQT – Chủ tịch HĐQT |
| 05/2023 - nay | Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội | Trưởng ban |
| 05/2023 - 06/2024 | Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel (VTG) | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 6/2024 – nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Chủ tịch HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 605.148.665 cổ phần
+ Sở hữu cá nhân : 145.815 cổ phần
+ Đại diện sở hữu : 605.002.850 cổ phần (đại diện 60% vốn góp của Viettel và Viettel-Commerce tại MB)

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--|--|--------------------------|
| Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) | Bà Nguyễn Thị Hải Lý đại diện 60% vốn của Viettel tại MB | 780.137.989 |

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|--|---|-------------|
| Công ty TNHH nhà nước một thành viên Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL (Viettel-Commerce) | Bà Nguyễn Thị Hải Lý đại diện 60% vốn của Viettel Commerce tại MB | 228.200.095 |
|--|---|-------------|

Lợi ích liên quan đối với MB : Hướng thù lao HĐQT

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 1,15 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)

10.1.3. Bà Vũ Thị Hải Phượng - Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Vũ Thị Hải Phượng

Năm sinh : 1970

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn MB Shinsei

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|--|-----------------------------------|
| 1993 - 04/1994 | Viettronic Đồng Đa | Nhân viên |
| 10/1994 - 06/2002 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên tín dụng - Trưởng phòng |
| 07/2002 - 07/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lý Nam Đế | Giám đốc Chi nhánh |
| 07/2004 - 09/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng phòng |
| 10/2004 - 06/2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ | Phó Giám đốc - Giám đốc Chi nhánh |
| 06/2007 - 08/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám |

Am



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký công bố ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|-------------------|---|--------------------------------------|
| | | độc Chi nhánh. |
| 09/2008 - 04/2014 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối |
| 04/2014 - 04/2019 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 01/2020 - nay | Công ty Tài chính TNHH MB SHINSEI (Meredit) | Chủ tịch HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 3.349.097 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 3.349.097 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|----------------|---|--------------------------|
| Trần Minh Tuấn | Chồng | 43.562 |
| Trần Vũ Hà Duy | Con trai | 18.696 |
| Vũ Khánh Huyền | Cháu ruột | 40 |
| Lê Quốc Ninh | Bà Vũ Thị Hải Phượng và Ông Lê Quốc Ninh được MB ủy quyền đại diện vốn tại MB Shinsei | 858.213 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 2.576 triệu đồng

Thù lao HĐQT năm 2022: 2.510 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 190,73 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)

10.1.4. Ông Vũ Thành Trung – Phó chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Vũ Thành Trung

Năm sinh : 1981

Quốc tịch : Việt Nam



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chấp hành trái phiếu ra công chứng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

Trình độ chuyên môn : - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - International University of Japan;
- Cử nhân Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại Thương

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội
Thành viên Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Quân đội

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|---|-------------------------------------|
| 06/2003 – 06/2006 | Công ty Kanematsu Corporation, Nhật Bản | Nhân viên |
| 08/2008 – 10/2010 | Công ty Chứng khoán Vincome | Trưởng phòng |
| 11/2010 – 05/2015 | Công ty CP Quản lý quỹ MB | Giám đốc đầu tư – Phó Tổng Giám đốc |
| 05/2015 – 04/2017 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối |
| 4/2016 – 04/2023 | Công ty CP Chứng khoán MB | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 04/2017 – 08/2020 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Chánh Văn phòng TGD- Giám đốc Khối |
| 08/2020 – nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên Ban Điều hành |
| 06/2024 – nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Chủ tịch HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 893.103 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 893.103 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|------------|-------------|--------------------------|
| Vũ Văn Quế | Bố đẻ | 23.473 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Hưởng thù lao HĐQT

Handwritten signature



Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không có mâu thuẫn
của MB

Các khoản nợ đối với MB tại : 109,28 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)
thời điểm 30/06/2024

10.1.5. Ông Phạm Như Anh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên : Phạm Như Anh
Năm sinh : 1980
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------------|---|-----------------------------------|
| 07/2002 – 04/2005 | Công ty TNHH Dệt may Thái Tuấn Đà Nẵng | Trưởng phòng |
| 05/2005- 07/2006 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đà Nẵng | Nhân viên tín dụng |
| 08/2006- 06/2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đà Nẵng | Phó Phòng Khách hàng Doanh nghiệp |
| 07/2007- 08/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Bình Định | Giám đốc Chi nhánh |
| 09/2009 - 10/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đồng Sài Gòn | Giám đốc Chi nhánh |
| 11/2011 - 04/2017 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Bắc Sài Gòn | Giám đốc Chi nhánh |
| 04/2017 - 08/2020 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc Khối Khách hàng lớn |
| 08/2020 - 12/04/2023 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên Ban Điều hành |
| 12/04/2023 - 17/05/2023 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc phụ |



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|------------------|-------------------------|---------------------------------|
| | | Trách Ban Điều hành |
| 18/05/2023 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Tổng Giám đốc |
| 15/06/2024 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 3.572.838 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 3.572.838 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|------------------|-------------|--------------------------|
| Lê Thị Hồng Phần | Vợ | 1.431.754 |
| Phạm Như Văn | Em trai | 10 |
| Ngô Thị Kim Loan | Em dâu | 1.380 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.688 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 1.759 triệu đồng

(miễn nhiệm Phó tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành và bổ nhiệm Tổng giám đốc từ ngày 18/05/2023)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 4,37 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)

10.1.6. Ông Phạm Doãn Cương – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Phạm Doãn Cương

Năm sinh : 1981

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học University of Sunderland (Anh).
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Handwritten signature



Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|----------------------|--|---------------------------------------|
| 01/2004 – 07/2004 | Công ty Cổ phần Tân Đại địa | Nhân viên kế toán |
| 08/2004 – 10/2008 | Tổng Công ty Viễn thông Quân đội (Viettel) | Chuyên viên- Trưởng ban |
| 11/2010 – 03/2011 | Tổng Công ty Viễn thông Viettel | Phó Giám đốc Trung tâm di động |
| 04/2011 – 01/2012 | Công ty Natcom tại Haiti | Phó Tổng Giám đốc |
| 02/2012 – 09/2013 | Tập đoàn Viễn Thông Quân đội (Viettel) | Trưởng Ban Viễn thông |
| 10/2013 – 04/2014 | Tổng Công ty Viễn thông Viettel – chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) | Phó Giám đốc chi nhánh Viettel Hà Nội |
| 05/2014 – 05/2016 | Công ty Viettel Peru | Phó Tổng Giám đốc |
| 06/2016 – 05/2017 | Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Chuyên viên |
| 06/2017 – 04/2022 | Công ty Metfone tại Campuchia | Phó Tổng Giám đốc |
| 01/2019 – 04/2022 | Công ty eMoney thuộc Công ty Metfone tại Campuchia | Thành viên HĐQT kiêm TGD |
| 05/2022 - 01/08/2024 | Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel | Phó Tổng Giám đốc |
| 15/6/2024 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 403.335.234 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 403.335.234 cổ phần (đại diện 40% vốn góp của



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

Viettel và Viettel- Commerce tại MB)

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--|---|--------------------------|
| Nguyễn Thị Hải Lý | Ông Phạm Doãn Cường và Bà Nguyễn Thị Hải Lý được Viettel và Viettel-commerce ủy quyền đại diện vốn góp tại MB | 145.815 |
| Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) | Ông Phạm Doãn Cường đại diện 40% vốn góp của Viettel tại MB | 780.137.989 |
| Công ty TNHH nhà nước một thành viên Thương Mại và xuất nhập khẩu VIETTEL (Viettel-commerce) | Ông Phạm Doãn Cường đại diện 40% vốn góp của Viettel-commerce tại MB | 228.200.095 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Hưởng thù lao HĐQT

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : Không có

10.1.7. Ông Lê Việt Hải - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Lê Việt Hải

Năm sinh : 1975

Quốc tịch : Việt Nam

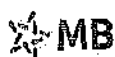
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán MB

Quá trình công tác :

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|--|--------------------------------------|
| 09/1996 – 10/2000 | Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Điện Biên Phủ | Nhân viên |
| 10/2000 – 10/2001 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Phòng Giao dịch Lý Nam Đế | Phó Phòng Giao dịch |
| 10/2001 – 11/2002 | Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Lý Nam Đế | Phó Giám đốc Chi nhánh |
| 11/2002 – 10/2010 | Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hoàng Quốc Việt | Phó Giám đốc – Giám đốc Chi nhánh |
| 10/2010 – 06/2016 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối – Giám đốc Khối |
| 07/2016 – 04/2019 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Chánh Văn phòng HĐQT |
| 03/2017 – 05/2020 | Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội | Thành viên HĐQT |
| 04/2019 – nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |
| 06/2019 – nay | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB | Chủ tịch HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 1.185.047 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 1.185.047 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|-----------------|-------------|--------------------------|
| Vũ Hoàng Yến | Vợ | 1 |
| Lê Công Sơn | Bố đẻ | 47.976 |
| Hoàng Lan Hương | Mẹ vợ | 10 |
| Lê Thị Hải Yến | Em gái | 3.079 |
| Trần Văn Đức | Em rể | 70.479 |



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|-----------------|--|---------|
| Phan Phương Anh | Ông Lê Việt Hải và Ông Lê Phương Anh được MB ủy quyền đại diện vốn tại MBS | 207.085 |
|-----------------|--|---------|

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 2.018 triệu đồng
Thù lao HĐQT năm 2022: 1.956 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 9,820 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)

10.1.8. Bà Vũ Thái Huyền - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Vũ Thái Huyền

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : - Trường Đại học kinh tế quốc dân; chuyên ngành Kế toán; 1993-1997; Cử nhân.
- Bộ Tài chính; chuyên ngành Kế toán trưởng; 2002; Chứng chỉ.
- HH Ngân hàng; Nghiệp vụ Ngân hàng; 2007; Chứng chỉ.
- Viện NCĐTQ lý HN; Nghiệp vụ đấu thầu; 2007; Chứng chỉ.
- Trung tâm thẩm định giá BTC; Thẩm định giá; 2007; Chứng chỉ.
- Trường ĐHXD; chuyên ngành Kinh tế xây dựng; 2005; Chứng chỉ.
- Trường ĐH Ngoại ngữ; Tiếng Anh C; 1995; Chứng chỉ.

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-----------|-----------------|-----------------|
|-----------|-----------------|-----------------|



Bản thông tin cập nhật Báo cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chấp hành trái phiếu ra công chứng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày: 12/06/2024)

| | | |
|----------------------|--|--|
| 05/1997 - 09/1999 | Trung tâm QHQT - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 | Kế toán viên |
| 10/1999 - 10/2006 | Công ty CP Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản xuất | Kế toán tổng hợp; Kế toán trưởng; Ủy viên HĐQT |
| 11/2006 - 02/2007 | Tập đoàn Than Khoáng sản | Ban trụ bị thành lập Công ty Tài chính Than Khoáng sản |
| 03/2007 - 03/2008 | Công ty Tài chính Than khoáng sản - Tập đoàn Than khoáng sản | Trưởng phòng Đầu tư và Trưởng Phòng Nguồn vốn |
| 03/2008 - 02/2012 | Công ty Tài chính Sông Đà - Tập đoàn Sông Đà | Phó Tổng Giám đốc |
| 03/2012 - 12/2013 | Tổng Công ty Đầu tư và phát triển xây dựng - DIC Group | Trợ lý Chủ tịch HĐQT |
| 01/2014 - 31/12/2021 | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | Phó Trưởng Ban - Trưởng Ban Đầu tư I |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 521.785.635 cổ phần
+ Sở hữu cá nhân : 360.310 cổ phần
+ Đại diện sở hữu : 521.425.325 cổ phần (đại diện vốn của SCIC tại MB)

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--|--|--------------------------|
| Đào Thu Trang | Chị dâu | 21.176 |
| Vũ Thái Duy | Cháu ruột | 12.525 |
| Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (SCIC) | Bà Vũ Thái Huyền là người đại diện vốn của SCIC tại MB | 521.425.325 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Bà Vũ Thái Huyền là người đại diện vốn của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà



Bản thông tin cập nhật Bản chào bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

nước, thù lao được trả thông qua Tổng công ty
đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không có mâu thuẫn
của MB

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 0,56 triệu đồng (Dự nợ thẻ tín dụng)
điểm 30/06/2024

10.1.9. Bà Hoàng Thị Thu Hiền – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Hoàng Thị Thu Hiền
Năm sinh : 1976
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Đại học Kinh tế Quốc
dân
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân
đội
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Phó Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Công ty
khác TNHH MTV
Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|---|--|
| 09/1998 – 04/2000 | Công ty cổ phần Việt Long | Nhân viên |
| 05/2000 – 06/2004 | Công ty Inlaco Sài Gòn – Chi nhánh Hà Nội | Nhân viên |
| 07/2004 – 04/2014 | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM | Nhân viên |
| 5/2014 – 09/2021 | Công ty TNHH cảng Container Quốc tế Tân Cảng – Hải Phòng | Nhân viên – Trưởng phòng – Giám đốc Tài chính |
| 10/2021 – 11/2022 | Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn | Phó Giám đốc Chi nhánh |
| 12/2022 – nay | Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn | Phó phòng Kế hoạch – Đầu tư |
| 15/6/2024 – nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-VCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

Số cổ phần nắm giữ : 375.973.254 cổ phần
+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
+ Đại diện sở hữu : 375.973.254 cổ phần (đại diện vốn góp của TCT Tân Cảng Sài Gòn tại MB)

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|---|---|--------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Bà Hoàng Thị Thu Hiền là đại diện vốn của TCT Tân Cảng Sài Gòn tại MB | 375.973.254 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Hưởng thù lao HĐQT

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : Không có

10.1.10. Ông Vũ Xuân Nam – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Vũ Xuân Nam
Năm sinh : 1987
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : - Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp - Đại học Kinh tế Quốc dân
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng Phòng Đầu tư - Tổng Công ty Trục thẳng Việt Nam
Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|---------------|----------------------------------|---|
| 08/2011 - nay | Tổng Công ty Trục thẳng Việt Nam | Trợ lý – Trưởng Ban – Phó Trưởng phòng – Trưởng phòng |

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

15/06/2024 – nay

Ngân hàng TMCP Quân đội

Thành viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 447.348.419 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 447.348.419 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--|--|--------------------------|
| Tổng công ty trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH và chi nhánh | Ông Vũ Xuân Nam là người đại diện 100% vốn góp của TCT trực thăng Việt Nam tại MB từ ngày 22/07/2024 | 447.348.419 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Hưởng thù lao HĐQT

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không có mâu thuẫn của MB

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : Không có

10.1.11. Ông Hoàng Văn Sâm - Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên : Hoàng Văn Sâm

Năm sinh : 1960

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : - Cử nhân Luật Kinh tế - ĐH Luật HN;
- Tiến sỹ Tài chính - tiền tệ, Học viện Tài chính;

Chức vụ đang nắm giữ tại TCHP : Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : không

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-----------|-----------------|-----------------|
|-----------|-----------------|-----------------|



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra cộng đồng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|-------------------|----------------------------------|--|
| 04/1982 - 03/2006 | Cục Tài chính - BQP | Trợ lý - Thanh tra viên - Phó Trưởng phòng - Trưởng phòng |
| 04/2006 - 08/2012 | Cục Tài chính - BQP | Phó Cục trưởng |
| 08/2012 - 10/2020 | Văn phòng QUTW, Văn phòng BQP | Phó Chánh Văn phòng QUTW, Văn phòng BQL |
| 10/2020 | | Nghỉ hưu |
| 15/06/2024 – nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên độc lập HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|-----------------|-------------|--------------------------|
| Nguyễn Lan Thái | Vợ | 1 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Hưởng thù lao HĐQT

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 0 đồng
điểm 30/06/2024

10.2. Ban Kiểm soát

Bảng 1: Danh sách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----|-------------------------|----------------|---------------|
| 1 | Bà Lê Thị Lợi | Trưởng ban | 15/06/2024 |
| 2 | Bà Nguyễn Thị An Bình | Phó Trưởng Ban | 15/06/2024 |
| 3 | Bà Đỗ Thị Tuyết Mai | Thành viên | 15/06/2024 |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà | Thành viên | 15/06/2024 |
| 5 | Ông Đỗ Văn Tiến | Thành viên | 15/06/2024 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội.

Handwritten signature



10.2.1. Bà Lê Thị Lợi - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Lê Thị Lợi**

Năm sinh : **1970**

Quốc tịch : **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn : **Tiến sĩ Kinh tế chuyên ngành tài chính**

Chức vụ đang nắm giữ tại : **Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội
TCPH**

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|---|--|
| 10/1994 - 06/1996 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kế toán tổng hợp |
| 07/1996 - 10/1996 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hồ Chí Minh | Kế toán trưởng |
| 11/1996 - 12/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kiểm soát viên - Phó Phòng Kế toán tài chính |
| 01/2005 - 08/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ | Trưởng Phòng - Phó Giám đốc CN |
| 08/2008 - 06/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Tài chính |
| 07/2009 - 04/2014 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Quyền Giám đốc Tài chính - Giám đốc Tài chính |
| 05/2014 - 04/2019 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Tài chính |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Ban Kiểm soát |

Số cổ phần nắm giữ : **2.700.817 cổ phần**

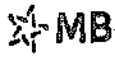
+ Số hữu cá nhân : **2.700.817 cổ phần**

+ Đại diện số hữu : **0 cổ phần**

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--------------|-------------|--------------------------|
| Lê Xuân Linh | Anh trai | 2 |

Handwritten signature



Hán thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/KCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|-----------------|-----------|---------|
| Lê Thị Lai | Chị gái | 1 |
| Hoàng Minh Đức | Cháu ruột | 16.059 |
| Hoàng Thị Thảo | Cháu ruột | 1.100 |
| Phạm Thị Thủy | Cháu ruột | 1.000 |
| Nguyễn Quý Tuấn | Cháu ruột | 1.264 |
| Lê Xuân Lập | Cháu ruột | 518.535 |
| Lê Thị Vân Hải | Cháu ruột | 48.900 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao năm 2022: 2.348 triệu đồng
Thù lao năm 2023: 2.422 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 0 đồng

10.2.2. Bà Nguyễn Thị An Bình - Phó Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Thị An Bình
Năm sinh : 1972
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế chuyên ngành tài chính
Chức vụ đang nắm giữ tại : Phó Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân
Đội
Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------|-------------------------|--|
| 1994 - 2001 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kế toán viên/Kiểm soát viên Phòng Kế toán |
| 2001 - 2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở |

Handwritten signature



Ban Kiểm tra cấp nội Bộ cấp bậc
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chức vụ và công chức số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|-------------------------|-------------------------|---|
| 2004 - 2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở |
| 2008 - 2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc Khối Kiểm tra - Kiểm soát nội bộ |
| 2009 - 24/06/2020 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |
| 24/06/2020 - 29/06/2020 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên BKS |
| 06/2020 – nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Trưởng BKS |

Số cổ phần nắm giữ : 2.980.441 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 2.980.441 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao năm 2022: 2.174 triệu đồng
Thù lao năm 2023: 2.242 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 26,45 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|----------------|-------------|--------------------------|
| Tô Thị Hải Yến | Em chồng | 342.234 |
| Lê Việt Anh | Cháu ruột | 14.361 |

10.2.3. Bà Đỗ Thị Tuyết Mai - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : Đỗ Thị Tuyết Mai

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; CMA Australia; CPIA Australia

Handwritten signature



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra cộng chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân
Đội

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|---------------|---|--|
| 1998 - 2000 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng | Kế toán |
| 2001 - 2002 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lý Nam Đế | Kho quỹ |
| 2002 - 2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kế toán Phòng Kế toán Hội sở |
| 2004 - 2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở |
| 2007 - 2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ |
| 2009 - 2019 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Kiểm toán nội bộ |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên BKS |

Số cổ phần nắm giữ : 439.505 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 439.505 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên
quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|------------------|-------------|--------------------------|
| Nguyễn Hải | Chồng | 331.707 |
| Đỗ Thị Mai Hương | Em gái | 8.075 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao năm 2022: 877 triệu đồng

Thù lao năm 2023: 903 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không có mâu thuẫn
của MB

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 0 đồng
điểm 30/06/2024



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

10.2.4. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hà – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Thị Nguyệt Hà

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : - Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
- Cử nhân Kế toán tổng hợp - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
- Chứng chỉ CPIA Australia

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|------------------------------|--|
| 09/98 – 06/2002 | Công ty TNHH Lộc Trường Xuân | Phụ trách kế toán |
| 06/2002 – 05/2004 | Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội | CV Kiểm soát nội bộ |
| 05/2004 – 01/2005 | Tổng Cục thuế | Thuế Chính sách, dự toán ngân sách |
| 01/2005 – 06/2024 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Chuyên viên – Phó phòng – Trưởng phòng- Phó Giám đốc Khối- Giám đốc Khối – Trưởng Kiểm toán nội bộ |
| 15/6/2024 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên Ban Kiểm soát |

Số cổ phần nắm giữ : 218.720 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 218.720 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Số hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--------|-------------|--------------------------|
|--------|-------------|--------------------------|

Nguyen



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|----------------|-------|--------|
| Trịnh Hữu Thọ | Chồng | 221 |
| Nguyễn Thị Đức | Mẹ đẻ | 22.888 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Hưởng thù lao BKS

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 1,198 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)

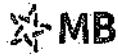
10.2.5. Ông Đỗ Văn Tiến – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : Đỗ Văn Tiến
Năm sinh : 1970
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính - Học viện Ngân hàng.
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|---|--|
| 11/1992 – 03/1996 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – PGD Móng Cái, CN Quảng Ninh | Nhân viên kế toán |
| 03/1996 – 06/2006 | NH TMCP Ngoại thương Việt Nam | Cán bộ tín dụng – Phó Giám đốc |
| 07/2006 – 08/2007 | NH Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bãi Cháy | Phó Giám đốc |
| 10/2007 – 10/2023 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc Chi nhánh Quảng Ninh – Giám đốc phê duyệt tín dụng – Phó Giám đốc Chi nhánh Mỹ Đình kiêm Giám đốc MB Đan Phượng |
| 10/2023 – 6/2024 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc phê duyệt tín dụng |
| 15/6/2024 – nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên Ban Kiểm soát |

Ngân



Số cổ phần nắm giữ : 121.130 cổ phần
+ Sở hữu cá nhân : 121.130 cổ phần
+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với MB : Hưởng thù lao BKS

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 10,14 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)

10.3. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

Bảng 2: Danh sách Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----|----------------------|-------------------|--|
| 1 | Ông Phạm Như Ánh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/05/2023 |
| 2 | Bà Nguyễn Minh Châu | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 24/6/2020 |
| 3 | Ông Trần Minh Đạt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/11/2014 Bổ nhiệm lại ngày 10/11/2020 |
| 4 | Bà Phạm Thị Trung Hà | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/04/2011 Bổ nhiệm lại ngày 15/06/2023 |
| 5 | Ông Nguyễn Xuân Học | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/07/2024 |
| 6 | Ông Hà Trọng Khiêm | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/11/2015 Bổ nhiệm lại ngày 03/06/2024 |
| 7 | Ông Lê Quốc Minh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/11/2015 |
| 8 | Đặng Thúy Dung | Kế Toán Trưởng | Bổ nhiệm ngày 02/05/2018 Bổ nhiệm lại ngày |



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

20/06/2023

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

10.3.1. Ông Phạm Như Anh - Tổng Giám đốc

Chi tiết sơ yếu lý lịch tại mục 10.1.5

10.3.2. Bà Nguyễn Minh Châu - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Minh Châu
 Năm sinh : 1973
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Ngân hàng tài chính
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCHP : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối
 Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng
 TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Không
 khác

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|------------------|-------------------------|----------------------------------|
| 11/2009- 05/2017 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |
| 05/2017- 06/2020 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên cao cấp Ban điều hành |
| 24/06/2020- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 1.442.417 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 1.442.417 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--------------|-------------|--------------------------|
| Bùi Thu Hằng | Em dâu | 4 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.834 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 2.757 triệu đồng



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 0,28 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)
điểm 30/06/2024

10.3.3. Ông Trần Minh Đạt - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Trần Minh Đạt
Năm sinh : 1968
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại : Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
TCPH
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai
thác tài sản Ngân hàng Quân đội (MBAMC)
Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|------------------|--|--------------------|
| 02/2008- 06/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Minh Khai | Giám đốc Chi nhánh |
| 07/2008- 09/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng | Giám đốc Chi nhánh |
| 10/2011- 10/2014 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ | Giám đốc Chi nhánh |
| 11/2014- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 3.578.768 cổ phần
+ Sở hữu cá nhân : 3.578.768 cổ phần
+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan : Không có
Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.364 triệu đồng
Tiền lương năm 2022: 2.301 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại : 0 đồng
thời điểm 30/06/2024

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--------|-------------|--------------------------|
|--------|-------------|--------------------------|



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

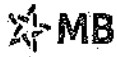
| | | |
|----------------|--|---------|
| Hà Anh Dũng | Ông Trần Minh Đạt và Ông Hà Anh Dũng được MB ủy quyền đại diện vốn tại MBAMC | 768.528 |
| Hoàng Thu Thủy | Ông Trần Minh Đạt và Bà Hoàng Thu Thủy được MB ủy quyền đại diện vốn tại MBAMC | 579.715 |

10.3.4. Bà Phạm Thị Trung Hà - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Phạm Thị Trung Hà
Năm sinh : 1975
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc rủi ro tập đoàn - Ngân hàng TMCP Quân đội
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|-------------------------|--------------------------------|
| 04/1997- 05/2003 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên tín dụng |
| 05/2003- 04/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Phòng Tín dụng |
| 04/2004- 09/2005 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Phòng Quản lý tín dụng |
| 09/2005 - 11/2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Phòng Quản lý tín dụng |
| 12/2007- 09/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phụ trách Khối Quản trị rủi ro |
| 10/2008 – 10/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối |
| 11/2009 - 04/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc Khối |
| 04/2011- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

Số cổ phần nắm giữ : 2.613.749 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 2.613.749 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|-----------------|-------------|--------------------------|
| Phạm Thanh Bình | Em trai | 113 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.761 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 2.688 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 9,27 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)

10.3.5. Ông Nguyễn Xuân Học - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Xuân Học

Năm sinh : 1980

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công nghệ thông tin tập đoàn – Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-----------------|-----------------------------|---|
| 12/2003-03/2008 | Chuyên viên IT | Trung tâm Công nghệ thông tin Hội sở |
| 03/2008-05/2012 | Trưởng phòng Phát triển CBS | Trung tâm Công nghệ thông tin mô hình cũ - Phòng phát triển CBS |
| 05/2012-05/2013 | Phó Giám đốc Trung tâm | Khối Công nghệ thông tin - Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ |

Handwritten signature



Báo thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|-----------------|---|---|
| 05/2013-11/2015 | Trưởng phòng | Khối Công nghệ thông tin - Phòng Quản trị Công nghệ thông tin |
| 11/2015-08/2017 | Phó Giám đốc Khối | Khối Công nghệ thông tin |
| 08/2017-11/2018 | Giám đốc Khối | Khối Công nghệ thông tin |
| 07/2020-03/2022 | Giám đốc Khối Công nghệ thông tin kiêm Giám đốc CNTT Tập đoàn | Ban Lãnh đạo |
| 03/2022-04/2023 | Thành viên Ban Điều hành kiêm Giám đốc CNTT Tập đoàn | Ban Lãnh đạo |
| 07/2024- nay | Phó Tổng Giám đốc | Ban Lãnh đạo |

Số cổ phần nắm giữ (tính đến : 726.420 cổ phần
30/6/2024)

+ Sở hữu cá nhân : 726.420 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|----------------------|-------------|--------------------------|
| Lý Thị Đông Giang | Em vợ | 827 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Không có

Các khoản nợ đối với MB tại thời : Tại thời điểm 30/6/2024 chưa giữ chức danh
điểm 30/06/2024 Phó Tổng Giám Đốc

10.3.6. Ông Hà Trọng Khiêm – Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên : Hà Trọng Khiêm

Năm sinh : 1973

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Thực hành Quản trị Kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh
Sở giao dịch 2 - Ngân hàng TMCP Quân đội

10/2



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch.
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu và công chứng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tân Cảng
Cái Mép

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|------------------|--|---------------------------------------|
| 07/1996- 5/2001 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh | Nhân viên Tín dụng |
| 5/2001- 10/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh | Phó phòng |
| 10/2004- 07/2006 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh | Trưởng Phòng |
| 07/2006- 01/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Cần Thơ | Giám đốc Chi nhánh |
| 01/2008- 10/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội – CN. Hồ Chí Minh | Giám đốc Chi nhánh |
| 10/2009- 01/2013 | Ngân hàng TMCP Quân đội – CN. Sài Gòn | Giám đốc Chi nhánh |
| 01/2013- 11/2015 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc phụ trách kinh doanh KVPN |
| 11/2015- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 673.127 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 673.127 cổ phần

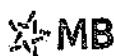
+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|------------------|-------------|--------------------------|
| Nguyễn Quỳnh Mai | Vợ | 996.670 |
| Hà Trọng Khoa | Em trai | 32.818 |
| Nguyễn Như Quỳnh | Em dâu | 118.026 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.258 triệu đồng

Quỳnh



Tiền lương năm 2022: 2.200 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 0 đồng
điểm 30/06/2024

10.3.7. Ông Lê Quốc Minh - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Lê Quốc Minh
Năm sinh : 1979
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế quốc dân, Tiến sỹ Tài chính Ngân hàng - Học viện Hậu cần
Chức vụ đang nắm giữ tại : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội
TCPH
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hóa dầu
chức khác : Quân đội (MIPEC)
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quản lý Quỹ
dầu từ MB

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|------------------|--|--------------------------------------|
| 01/2006- 09/2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch 1 | Phó Phòng Tín dụng Doanh nghiệp |
| 09/2007- 03/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ | Trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp |
| 03/2008- 12/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Phòng |
| 12/2009- 04/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ninh Bình | Giám đốc Chi nhánh |
| 04/2011- 11/2012 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối |
| 11/2012- 11/2015 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc Khối |
| 11/2015- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 2.023.171 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 2.023.171 cổ phần



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|---------------|---|--------------------------|
| Lê Quốc Bình | Anh trai | 6.749 |
| Vũ Thu Thủy | Chị dâu | 690 |
| Lê Quốc Dũng | Em trai | 81.684 |
| Chu Hồng Kiên | Ông Chu Hồng Kiên và ông Lê Quốc Minh cùng là đại diện vốn góp của MB tại Mbcap | 112.825 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.233 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 2.176 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại
thời điểm 30/06/2024 :

6,64 triệu đồng (Dư nợ thẻ tín dụng)

10.3.8. Kế toán trưởng

Họ và tên : Đặng Thúy Dung

Năm sinh : 1973

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|------------------|-------------------------|------------------------------|
| 03/1999- 12/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên Kế toán |
| 12/2004- 08/2005 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phụ trách bộ phận |
| 08/2005- 10/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó phòng Kế toán |
| 10/2008- 12/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng phòng Hỗ trợ Treasury |

Ag



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra cộng chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

| | | |
|------------------|-------------------------|----------------------------|
| 12/2009- 04/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng phòng Kế toán |
| 04/2011- 03/2012 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên chuyên trách |
| 03/2012- 04/2017 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối Treasury |
| 04/2017- 05/2018 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối |
| 05/2018- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kế toán trưởng |

Số cổ phần nắm giữ : 298.135 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 298.135 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|----------------|-------------|--------------------------|
| Vũ Thị Tuất | Mẹ đẻ | 230.959 |
| Đặng Thị Thủy | Em gái | 156.316 |
| Phạm Văn Giang | Em rể | 693.686 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2022: 1.041 triệu đồng

Tiền lương năm 2023: 1.067 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/06/2024 : 15.719 triệu đồng (Dư nợ khác)

2.13. Cập nhật Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành tại Mục IV.13

Mục IV.13 Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

❖ Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến thời điểm ngày 31/08/2024, Tổ Chức Phát Hành có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành (theo mệnh giá): 30.915.102,80 triệu đồng, trong đó:

- Trái phiếu lãi vốn cấp 2: 12.915.102,80 triệu đồng,

- Trái phiếu trung hạn: 18.000.000 triệu đồng.

(Chi tiết danh sách trái phiếu đang lưu hành theo bảng 3 điều 7.3. mục IV)

2.14. Cập nhật Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của MB tại Mục IV.14



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

Mục IV.14. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Bảng 31: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của MB

Đơn vị: tỷ đồng

| Khoản mục | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|-----------------------------------|----------|----------|----------------------|----------|----------|----------------------|
| | Năm 2022 | Năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2024 | Năm 2022 | Năm 2023 | 6 tháng đầu năm 2024 |
| I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn | 146.975 | 145.193 | 145.954 | 146.975 | 145.094 | 145.861 |
| 1. Bảo lãnh vay vốn | 146 | 154 | 245 | 146 | 154 | 245 |
| 2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 28.829 | 23.214 | 31.528 | 28.829 | 23.214 | 31.538 |
| 3. Bảo lãnh khác | 118.000 | 121.825 | 114.181 | 118.000 | 121.726 | 114.078 |
| II. Các cam kết đưa ra | 253.281 | 476.160 | 538.944 | 257.782 | 476.632 | 540.422 |
| 1. Cam kết tài trợ cho khách hàng | - | - | - | - | - | - |
| 2. Cam kết khác | 253.281 | 476.160 | 538.944 | 257.782 | 476.632 | 540.422 |
| Tổng cộng | 400.256 | 621.353 | 684.898 | 404.757 | 621.726 | 686.283 |

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2022, 2023 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất và riêng lẻ bán niên năm 2024 đã được soát xét

2.15. Cập nhật thời gian phân phối dự kiến

Đợt 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực

Đợt 2: Dự kiến từ Quý III/2024 – Quý IV/2024

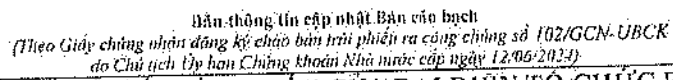
Đợt 3: Dự kiến từ Quý IV/2024.

V. CÁC TÀI LIỆU BỔ SUNG

- Điều lệ tổ chức và hoạt động;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 54 ngày 16/05/2024;
- Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng bán niên năm 2024 đã được soát xét.

VI. CHỮ KÝ

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



NGÀY THÁNG, CHỦ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hà Nội, ngày 14 tháng 09 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Như Anh

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

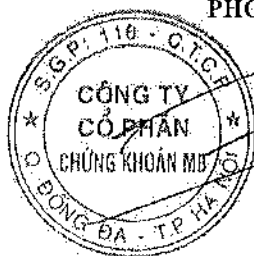
Nguyễn Thị Thanh Nga



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 102/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/06/2024)

NGÀY THÁNG, CHỦ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thành Nam

MỤC LỤC

| | | |
|-------|--|----|
| I. | GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 1 |
| II. | PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP..... | 3 |
| III. | KẾT QUẢ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHUNG ĐỢT 1..... | 4 |
| IV. | NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH NGÀY 15/05/2024..... | 4 |
| 1. | Thông tin tài chính..... | 4 |
| 1.1. | Cập nhật thông tin về Tỷ trọng sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu, thu nhập thuần tại Mục IV.8.1.1..... | 4 |
| 1.2. | Cập nhật thông tin về cơ cấu huy động vốn tại Mục IV.8.1.2..... | 6 |
| 1.3. | Cập nhật thông tin về tổng dư nợ cho vay tại Mục IV.8.1.3..... | 8 |
| 1.4. | Cập nhật thông tin về Chất lượng danh mục tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi) tại Mục IV.8.1.3..... | 8 |
| 1.5. | Cập nhật thông tin về Rủi ro lãi suất và tình hình trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của MB tại Mục IV.8.1.3..... | 9 |
| 1.6. | Cập nhật thông tin về Hoạt động kinh doanh ngoại tệ tại Mục IV.8.1.4..... | 9 |
| 1.7. | Cập nhật thông tin về Hoạt động đầu tư tại Mục IV.8.1.6..... | 10 |
| 1.8. | Cập nhật thông tin về Tài sản tại Mục IV.8.2..... | 12 |
| 1.9. | Cập nhật Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng năm 2022, 2023 và bán niên năm 2024 tại Mục V.1.1..... | 16 |
| 1.10. | Cập nhật Tình hình công nợ tại Mục V.2.1.1..... | 16 |
| 1.11. | Cập nhật Các khoản phải nộp theo luật định tại Mục V.2.1.3..... | 18 |
| 1.12. | Cập nhật Trích lập các quỹ theo luật định tại Mục V.2.1.4..... | 18 |
| 1.13. | Cập nhật Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại Mục V.2.2..... | 19 |
| 2. | Các thông tin khác..... | 21 |
| 2.1. | Cập nhật thay đổi vốn điều lệ, thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Mục IV.1..... | 21 |
| 2.2. | Cập nhật cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành tại Mục IV.3..... | 22 |
| 2.3. | Cập nhật cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành tại Mục IV.4 và Mục IV.4.4, và bổ sung thêm Mục IV.4.6 Hội đồng xử lý rủi ro..... | 23 |
| 2.4. | Cập nhật Danh sách Công ty con của MB, những công ty mà MB nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán tại IV.5.2..... | 24 |
| 2.5. | Cập nhật Quá trình tăng vốn của MB tại Mục IV.6..... | 29 |
| 2.6. | Cập nhật Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 30/08/2024 tại Mục IV.7.1..... | 33 |
| 2.7. | Cập nhật Các loại chứng khoán khác tại Mục IV.7.3..... | 33 |
| 2.8. | Cập nhật Tỷ lệ nợ xấu, Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tại Mục IV.8.3.1..... | 38 |
| 2.9. | Cập nhật Mục IV.8.4 nội dung về Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng TMCP Quân Đội và nội dung về vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành..... | 38 |
| 2.10. | Cập nhật Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến cho chiến lược kinh doanh tại Mục IV.8.6..... | 39 |
| 2.11. | Cập nhật Thông tin về cổ đông lớn tại Mục IV.9..... | 40 |
| 2.12. | Cập nhật Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng tại Mục IV.10..... | 50 |
| 2.13. | Cập nhật Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành tại Mục IV.13..... | 83 |
| 2.14. | Cập nhật Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của MB tại Mục IV.14..... | 83 |
| 2.15. | Thời gian phân phối dự kiến..... | 84 |
| V. | CÁC TÀI LIỆU BỔ SUNG..... | 84 |
| VI. | CHỮ KÝ..... | 84 |

7. [PAPER 7](#) [PAPER 8](#) [PAPER 9](#) [PAPER 10](#) [PAPER 11](#) [PAPER 12](#) [PAPER 13](#) [PAPER 14](#) [PAPER 15](#) [PAPER 16](#) [PAPER 17](#) [PAPER 18](#) [PAPER 19](#) [PAPER 20](#) [PAPER 21](#) [PAPER 22](#) [PAPER 23](#) [PAPER 24](#) [PAPER 25](#) [PAPER 26](#) [PAPER 27](#) [PAPER 28](#) [PAPER 29](#) [PAPER 30](#) [PAPER 31](#) [PAPER 32](#) [PAPER 33](#) [PAPER 34](#) [PAPER 35](#) [PAPER 36](#) [PAPER 37](#) [PAPER 38](#) [PAPER 39](#) [PAPER 40](#) [PAPER 41](#) [PAPER 42](#) [PAPER 43](#) [PAPER 44](#) [PAPER 45](#) [PAPER 46](#) [PAPER 47](#) [PAPER 48](#) [PAPER 49](#) [PAPER 50](#) [PAPER 51](#) [PAPER 52](#) [PAPER 53](#) [PAPER 54](#) [PAPER 55](#) [PAPER 56](#) [PAPER 57](#) [PAPER 58](#) [PAPER 59](#) [PAPER 60](#) [PAPER 61](#) [PAPER 62](#) [PAPER 63](#) [PAPER 64](#) [PAPER 65](#) [PAPER 66](#) [PAPER 67](#) [PAPER 68](#) [PAPER 69](#) [PAPER 70](#) [PAPER 71](#) [PAPER 72](#) [PAPER 73](#) [PAPER 74](#) [PAPER 75](#) [PAPER 76](#) [PAPER 77](#) [PAPER 78](#) [PAPER 79](#) [PAPER 80](#) [PAPER 81](#) [PAPER 82](#) [PAPER 83](#) [PAPER 84](#) [PAPER 85](#) [PAPER 86](#) [PAPER 87](#) [PAPER 88](#) [PAPER 89](#) [PAPER 90](#) [PAPER 91](#) [PAPER 92](#) [PAPER 93](#) [PAPER 94](#) [PAPER 95](#) [PAPER 96](#) [PAPER 97](#) [PAPER 98](#) [PAPER 99](#) [PAPER 100](#)

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 53 ngày 23/08/2023 và giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018)



CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 102/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 6 năm 2024)

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày .../.../2024.

1. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Địa chỉ: Số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024 62661088 Fax: 024 62661080
Email: info@mbbank.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: 02473.045688
Website: <https://mbs.com.vn/>

3. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Minh Châu
Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc - Ngân hàng TMCP Quân Đội
Điện thoại: 086 676 0466 / 024 62 777 222 - Ext: 2520

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 53 ngày 23/08/2023 và giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018)



CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

| | | |
|--|---|---|
| Tên trái phiếu | : | Trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội |
| Loại trái phiếu | : | Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là nợ thứ cấp và đủ điều kiện tính vốn cấp 2 theo quy định. |
| Mệnh giá | : | 100.000 VNĐ/trái phiếu |
| Giá chào bán | : | 100.000 VNĐ/trái phiếu |
| Tổng số lượng trái phiếu chào bán | : | 48.800.000 Trái Phiếu (Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn trái phiếu) gồm 3 đợt chào bán: Đợt 1: 20.000.000 (Hai mươi triệu) Trái Phiếu Đợt 2: 15.000.000 (Mười lăm triệu) Trái Phiếu + số lượng trái phiếu đợt 1 chưa chào bán hết Đợt 3: 13.800.000 (Mười ba triệu, tám trăm nghìn) Trái Phiếu + số lượng trái phiếu đợt 1 và đợt 2 chưa chào bán hết |
| Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá | : | 4.880.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn nghìn tám trăm tám mươi tỷ đồng) gồm 3 đợt chào bán: Đợt 1: 2.000.000.000.000 (Hai nghìn tỷ) đồng Đợt 2: 1.500.000.000.000 (Một nghìn năm trăm tỷ) đồng + Giá trị trái phiếu đợt 1 chưa chào bán hết Đợt 3: 1.380.000.000.000 (Một nghìn ba trăm tám mươi tỷ) đồng + Giá trị trái phiếu đợt 1 và đợt 2 chưa chào bán hết |
| Kỳ hạn trái phiếu | : | 06 năm |
| Nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu | : | Nguyên tắc xác định lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi của trái phiếu được Tổ chức phát hành xác định tại Ngày |



Xác Định Lãi Suất, bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam thông thường (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang điện tử (website) tại ngày xác định lãi suất bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ tối đa 2%/năm.

Biên lãi suất cụ thể đối với từng đợt phát hành được công bố trong Bản Thông Báo Phát Hành của từng đợt.

“Kỳ Điều Chính Lãi”: có nghĩa là mỗi thời hạn kéo dài 12 (mười hai) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu mỗi đợt cho đến ngày đáo hạn của Trái Phiếu (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn).

“Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc trước Ngày Phát Hành mỗi đợt 01 (một) Ngày Làm Việc đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên. Đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo, Ngày Xác Định Lãi Suất là Ngày Làm Việc trước mỗi ngày tròn năm từ Ngày Phát Hành 07 (bảy) Ngày Làm Việc.

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024 3831 5100 Fax : 024 3831 5090

Website: www.ey.com

Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 3946 1600

Website: <https://kpmg.com/vn/vi/home.html>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>



MỤC LỤC

| | |
|---|------------|
| I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 7 |
| 1. Tổ chức phát hành..... | 7 |
| 2. Tổ chức Tư vấn..... | 7 |
| II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO..... | 8 |
| 1. Rủi ro về kinh tế..... | 8 |
| 2. Rủi ro về luật pháp..... | 10 |
| 3. Rủi ro đặc thù ngành..... | 10 |
| 4. Rủi ro về đợt chào bán..... | 13 |
| 5. Rủi ro về quản trị công ty..... | 14 |
| 6. Rủi ro khác..... | 15 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM..... | 16 |
| 1. Các khái niệm..... | 16 |
| 2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt..... | 18 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 19 |
| 1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành..... | 19 |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 21 |
| 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành..... | 24 |
| 4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành..... | 26 |
| 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối..... | 32 |
| 6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành..... | 37 |
| 7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành..... | 42 |
| 8. Hoạt động kinh doanh..... | 47 |
| 9. Thông tin về cổ đông lớn..... | 76 |
| 10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng..... | 82 |
| 11. Chính sách cổ tức..... | 107 |
| 12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại..... | 108 |
| 13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành..... | 108 |
| 14. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán..... | 108 |
| 15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích..... | 109 |
| V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH..... | 110 |
| 1. Kết quả hoạt động kinh doanh..... | 110 |
| 2. Tình hình tài chính..... | 111 |
| 3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành..... | 116 |
| 4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm..... | 117 |
| 5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận..... | 117 |
| 6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo..... | 119 |
| VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN..... | 120 |
| 1. Tên trái phiếu..... | 120 |
| 2. Loại trái phiếu..... | 120 |
| 3. Mệnh giá..... | 120 |
| 4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán..... | 120 |

| | | |
|--------------|--|------------|
| 5. | Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá | 121 |
| 6. | Kỳ hạn trái phiếu..... | 121 |
| 7. | Lãi suất và xác định tiền lãi Trái Phiếu..... | 121 |
| 8. | Kỳ hạn trả lãi, trả gốc..... | 125 |
| 9. | Giá chào bán..... | 126 |
| 10. | Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức Phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động..... | 126 |
| 11. | Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu..... | 126 |
| 12. | Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu..... | 129 |
| 13. | Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn..... | 129 |
| 14. | Phương thức phân phối..... | 130 |
| 15. | Đăng ký mua trái phiếu..... | 130 |
| 16. | Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu..... | 132 |
| 17. | Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu..... | 134 |
| 18. | Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành..... | 134 |
| 19. | Các loại thuế có liên quan..... | 135 |
| 20. | Thông tin về các cam kết..... | 136 |
| 21. | Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt..... | 137 |
| 22. | Các Điều Khoản Khác..... | 137 |
| 23. | Luật điều chỉnh..... | 139 |
| VII. | MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN..... | 140 |
| VIII. | KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN..... | 140 |
| 1. | Kế hoạch sử dụng vốn..... | 140 |
| 2. | Kế hoạch trả nợ..... | 141 |
| IX. | CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN..... | 144 |
| X. | CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ..... | 144 |
| XI. | NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 145 |
| XII. | NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH..... | 146 |
| XIII. | PHỤ LỤC..... | 147 |



DANH MỤC BẢNG

| | |
|--|-----|
| Bảng 1: Quá trình tăng vốn của MB | 38 |
| Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 31/03/2024 | 42 |
| Bảng 3: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại MB | 42 |
| Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất) | 48 |
| Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ) | 48 |
| Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất) | 49 |
| Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ) | 50 |
| Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của MB (hợp nhất) | 51 |
| Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của MB (riêng lẻ) | 51 |
| Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất) | 52 |
| Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ) | 52 |
| Bảng 12: Phân loại chất lượng tín dụng MB | 53 |
| Bảng 13: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại MB | 54 |
| Bảng 14: Tỷ lệ trích dự phòng theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN | 54 |
| Bảng 15: Tình hình trích lập dự phòng của MB | 55 |
| Bảng 16: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (hợp nhất) | 56 |
| Bảng 17: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (riêng lẻ) | 56 |
| Bảng 18: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (hợp nhất) | 58 |
| Bảng 19: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (riêng lẻ) | 59 |
| Bảng 20: Một số dự án đầu tư xây dựng mới và cải tạo trụ sở văn phòng tiêu biểu | 60 |
| Bảng 21: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất) | 61 |
| Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ) | 62 |
| Bảng 23: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất) | 63 |
| Bảng 24: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ) | 64 |
| Bảng 25: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Phát Hành | 77 |
| Bảng 26: Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan của cổ đông lớn | 81 |
| Bảng 27: Danh sách Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân Đội | 82 |
| Bảng 28: Danh sách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội | 95 |
| Bảng 29: Danh sách Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng | 100 |
| Bảng 30: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây | 108 |
| Bảng 31: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của MB | 108 |
| Bảng 32: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng năm 2022, 2023 và Quý I năm 2024 – Hợp nhất | 110 |
| Bảng 33: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2022, 2023 và Quý I năm 2024 – Riêng lẻ | 110 |
| Bảng 34: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Hợp nhất | 111 |
| Bảng 35: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Riêng lẻ | 112 |
| Bảng 36: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Hợp nhất | 112 |
| Bảng 37: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Riêng lẻ | 112 |
| Bảng 38: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất | 113 |
| Bảng 39: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ | 113 |
| Bảng 40: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất | 114 |
| Bảng 41: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ | 114 |
| Bảng 42: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất | 114 |
| Bảng 43: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ | 115 |
| Bảng 44: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024 | 117 |

DANH MỤC HÌNH

| | |
|---|----|
| Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát Hành | 24 |
| Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành | 26 |
| Hình 3: 10 ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất Quý I 2024 | 70 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Lưu Trung Thái

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Phạm Như Anh

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Thanh Nga

Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Bà: Đặng Thủy Dung

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức Tư vấn

Đại diện được ủy quyền:

Ông: Lê Thành Nam

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 13/2023/MBS-UQ ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 22/2023/MBS/IBHN-HDTV ngày 02 tháng 10 năm 2023 với Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành có thể chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế. Các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái khi có biến động đều có khả năng ảnh hưởng đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Nền kinh tế có thể chịu ảnh hưởng từ một số rủi ro đến từ kinh tế thế giới và trong nước, cụ thể:

Tăng trưởng kinh tế trong nước và thế giới ảnh hưởng đáng kể đến tình hình kinh doanh và triển vọng phát triển của Tổ Chức Phát Hành.

Trong giai đoạn 2019-2023, kinh tế Việt Nam biến động mạnh do chịu ảnh hưởng từ đại dịch Covid 19. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới (GDP) giảm mạnh từ 7,2%/năm xuống còn 2,6%/năm trong giai đoạn 2019-2021. Mức giảm mạnh về tốc độ tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam được lý giải một phần bởi tác động của đại dịch Covid 19, các quốc gia thực hiện chính sách đóng cửa để hạn chế khả năng lây lan dịch bệnh, dẫn đến hoạt động sản xuất và kinh doanh thương mại gặp khó khăn, chuỗi cung ứng toàn cầu tắc nghẽn. Năm 2022, các chính sách phòng chống dịch Covid 19 có hiệu quả, các quốc gia mở cửa thương mại và khôi phục sản xuất, kinh tế Việt Nam khôi phục mạnh và đạt mức tăng trưởng cao. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 đạt mức 8,02% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023.

Tăng trưởng kinh tế có quan hệ mật thiết đến tăng trưởng tín dụng, hay nói cách khác tăng trưởng kinh tế là điều kiện thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các ngân hàng phát triển. Khi nền kinh tế trong thời kỳ tăng trưởng và tương đối ổn định sẽ thúc đẩy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gia tăng đầu tư và đẩy mạnh tiêu dùng của người tiêu dùng, từ đó hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng cũng như các dịch vụ thanh toán, tài trợ thương mại, sản phẩm dịch vụ khác của ngân hàng phát triển. Tuy nhiên tăng trưởng kinh tế lại chịu nhiều tác động từ các yếu tố bên ngoài như tình hình kinh tế thế giới, căng thẳng chính trị hay các chính sách hợp tác thương mại với các quốc gia khác trên thế giới. Khi nền kinh tế chịu những tác động tiêu cực hay các điều kiện không thuận lợi sẽ khiến cho sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, người tiêu dùng có tâm lý lo ngại dẫn đến cắt giảm chi tiêu, gia tăng tiết kiệm, hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư cũng giảm. Tất cả những thay đổi vừa đề cập sẽ dẫn đến hệ quả là hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng gặp khó khăn, khả năng thu hồi nợ của ngân hàng giảm, tỷ lệ nợ xấu gia tăng, các dịch vụ và sản phẩm khác như thanh toán, tài trợ thương mại cũng bị ảnh hưởng tiêu cực. Tóm lại,

tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng nói chung và Tổ Chức Phát Hành nói riêng, tuy nhiên Tổ Chức Phát Hành không thể đảm bảo được tăng trưởng kinh tế sẽ luôn duy trì ổn định. Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế có thể làm hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành xấu đi, các yếu tố này Tổ Chức Phát Hành không thể nhận diện, đo lường và kiểm soát toàn bộ.

Biến động về điều kiện kinh tế và các chính sách trên thị trường tiền tệ trên thế giới có thể chi phối điều kiện kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành.

Kinh tế nước ta vẫn chịu nhiều thách thức từ kinh tế thế giới, trong bối cảnh xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina kéo dài và các biện pháp trừng phạt thương mại giữa Mỹ, EU và Nga có thể làm đứt gãy thêm kết nối thương mại, bao gồm cả các liên kết năng lượng dẫn đến gián đoạn nguồn cung, đẩy giá toàn cầu và chi phí sản xuất tăng cao. Mặt khác, lạm phát duy trì ở mức cao tại các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là tại Mỹ và Anh, xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ và tài khóa ở nhiều quốc gia cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình kinh tế trong nước. Diễn biến thay đổi của kinh tế thế giới là không thể dự báo được và nó ảnh hưởng đến kinh tế trong nước do kinh tế Việt Nam có độ mở cao. Tổ Chức Phát Hành không đảm bảo rằng nền kinh tế sẽ luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao hay không thể chắc chắn được môi trường kinh tế sẽ ổn định, những biến động xấu đi của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Những chính sách thắt chặt tiền tệ tại các quốc gia khác đã tác động ngay đến Việt Nam, đầu tiên là dự trữ ngoại hối. Theo ước tính của ACBS, Ngân hàng Nhà nước đã bán ra khoảng 21 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2022 từ nguồn dự trữ ngoại hối, tương đương 19% tổng dự trữ, đưa dự trữ về mức ước tính 89 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam năm 2023 được dự báo đạt khoảng 100 tỷ USD, năm 2024 lên hơn 110 tỷ USD. Biến động mạnh về tỷ giá, thay đổi tỷ lệ dự trữ ngoại hối đều có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Tổ Chức Phát Hành. Mặt khác, lãi suất tại các thị trường thế giới tăng làm dòng vốn dịch chuyển và có xu hướng chuyển ra ngoài Việt Nam, điều này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn, chi phí huy động vốn và lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Tóm lại, những biến động về thị trường trong nước và quốc tế đều có khả năng ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Chính sách tiền tệ thắt chặt và tỷ lệ lạm phát cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Lạm phát có ảnh hưởng mạnh đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các ngân hàng nói chung. Lạm phát có khả năng gia tăng tỷ lệ nợ xấu, tiềm ẩn rủi ro hệ thống. Trong bối cảnh tình hình lạm phát thế giới tiếp tục tăng cao, lạm phát toàn cầu đạt đỉnh vào cuối năm 2022 (8,8%). Năm 2023, lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm dần sau thời gian các nước đồng loạt tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát cùng với giá năng lượng giảm. Nhưng so với mục tiêu dài hạn, mức lạm phát hiện tại vẫn ở mức cao đối với nhiều quốc gia. Lạm phát của Mỹ tháng 11/2023 tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản ở mức 5,25%-5,5% trong nhiều tháng liên tiếp nhằm đưa lạm phát về mức mục tiêu. Trong tháng 11/2023, lạm phát của khu vực đồng Euro tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước; Pháp tăng 3,5%; Đức tăng 3,2%. Tại châu Á, lạm phát tháng 11/2023 của Lào tăng 25,24%; Ấn Độ tăng 5,55%; Phi-lip-pin tăng 4,1%; Hàn Quốc tăng 3,3%; In-đô-nê-



xi-a tăng 2,86%. Việt Nam tiếp tục thuộc nhóm các nước kiểm soát tốt lạm phát khi CPI tháng 12/2023 tăng 3,58% so với tháng 12/2022.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát vẫn được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt là trước tình hình lạm phát cao ở các nước trên thế giới như tại Mỹ và EU. Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

2. Rủi ro về luật pháp

Nhìn chung, nền kinh tế và thị trường tại chính Việt Nam đang trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách của Việt Nam vẫn chưa đồng bộ và ổn định như các nền kinh tế đã phát triển. Sự thay đổi trong chính sách hay trong cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Khung pháp lý và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại đã và đang được triển khai kể từ thời điểm bắt đầu chính sách “đổi mới” vào năm 1986 và hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện. Trong những năm gần đây, mặc dù các văn bản pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng sự không rõ ràng của một số quy định trong các văn bản luật như Bộ Luật Dân Sự, Luật Thương Mại, Luật Chứng Khoán, Luật Đầu Tư và Luật Doanh Nghiệp, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và sự thi hành của các luật này phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính Phủ và các bộ vẫn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

NHNN quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và có khả năng tác động đến thị trường tài chính và ngân hàng nói chung. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng NHNN và các cơ quan quản lý nhà nước khác đang chuẩn bị ban hành và/hoặc thay đổi các chuẩn mực và đưa ra những hướng dẫn và các quy định giám sát đối với hoạt động của MB. Bản chất và ảnh hưởng của các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của MB và các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của MB. Các nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu cũng nên lưu ý rằng các quy định pháp luật của Việt Nam có thể khác so với quy định tại các nước khác.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Bên cạnh những rủi ro vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của Tổ Chức Phát Hành.

3.1. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng (trừ rủi ro tín dụng đối tác).

Năm 2020-2021, các diễn biến bất ngờ của tình hình thiên tai và dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực tới nhiều ngành, lĩnh vực nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. Hoạt động kinh

doanh của nhiều khách hàng vay vốn tại MB gặp khó khăn, đặc biệt là trong dịch vụ lưu trữ, vận tải, nông nghiệp, lĩnh vực kinh doanh bất động sản,... tiềm ẩn rủi ro phát sinh nợ xấu cho MB. Trước tình hình đó, MB đã tích cực đồng hành cùng khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ, giảm giải ngân mới, ưu đãi lãi suất,... giúp khách hàng ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn, đồng thời chủ động nhận diện sớm rủi ro, triển khai các biện pháp phân luồng thu hồi xử lý nợ để giảm thiểu tổn thất cho ngân hàng. Bên cạnh đó, để đảm bảo sự phục hồi và phát triển an toàn, hiệu quả cho khách hàng, ngân hàng cũng như nền kinh tế, MB không ngừng kiện toàn, chuẩn hóa quy trình, văn bản chính sách và ứng dụng CNTT trong quá trình cấp và quản lý tín dụng.

Năm 2022 – năm 2023, tình hình kinh tế trong nước diễn biến phức tạp, đặc biệt là thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường bất động sản. Ngân hàng hướng tín dụng vào sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, cho vay phục vụ nhu cầu đời sống, tín dụng tiêu dùng với mức lãi suất hợp lý, không nới lỏng các điều kiện cấp tín dụng. MB tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, các dự án BOT, BT giao thông, trái phiếu doanh nghiệp. Trên cơ sở Thông tư 02/2023/TT-NHNN Quy định về TCTD, Chi nhánh NHNN cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ Khách hàng gặp khó khăn, MB thực hiện đánh giá danh mục khách hàng để thực hiện cơ cấu nợ cho Khách hàng theo đúng quy định, sẵn sàng nguồn lực cho việc thực hiện TLDP đối với nhóm các Khách hàng được thực hiện cơ cấu. Ngoài ra, MB cũng đã xây dựng và ngày càng hoàn thiện khung quản trị rủi ro tín dụng để nhận diện, đánh giá, đo lường, giám sát, quản lý danh mục rủi ro tín dụng đầy đủ, kịp thời để giúp hoạt động tín dụng của MB đảm bảo tăng trưởng ổn định, bền vững, hiệu quả.

3.2. Rủi ro về thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: a) Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của ngân hàng; b) Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ; c) Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng; d) Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của ngân hàng.

Trạng thái rủi ro thị trường trên sổ kinh doanh của Ngân hàng được đo lường thông qua các công cụ, mô hình hiện đại và được quản lý bằng việc thiết lập các loại hạn mức, cảnh báo sớm, đồng thời thực hiện cơ chế theo dõi, giám sát hàng ngày. Đơn vị đo lường, giám sát rủi ro thị trường độc lập với đơn vị sở hữu rủi ro thị trường, đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan trong công tác quản lý rủi ro của MB.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh do:

- a) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;
- b) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn;
- c) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;
- d) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

MB thực hiện quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo nguyên tắc thận trọng. Trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Ngân hàng được đo lường thông qua các công cụ, mô hình hiện đại và quản lý bằng việc thiết lập các loại hạn mức, đồng thời thực hiện cơ chế theo dõi, giám sát hàng ngày, hằng tuần. Việc thực hiện các báo cáo trên được thực hiện bởi đơn vị Quản trị rủi ro chuyên trách sau đó được báo cáo tới Ban Lãnh đạo Ngân hàng, Hội đồng Alco. Dựa trên báo cáo, những nhận định về diễn biến, xu hướng của lãi suất trên thị trường và đề xuất, tham mưu của Hội đồng Alco, Ban lãnh đạo Ngân hàng sẽ quyết định duy trì các mức chênh lệch thích hợp để định hướng cho các hoạt động của Ngân hàng cũng như đề ra chiến lược bảng cân đối hoặc chiến lược phòng vệ rủi ro (hedging) phù hợp.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm: (a) Rủi ro danh tiếng; (b) Rủi ro chiến lược. Để quản trị rủi ro hoạt động hiệu quả, MB đã xây dựng Khung quản trị rủi ro (QTRR) hoạt động chặt chẽ theo thông lệ quốc tế Basel II (bao gồm: khẩu vị, chiến lược, chính sách QTRR hoạt động, hồ sơ rủi ro hoạt động) và trang bị các công cụ QTRR hoạt động để hỗ trợ các đơn vị trong quá trình triển khai (bao gồm: công cụ Thu thập và quản lý dữ liệu tổn thất LDC, công cụ Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát RCSA, công cụ Chỉ số rủi ro chính KRI, công cụ tính vốn).

MB chú trọng xây dựng hệ thống quy định, quy trình nghiệp vụ kinh doanh và vận hành đầy đủ; có hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ từ Hội sở đến Chi nhánh; thiết lập và duy trì ổn định hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do: (a) Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc (b) Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của ngân hàng. Đây là rủi ro có thể khiến các ngân hàng đổ vỡ nhanh nhất và thông thường là hậu quả của các rủi ro khác, do đó, bên cạnh việc làm tốt công tác quản trị với các loại rủi ro khác, quản trị rủi ro thanh khoản tại MB được đặc biệt quan tâm.

Với khung quản trị rủi ro thanh khoản chặt chẽ bao gồm 3 vòng phòng vệ, MB thực hiện quản trị rủi ro thanh khoản trong ngày, quản lý nguồn vốn huy động, quản lý dòng tiền tối thiểu và dự phòng thanh khoản sớm ít nhất 30 ngày, quản lý tài sản thanh khoản cao theo thời gian thực đồng thời đánh giá khả năng chuyển đổi sang tiền mặt, quản lý nguồn thanh khoản, quản lý rủi ro thanh khoản sản phẩm mới, thị trường mới; và quản lý rủi ro thanh khoản trong giai đoạn khủng hoảng.

Đo lường và kiểm soát rủi ro thanh khoản tại MB được thực hiện liên tục trong ngày đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các giới hạn thanh khoản của NHNN và nội bộ từng thời kỳ. Báo cáo cảnh báo sớm về rủi ro thanh khoản đánh giá hàng ngày để có các biện pháp xử lý thiếu hụt thanh khoản tạm thời và dài hạn kịp thời (nếu có).

MB triển khai đo lường và xây dựng lộ trình đáp ứng các chỉ tiêu thanh khoản như Tỷ lệ bao phủ thanh khoản LCR và Tỷ lệ tài trợ ròng NSFR theo tiêu chuẩn Basel III, khắt khe hơn quy định của NHNN Việt Nam; đồng thời tối ưu các mô hình trong quản lý rủi ro thanh khoản như mô hình dự báo dòng tiền vào/dòng tiền ra, mô hình xác định các tỷ lệ hành vi của khách hàng bao gồm tỷ lệ rút trước hạn, tỷ lệ tái tục tự động tiền gửi, tỷ lệ trả nợ trước hạn và quá hạn hàng ngày của khách hàng,... giúp đánh giá mức độ tác động đến thay đổi dòng tiền so với kỳ hạn danh nghĩa, giúp ngân hàng xác định được chính xác hơn trạng thái thanh khoản thực, đưa ra các biện pháp cân đối vốn hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí, gia tăng hiệu quả quản trị.

3.6. Rủi ro tập trung

Cũng như đa số các ngân hàng thương mại khác tại Việt Nam, hoạt động cho vay của MB thường tập trung vào một số nhóm ngành. Do vậy, sự suy thoái của một số ngành kinh tế có thể dẫn đến việc gia tăng nợ xấu của MB. Điều này có thể có ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của MB.

Tuy nhiên các nhóm ngành MB tập trung tài trợ được lựa chọn trên cơ sở đánh giá, phân tích kỹ lưỡng về tiềm năng, xu hướng phát triển và vị thế trong nền kinh tế Việt Nam, đồng thời MB cũng thiết lập hạn mức tín dụng đối với từng nhóm ngành cụ thể nhằm giảm thiểu rủi ro tập trung.

3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán” của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng,... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro trái phiếu không chào bán hết

Trong đợt phát hành Trái Phiếu ra công chúng này, không có đơn vị bảo lãnh phát hành trái phiếu nên sẽ có rủi ro về khả năng thành công của đợt chào bán trong trường hợp bán không hết số lượng trái phiếu dự kiến phát hành. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng Trái phiếu đã đăng ký, MB sẽ điều chỉnh kế hoạch huy động vốn phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

4.2. Rủi ro trái phiếu không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành.

Nguồn vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng với mục đích bổ sung vốn cấp



II dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2024 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng hay rủi ro lãi suất.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu là MB được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của MB bị lỗ.

4.3. Tính thanh khoản của trái phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của MB và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

5. Rủi ro về quản trị công ty

MB cam kết thực hành quản trị công ty (QTCT) tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. MB đã nghiên cứu và áp dụng các thông lệ trong nước và quốc tế trong thực hành quản trị như thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam – VNCG Code và Nguyên tắc quản trị công ty của OECD để hướng tới hiệu quả, minh bạch, phát triển bền vững và phù hợp với tiến trình phát triển. MB cũng tham chiếu các tiêu chuẩn quản trị thông qua bộ tích điểm QTCT ASEAN 2021 để tự đánh giá và hoàn thiện công tác quản trị.

MB tuân thủ mô hình quản trị công ty theo quy định Ngân hàng Nhà nước và theo tiêu chuẩn Basel 2 được quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và các chỉ số an toàn tuân thủ theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, Hệ thống kiểm soát và phân phối quyền lực và trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành được quy định theo Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

MB xây dựng mô hình tổ chức có vai trò giám sát cấp cao và mô hình ba vòng tuyến bảo vệ theo các nội dung tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN của NHNN và thông lệ của Ủy ban Basel được MB ứng dụng. Trong đó có giám sát quản lý cấp cao gồm 2 cấp: cấp HĐQT và Ban kiểm soát và cấp Ban điều hành; cấp thực thi gồm cấp nghiệp vụ và thực hiện mô hình ba vòng tuyến bảo vệ. Vòng tuyến bảo vệ thứ 1 gồm (i) chức năng kinh doanh tạo ra doanh thu, thực hiện quyết định có rủi ro, (ii) chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát rủi ro với từng loại hình giao dịch, hoạt động kinh doanh, (iii) chức năng kế toán, nhân sự, (iv) các chức năng sở hữu khác và quản lý rủi ro – đối mặt trực tiếp với rủi ro trong hoạt động kinh doanh, hỗ trợ và vận hành. Vòng tuyến bảo vệ thứ 2 gồm: quản lý rủi ro, tuân thủ, quản lý chất lượng, kiểm soát tài chính, an ninh an toàn và thanh tra/điều tra. Vòng tuyến bảo vệ thứ 3 là kiểm toán nội bộ.

Các rủi ro quản trị có thể xảy ra là việc cấu trúc kiểm soát giữa 3 cấp và các vòng tuyến vào vệ bị phá vỡ do một trong ba cơ quan không làm tốt chức năng, không công khai minh bạch và có dấu hiệu lạm quyền dẫn đến tình trạng mất kiểm soát tại MB.

Biện pháp kiểm soát rủi ro: hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và áp dụng các chuẩn mực,

thông lệ quốc tế trong quản trị rủi ro, cụ thể MB đã và hoàn thiện:

- (1) Khung quản trị rủi ro toàn hàng được kiện toàn đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Ngân hàng (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro công nghệ, rủi ro tập trung, rủi ro gián lận...) theo các thông lệ tốt, thông lệ quốc tế của Ủy ban Basel, COSO, ISO. Chính sách quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro được văn bản hóa, tuyên ngôn cụ thể để định hướng, nhận diện đầy đủ các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của MB. Các nguyên tắc, cơ chế quản lý và thiết lập các ngưỡng, giới hạn kiểm soát các rủi ro trọng yếu được thiết lập và giám sát định kỳ đảm bảo phù hợp với khẩu vị và tình hình hoạt động kinh doanh.
- (2) Vai trò giám sát cấp cao và mô hình ba vòng tuyến bảo vệ theo các nội dung quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN của NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung và thông lệ của Ủy ban Basel, được MB ứng dụng trong hoạt động quản trị, kiểm soát nội bộ của ngân hàng. Trách nhiệm giữa HĐQT và Tổng Giám đốc đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá về mức độ đủ vốn và hoạt động kiểm toán nội bộ được chuẩn hóa, đảm bảo vai trò độc lập, một cá nhân/đơn vị không đồng thời tham gia vào chức năng “điều hành” và chức năng “quản trị”.
- (3) MB chú trọng xây dựng văn hóa quản trị rủi ro. Tại MB, từng cán bộ nhân viên đều ý thức được trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của bản thân, từ đó xem xét, cập nhật các yếu tố rủi ro trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, việc cảnh báo rủi ro và chia sẻ, truyền thông bài học kinh nghiệm từ các rủi ro đã xảy ra được MB thực hiện thường xuyên, liên tục, giúp các cán bộ nhân viên nâng cao ý thức tuân thủ các quy định pháp luật, quy định/quy trình nội bộ.

6. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày trên, MB còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,... nếu xảy ra sẽ ít nhiều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của MB.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Các khái niệm

Các thuật ngữ và/hoặc các cụm từ viết hoa sử dụng, trình bày trong Bản cáo bạch này sẽ có ý nghĩa như sau:

- “Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu”: là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc các hình thức theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu trái phiếu,
- “Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu”: là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.
- “Kỳ Tính Lãi”: là 12 tháng 1 lần, kể từ và bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi liên sau hoặc cho đến và không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- “Kỳ Thanh Toán Lãi”: là mỗi thời hạn kéo dài 12 (mười hai) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành mỗi đợt cho đến Ngày Đến Hạn Gốc
- “Ngày Phát Hành”: là ngày kết thúc việc thu tiền chào bán Trái Phiếu theo công bố của Tổ Chức Phát Hành.
- “Ngày Bắt Đầu Tính Lãi Trái Phiếu” là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc ngày tròn 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- “Ngày Chốt Danh Sách” là:
 - (i) Ngày Làm Việc thứ 05 (năm) trước Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày đến hạn khác hoặc ngày thực hiện quyền, nghĩa vụ khác đối với Trái Phiếu và liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu; hoặc
 - (ii) Ngày được ấn định theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành hoặc theo quy định của VSDC hoặc SGDCK để thực hiện việc đăng ký lưu ký, đăng ký niêm yết hoặc thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với và liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- “Ngày Đáo Hạn”: là ngày tròn 6 (sáu) năm kể từ Ngày Phát Hành.
- “Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”: là ngày làm việc theo thông báo của VSDC để thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán do VSDC ban hành.
- “Ngày Làm Việc” là bất kỳ ngày nào mà hệ thống thanh toán của Ngân hàng Nhà nước, và hệ thống thanh toán của VSDC, và hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam hoạt động trừ các ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật tại Việt Nam và bất kỳ ngày nào đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc đóng cửa theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- “Ngày Thanh Toán Lãi”: là ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc Kỳ hạn trái phiếu.



- “Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại”: là ngày tròn 1 năm kể từ ngày phát hành. Tổ chức phát hành có thể mua lại trước hạn 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.
- “Ngày Xác Định Lãi Suất” là Ngày Làm Việc trước Ngày Phát Hành 01 (một) Ngày Làm Việc đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên. Đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo, Ngày Xác Định Lãi Suất là Ngày Làm Việc trước mỗi ngày tròn năm từ Ngày Phát Hành 07 (bảy) Ngày Làm Việc.
- “Ngày Đến Hạn Gốc” có nghĩa là (i) Ngày Đáo Hạn hoặc (ii) ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành hoặc (iii) vào ngày mua lại hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.
- “Ngân Hàng Tham Chiếu” là bốn (04) ngân hàng tại Việt Nam bao gồm:
 - (i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
 - (ii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
 - (iii) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)
 - (iv) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)
- “Người Sở Hữu Trái Phiếu” hoặc “Nhà Đầu Tư”: là người mua, hoặc nhận chuyển nhượng quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, đã được đăng ký và có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC).
- “Quyền Mua Lại Trái Phiếu” hoặc “Quyền Mua Lại Trước Hạn Trái Phiếu” là quyền của Tổ Chức Phát Hành được mua lại toàn bộ, nhưng không được mua lại một phần Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, phù hợp với quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu. Trong trường hợp, Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu do mình sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- “Thành Viên Lưu Ký”: là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được VSDC chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.
- “Trái Phiếu”: là trái phiếu bằng Đồng Việt Nam, có kỳ hạn 6 năm với tổng mệnh giá 4.880.000.000.000 VND (bằng chữ: Bốn nghìn tám trăm tám mươi tỷ đồng) do Ngân hàng TMCP Quân Đội chào bán ra công chúng.
- “Văn Kiện Trái Phiếu”: là bất cứ tài liệu nào, bao gồm: Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan đến việc phát hành.

Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng (và Luật sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt

| | |
|---------------|--|
| BCTC | : Báo cáo tài chính |
| BĐH | : Ban Điều hành |
| BKS | : Ban Kiểm soát |
| CBTT | : Công bố thông tin |
| CN | : Chi nhánh |
| CNTT | : Công nghệ thông tin |
| CTTV | : Công ty thành viên |
| ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| Điều lệ | : Điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội |
| HĐQT | : Hội đồng Quản trị |
| KHCN | : Khách hàng cá nhân |
| KHDN | : Khách hàng doanh nghiệp |
| KHĐCTC | : Khách hàng định chế tài chính |
| LNST | : Lợi nhuận sau thuế |
| LNTT | : Lợi nhuận trước thuế |
| MBCapital | : Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB |
| MBS | : Công ty cổ phần Chứng khoán MB |
| Ngân Hàng, MB | : Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội |
| NHNN | : Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| PGD | : Phòng giao dịch |
| QTCT | : Quản trị công ty |
| QTRR | : Quản trị rủi ro |
| SGDCK | : Sở giao dịch chứng khoán |
| TCPH | : Tổ Chức Phát Hành, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội |
| Thuế TNDN | : Thuế Thu nhập doanh nghiệp |
| TSCĐ | : Tài sản cố định |
| TTCK | : Thị trường chứng khoán |
| UBCKNN | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| VĐL | : Vốn điều lệ |
| VSDC | : Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam |

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành**

| | |
|---|---|
| Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt | : Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội |
| Tên đầy đủ bằng Tiếng Anh | : Military Commercial Joint Stock Bank |
| Tên gọi tắt bằng Tiếng Việt | : Ngân hàng TMCP Quân Đội |
| Tên viết tắt | : MB |
| Tên giao dịch | : Ngân hàng Quân Đội |
| Trụ sở | : Số 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội |
| Điện thoại | : 024 62661088 |
| Fax | : 024 62661080 |
| Website | : www.mbbank.com.vn |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | : số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 53 ngày 23/08/2023 |
| Giấy phép hoạt động | : Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018 |
| Vốn điều lệ | : 52.140.840.520.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi hai nghìn một trăm bốn mươi tỷ tám trăm bốn mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). (Số liệu tại giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 53 ngày 23/08/2023). |
| <i>(*) Cập nhật đến ngày 02/05/2024, Ngân hàng Nhà Nước đã ra quyết định số 811/QĐ-NHNN ngày 02/05/2024 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân Đội, trong đó vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội là 52.870.840.520.000 đồng (Năm mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi tỷ, tám trăm bốn mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng), sau khi tăng vốn điều lệ thêm 730.000.000.000 đồng.</i> | |
| Người đại diện theo pháp luật | : Lưu Trung Thái – Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Mã cổ phiếu | : MBB |
| Sàn niêm yết | : Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) |

Ngành nghề kinh doanh

- 1 - Hoạt động trung gian liên tế khác:
- 1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
 - 2) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - Cho vay;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước.
 - 3) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
 - 4) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
 - 5) Mở tài khoản:
 - Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
 - 6) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
 - 7) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
 - 8) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
 - 9) Dịch vụ môi giới tiền tệ
 - 10) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung), Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - 11) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - 12) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - 13) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - 14) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
 - 15) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.
 - 16) Lưu ký chứng khoán.



- 17) Ví điện tử.
- 18) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- 19) Mua nợ.
- 20) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).
- II - Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đầu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội).

Chi tiết:

- 1) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- 2) Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- 3) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 4) Kinh doanh giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật.
- 5) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
- 6) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

III - Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Chi tiết: Kinh doanh mua, bán vàng miếng.

IV - Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm

Chi tiết: Đại lý bảo hiểm và các dịch vụ liên quan khác theo quy định của pháp luật.

V - Bán lẻ hàng hóa khác mới (trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: Kinh doanh, mua bán vàng miếng

VI - (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội được thành lập vào ngày 4 tháng 11 năm 1994 với số vốn ban đầu thành lập là 20 tỷ đồng, 25 nhân sự và một điểm giao dịch duy nhất tại 28A Điện Biên Phủ, Hà Nội.

• Giai đoạn năm 1994-2004:

- ✓ Định hình phương châm hoạt động, xác định chiến lược kinh doanh và xác định thương hiệu.
- ✓ Chú trọng và mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, MB đã vững vàng vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 và là ngân hàng cổ phần duy nhất có lãi.
- ✓ Năm 2000, thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán MB) và Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (MBAMC).

- ✓ Năm 2003, MB tiến hành cải tổ toàn diện về hệ thống và nhân lực.
- ✓ Năm 2004, MB là ngân hàng đầu tiên phát hành cổ phần thông qua bán đấu giá ra công chúng với tổng mệnh giá là 20 tỷ đồng.
- ✓ Năm 2004, tròn 10 năm thành lập, tổng vốn huy động của MB tăng lên gấp trên 500 lần, tổng tài sản trên 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ đồng và khai trương trụ sở mới tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.
- **Giai đoạn năm 2005-2009:**
 - ✓ Áp dụng giải pháp đổi mới tổng thể từ mở rộng quy mô hoạt động, phát triển mạng lưới, đầu tư công nghệ, tăng cường nhân sự, hướng mạnh về khách hàng với việc tách bạch chức năng quản lý và chức năng kinh doanh giữa Hội sở và Chi nhánh, tổ chức lại đơn vị kinh doanh theo nhóm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ.
 - ✓ Đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược sau này, góp phần đưa MB trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu Việt Nam hiện nay.
 - ✓ Năm 2005, MB tiến hành ký kết thỏa thuận ba bên với Vietcombank và Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel về việc thanh toán cước viễn thông của Viettel và đạt thỏa thuận hợp tác với Citibank.
 - ✓ Năm 2006, thành lập Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội HFM (nay là Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB). Triển khai thành công dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin CoreT24 của Tập đoàn Temenos (Thụy Sĩ).
 - ✓ Năm 2008, MB tái cơ cấu tổ chức. Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel chính thức trở thành cổ đông chiến lược.
 - ✓ Năm 2009, MB ra mắt Trung tâm dịch vụ khách hàng 247.
 - ✓ Năm 2009, đánh dấu 15 năm phát triển, MB vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.
- **Giai đoạn năm 2010-2016:**
 - ✓ Năm 2010, MB bắt đầu nghiên cứu xây dựng chiến lược giai đoạn mới 2011 – 2016, với kỳ vọng đưa MB vào Top 3 ngân hàng TMCP không do nhà nước nắm cổ phần chi phối.
 - ✓ Năm 2010, Khai trương chi nhánh đầu tiên tại nước ngoài (Lào).
 - ✓ Năm 2011, Thực hiện thành công việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX) từ ngày 01 tháng 11 năm 2011. Khai trương chi nhánh thứ hai tại nước ngoài (Campuchia). Nâng cấp thành công hệ thống CoreT24 từ R5 lên R10.
 - ✓ Trong bối cảnh ngành Ngân hàng thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ, nhiều ngân hàng suy giảm lợi nhuận, thậm chí phải sát nhập, biến mất trên thị trường do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, MB kiên định với chiến lược phát triển bền vững, an toàn đã vươn lên dẫn đầu về nhiều chỉ tiêu tài chính quan trọng, hoàn thành mục tiêu

nằm trong Top 3 trước 2 năm – vào năm 2013.

- ✓ Năm 2014, MB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất.
- ✓ Năm 2015, MB được Phong tặng danh hiệu Anh Hùng Lao động.
- ✓ Năm 2016, MB tiếp tục thành lập hai công ty thành viên mới trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ là Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MB Ageas Life) và tài chính tiêu dùng là Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit), kiện toàn mô hình tập đoàn tài chính đa năng. Những nền tảng vững chắc MB đã xây dựng trong những năm qua sẽ tạo đà phát triển vững chắc cho MB trong giai đoạn mới.

• **Giai đoạn năm 2017-2021**

- ✓ MB định hướng tầm nhìn “Trở thành Ngân hàng thuận tiện nhất” với mục tiêu đến năm 2021 sẽ nằm trong Top 5 hệ thống Ngân hàng Việt Nam về hiệu quả kinh doanh và an toàn, dẫn đầu về số hóa.
- ✓ Năm 2018, với phương châm “Đổi mới, hiện đại, hợp tác, bền vững”, MB đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh đề ra từ đầu năm. Trong đó, đáng chú ý là lợi nhuận trước thuế đạt 7.767 tỷ đồng, tăng 68% so với năm 2017.
- ✓ MB cũng hoàn thành xuất sắc các mục tiêu lớn đặt ra gồm: triển khai chiến lược 2017 - 2021; chuyển dịch ngân hàng số với 2,6 triệu tài khoản người dùng đang hoạt động với sản phẩm chủ lực nhiều tiện ích là ứng dụng App MBBank; thay đổi nhận diện hình ảnh cho 100% điểm giao dịch, triển khai quyết liệt các dự án nhằm tăng trưởng đột phá.
- ✓ Năm 2019, MB ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới, thành công thay đổi nhận diện thương hiệu mới thành một ngân hàng năng động, trẻ trung – Lọt vào Top 2 thương hiệu được yêu thích nhất, tăng 127 bậc so với năm 2020, lọt vào Top 300 thương hiệu ngân hàng có giá trị và mạnh nhất thế giới (theo báo cáo Banking 500 2022 của Brand Finance). MB tự hào tiếp tục nằm trong top doanh nghiệp đạt lợi nhuận trên 10.000 tỷ đồng, Top 5 các Ngân hàng tốt nhất Việt Nam.
- ✓ MB đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, bứt phá trong hoạt động kinh doanh, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu đề ra mặc dù gặp nhiều khó khăn bởi đại dịch Covid-19 toàn cầu.

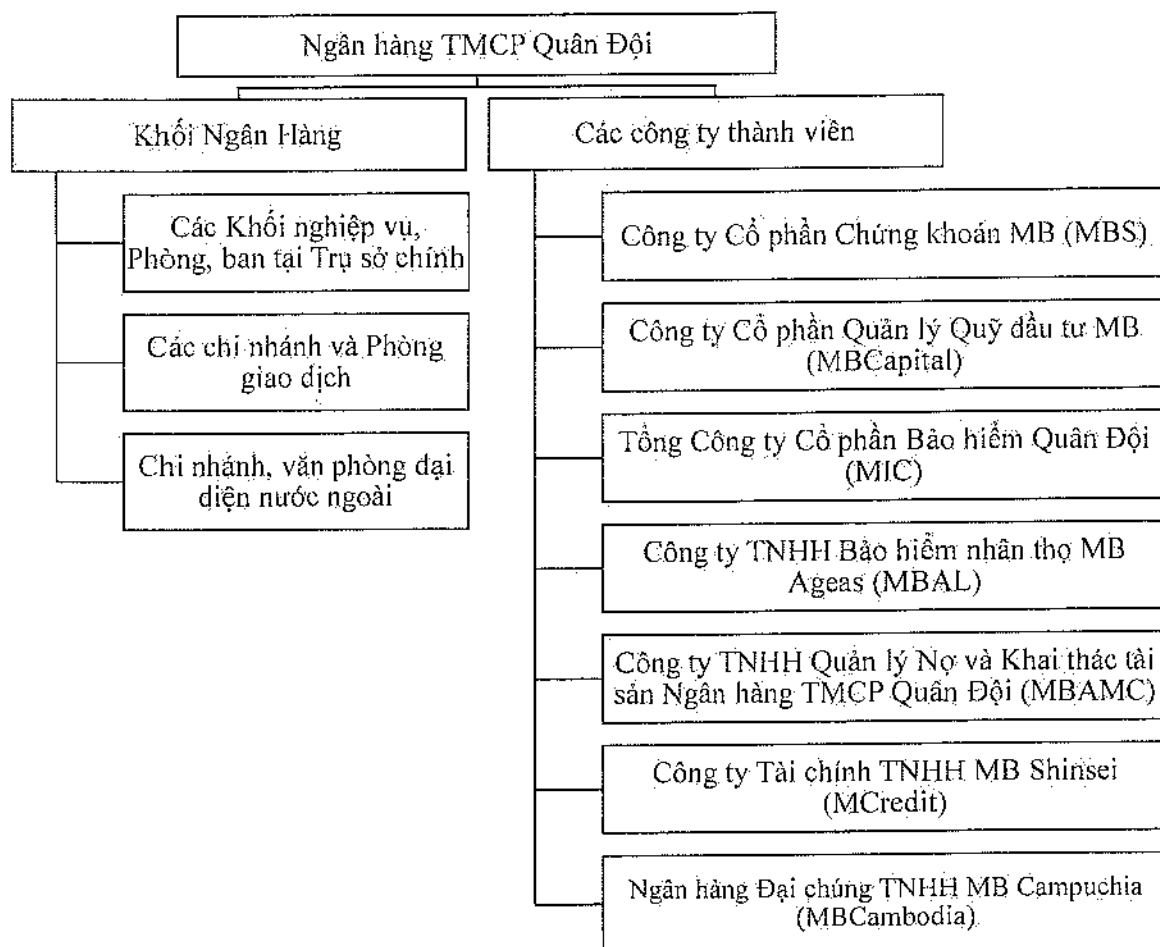
• **Giai đoạn năm 2022-2023**

- ✓ MB tập trung việc hoàn thiện hệ sinh thái tài chính cộng với chiến lược kinh doanh số và MB tiếp tục phát triển trên con đường chuyển đổi số mạnh mẽ hơn với phương châm “Tăng tốc số – Hấp dẫn khách hàng – Hiệp lực tập đoàn – An toàn bền vững”.
- ✓ MB là một trong số ít các ngân hàng có hệ sinh thái tài chính đầy đủ nhất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ, khai thác tài sản, bảo hiểm và tài chính tiêu dùng.
- ✓ Trong năm 2022, MB nằm trong 5 ngân hàng có lợi nhuận lớn nhất hệ thống, một trong những ngân hàng dẫn đầu về tỷ suất sinh lời trên vốn và top đầu về các chỉ số an toàn, chất lượng tín dụng.

- ✓ Đã đạt được những thành công nhất định trong chiến lược chuyển đổi số, App MBBank nằm trong Top 10 ứng dụng được yêu thích trên App Store 2022, App thiện nguyện đạt Giải A Sáng kiến vì cộng đồng.
- ✓ Năm 2023, MB đạt TOP 2 thương hiệu mạnh nhất Việt Nam, vinh dự đón nhận nhiều danh hiệu, giải thưởng lớn như Doanh nghiệp xuất sắc nhất Châu Á, Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu, Top 3 Doanh nghiệp cổ vốn hóa lớn được nhà đầu tư yêu thích nhất, Top 50 công ty niêm yết tốt nhất, Top 3 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ngành Ngân hàng 2023, App Thiện nguyện được vinh danh dự án vì cộng đồng.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát Hành



Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Tính đến thời điểm 31/03/2024, cơ cấu tổ chức của MB bao gồm:

❖ **Khối Ngân hàng (Công ty mẹ) gồm có:**

- 01 Trụ sở chính đặt tại số 18 Lê Văn Lương, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
- 110 Chi nhánh (trong đó có 1 chi nhánh tại Lào), 210 phòng giao dịch và 1 Văn phòng đại diện tại Nga.

❖ **Công ty thành viên**

Handwritten signature

MB có bảy (7) công ty thành viên như sau:

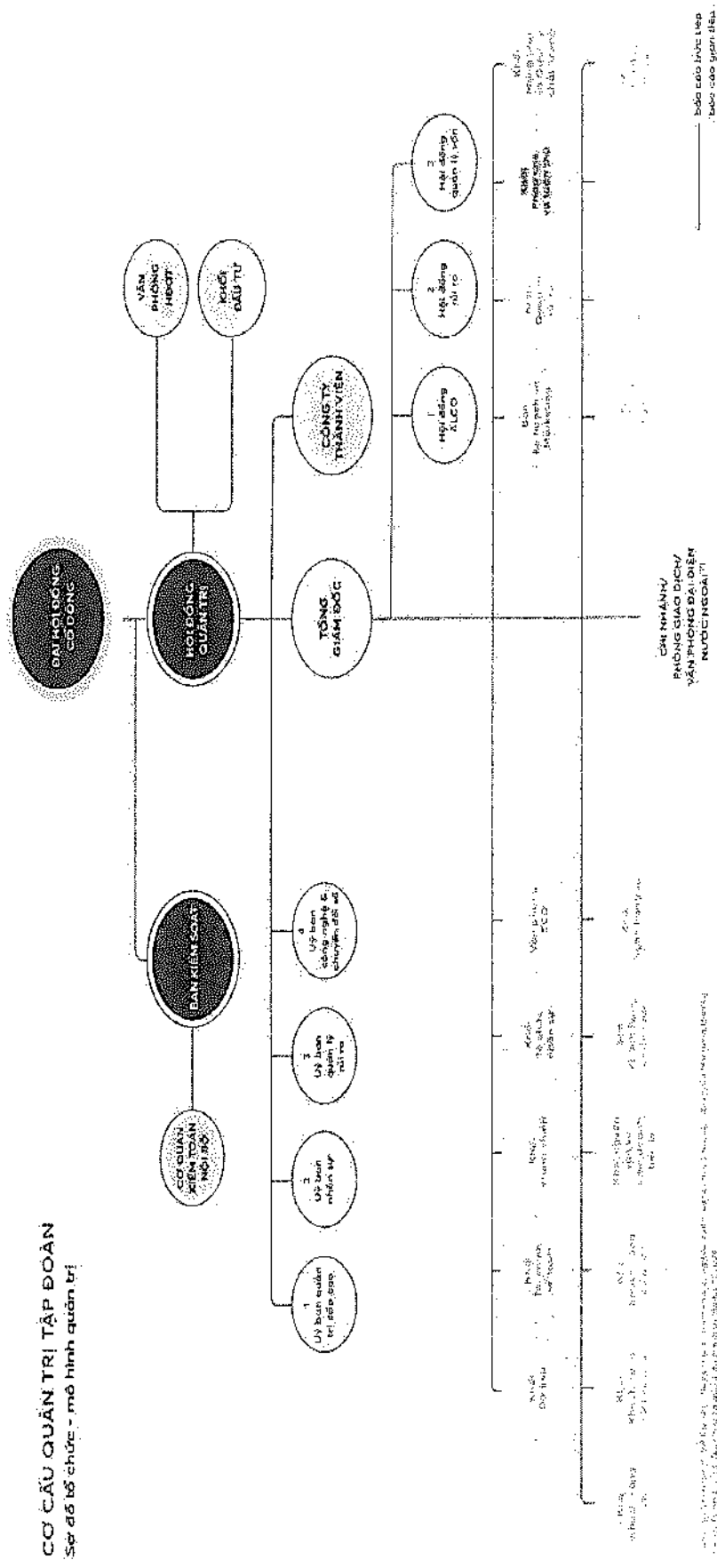
| STT | Tên Công ty thành viên | Tỷ lệ sở hữu của MB tại thời điểm 31/03/2024 |
|-----|--|--|
| 1 | Công ty Cổ phần chứng khoán MB ("MBS") | 79,73% |
| 2 | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ("MBCapital") | 90,77% |
| 3 | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (MIC) | 68,37% |
| 4 | Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL) | 61,00% |
| 5 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC) | 100,00% |
| 6 | Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCCredit) | 50,00% |
| 7 | Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia (MBCambodia) | 100,00% |

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành

Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành



Nguồn: Báo cáo thường niên năm 2023

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của MB. Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của MB;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB;
- Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật;
- Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, MB căn cứ quy định của pháp luật; chiến lược, kế hoạch hoạt động của MB, nhiệm vụ được phân công và mức độ hoàn thành công việc để xác định thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho MB và cổ đông của MB;
- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ, quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán;
- Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận;
- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
- Thông qua phương án góp vốn, mua vốn cổ phần vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của MB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của MB; công ty con, công ty liên kết của MB. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
- Quyết định thành lập công ty con MB;



- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB;
- Quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị MB, có toàn quyền nhân danh MB để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MB. Hội đồng quản trị có từ năm (5) thành viên đến mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông MB quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không phải là người điều hành của MB và thành viên Hội đồng quản trị độc lập, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập và tối thiểu 02 thành viên chuyên trách.

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của MB; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, sự an toàn trong hoạt động của MB, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của MB. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại MB. Số thành viên Ban Kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) người. Số thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không ít hơn $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị.

4.4. Cơ quan Kiểm toán nội bộ

Cơ quan Kiểm toán nội bộ là cơ quan trực thuộc Ban Kiểm soát, được thành lập theo quy định của Pháp luật và quy định của MB, thực hiện việc rà soát; đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ, đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm MB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật, quản lý tập đoàn trong hoạt động kiểm toán.

4.5. Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan tham mưu tư vấn các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ/HĐQT/BKS (phạm vi MB nói chung và các công ty thành viên nói riêng); tham mưu xây dựng, điều phối lịch và các nội dung công tác của HĐQT, thực hiện đối ngoại, hậu cần cho các chương trình của HĐQT/BKS; tổng hợp và thư ký công ty, giúp việc hàng ngày HĐQT, quản lý thông tin đi và đến của HĐQT/BKS; quản lý danh sách và cơ cấu cổ đông, chi trả cổ tức, trả lời các khiếu nại, thắc mắc của cổ đông, phát triển quan hệ với nhà đầu tư, thực hiện công bố thông tin.

4.6. Khối Đầu tư

Khối đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động công ty thành viên; triển khai hoạt động đầu tư chiến lược, đầu tư kinh doanh, các giao dịch M&A và dự án trọng điểm của MB; quản lý hoạt động đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu của MB (bao gồm đầu tư tài sản, đầu tư góp vốn chiến lược, đầu tư góp vốn khác, sử dụng vốn chủ sở hữu vào hoạt động kinh doanh thường xuyên); quản lý hoạt động đầu tư tập đoàn, giám sát triển khai công tác của các cơ quan quản lý MB.

4.7. Ban điều hành

Ban điều hành là cơ quan điều hành các hoạt động hàng ngày của MB, tổ chức triển khai các chiến lược kinh doanh, chiến lược hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua.

4.8. Các Hội đồng thuộc cấp Ban điều hành

❖ Hội đồng Alco

Hội đồng Alco có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc ra quyết định liên quan quản lý Tài sản nợ - Tài sản có của Ngân hàng gồm các phần mảng: quản lý hiệu quả bảng cân đối kế toán, thiết lập cơ chế điều chuyển vốn nội bộ và khung điều hành FTP theo từng thời kỳ, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết hội đồng Alco và các chức năng khác có liên quan đến quản lý tài sản Nợ - Có.

❖ Hội đồng quản lý rủi ro

Hội đồng quản lý rủi ro là cơ quan tham mưu cho Tổng Giám đốc các nội dung về:

- (i) Thực thi, giám sát hệ thống quản lý rủi ro;
- (ii) Ban hành chính sách, quy định, xây dựng các công cụ đo lường, giám sát rủi ro;
- (iii) Tổ chức thực hiện các chỉ đạo của HĐQT/TGĐ về quản lý rủi ro của ngân hàng.

❖ Hội đồng quản lý vốn

Hội đồng quản lý vốn có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc liên quan đến các hoạt động quản lý vốn bao gồm mức độ đầy đủ của vốn, đề xuất chiến lược/kế hoạch vốn hàng năm, tổ chức thực hiện các giải pháp an toàn vốn.

4.9. Các cơ quan quản lý hệ thống

❖ Văn phòng CEO

Văn phòng CEO là cơ quan đầu mối tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc, Ban điều hành thực thi có hiệu quả công tác quản lý. Xây dựng chiến lược marketing, truyền thông và thương hiệu cho MB, thực hiện các hoạt động đối ngoại, công tác thi đua khen thưởng, sáng kiến tại MB; xây dựng và triển khai công tác Đảng, công tác chính trị toàn hệ thống MB. Hoạch định chiến lược, tổ chức và theo dõi các chương trình chuyển đổi chiến lược của Ngân hàng, phối hợp quản lý chiến lược tập đoàn.

❖ Khối Kiểm tra- kiểm soát nội bộ

Khối Kiểm tra – kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát

nội bộ, và phòng chống gian lận nhằm kịp thời phát hiện các tồn tại về hệ thống kiểm soát nội bộ và tham mưu cho Ban điều hành thiết lập, duy trì, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hoạt động của MB được an toàn, hiệu quả, tuân thủ pháp luật.

❖ **Khối Quản trị rủi ro**

Khối Quản trị rủi ro có trách nhiệm quản lý toàn diện và hiệu quả các loại rủi ro trong toàn MB gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên ngân hàng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro công nghệ, rủi ro gian lận, rủi ro uy tín, rủi ro quốc gia, phòng chống rửa tiền... theo nguyên tắc tuân thủ quy định của Việt Nam, định hướng của Hội đồng quản trị MB, tiệm cận thông lệ quốc tế. Xây dựng, quản lý và giám sát thực hiện chiến lược quản trị rủi ro (khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, công cụ quản trị rủi ro, quy trình, hướng dẫn quản trị rủi ro...) phù hợp với chiến lược kinh doanh của MB. Tổ chức, quản lý và thu hồi hiệu quả nợ xấu toàn hệ thống MB.

❖ **Khối Tài chính Kế toán**

Khối Tài chính Kế toán thực hiện xây dựng, tổ chức, triển khai hoạt động tài chính kế toán, báo cáo tài chính, chế độ kế toán, công tác thuế trong toàn hệ thống MB, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật. Quản trị tài chính kế toán của tập đoàn (gồm MB và các công ty thành viên).

❖ **Khối Tổ chức Nhân sự**

Khối Tổ chức Nhân sự có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau: (i) xây dựng chính sách và quản lý nhân sự tập đoàn, (ii) xây dựng mô hình tổ chức, triển khai và giám sát công tác nhân sự toàn MB, (iii) triển khai kế hoạch học tập tại MB.

❖ **Khối Mạng lưới và quản lý chất lượng**

Khối Mạng lưới và quản lý chất lượng thực hiện phát triển mạng lưới, quản lý hoạt động của hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch MB. Khối Mạng lưới và quản lý chất lượng cũng có nhiệm vụ quản lý toàn diện chất lượng dịch vụ của MB thông qua thiết lập, vận hành các công cụ đo lường chất lượng dịch vụ bao gồm đánh giá từ nội bộ và bên ngoài.

❖ **Ban Kế hoạch và Marketing**

Nhiệm vụ chính của Ban Kế hoạch và Marketing là:

- (i) Tổ chức xây dựng, đo lường đánh giá, giám sát và quản lý kế hoạch ngân hàng MB và của các công ty thành viên;
- (ii) Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược marketing cho Tổng Giám đốc/Ban điều hành MB;
- (iii) Tổ chức triển khai các chương trình marketing tập trung cho toàn hệ thống. Quản lý trải nghiệm khách hàng (UX- user experience) và hành trình trải nghiệm khách hàng;
- (iv) Triển khai chiến lược thương hiệu cho MB và theo dõi và kiểm soát hình ảnh thương hiệu của MB;
- (v) Tổ chức, giám sát, cải tiến, vận hành & khai thác phần mềm CRM;

- (vi) Triển khai và quản lý chương trình khách hàng thân thiết cho toàn ngân hàng và các công ty thành viên.

❖ **Khối Pháp Chế và Tuân thủ**

Khối Pháp chế và Tuân thủ thực hiện các vấn đề pháp lý và tuân thủ trong hoạt động quản trị, điều hành, kinh doanh; quản lý công tác pháp chế và tuân thủ Tập đoàn, công tác pháp chế MB tại nước ngoài; Quản lý hệ thống văn bản nội bộ; Tổ chức công tác tuân thủ: Xây dựng, triển khai giám sát và kiểm tra tuân thủ, quản lý và định hướng hoạt động tự kiểm tra, giám sát của các đơn vị vòng 1 và/hoặc Vòng 1,5 trong MB; Triển khai công tác điều tra; quản lý công tác giải quyết khiếu nại tố cáo; giải quyết tranh chấp.

❖ **Khối Hành chính**

Khối Hành chính có nhiệm vụ là: (i) Tổ chức thực hiện, giám sát và kiểm tra công tác hành chính quản trị toàn MB (văn thư - lưu trữ - bảo mật, hậu cần- lễ tân, công tác an ninh – an toàn, chăm sóc sức khỏe cán bộ nhân viên), (ii) Quản lý các dự án sửa chữa, xây mới các trụ sở chi nhánh và các công trình phụ trợ của MB, (iii) Tổ chức thực hiện, quản lý và hướng dẫn hoạt động mua sắm vật tư, trang thiết bị của ngân hàng.

❖ **Khối Dữ liệu**

Khối Dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau: (i) thiết lập, triển khai, giám sát thực thi chiến lược dữ liệu cho toàn hàng, (ii) triển khai hoạt động khai phá dữ liệu, phân tích chuyên sâu tạo giá trị kinh doanh từ dữ liệu, (iii) quản lý và vận hành các hoạt động quản trị dữ liệu, (iv) xây dựng và cung cấp báo cáo, dịch vụ dữ liệu toàn hàng, (v) xây dựng, quản lý kiến trúc dữ liệu toàn hàng, (vi) triển khai các hoạt động quản trị dữ liệu chung Tập đoàn.

4.10. Các cơ quan hỗ trợ kinh doanh

❖ **Khối Công nghệ thông tin**

Khối Công nghệ thông tin thực hiện các nhiệm vụ chính bao gồm: xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển CNTT phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quân đội; quản lý và vận hành toàn bộ hạ tầng CNTT của MB đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh. Quản lý trực tiếp CNTT của MB và các CTTV.

❖ **Khối Vận hành**

Khối Vận hành thực hiện: xây dựng chiến lược, chính sách, quy định, tiêu chuẩn và kế hoạch hoạt động vận hành trên toàn hệ thống; tổ chức triển khai và quản lý toàn bộ hoạt động nghiệp vụ hỗ trợ và vận hành tại MB.

❖ **Khối Thẩm định**

Khối Thẩm định có chức năng thực hiện nhiệm vụ chính sau: tổ chức, triển khai và quản lý hoạt động thẩm định, quản lý công tác định giá tài sản bảo đảm trong toàn MB đảm bảo hiệu quả, chuyên nghiệp và kiểm soát tốt rủi ro.

❖ **Trung tâm phê duyệt tín dụng**



Trung tâm phê duyệt tín dụng là cơ quan tổ chức, triển khai và quản lý hoạt động phê duyệt tín dụng đảm bảo đảm bảo chất lượng, tiến độ phê duyệt và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.

4.11. Các Khối kinh doanh

❖ Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ

Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ thực hiện các nhiệm vụ chính sau: Kinh doanh vốn, ngoại tệ và các dịch vụ sản phẩm phái sinh trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường hàng hóa. Điều hành, quản lý tập trung nguồn vốn, thực thi các giải pháp quản lý tài sản nợ-có theo quyết nghị Alco, quản lý trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống nhằm tập trung quản trị rủi ro lãi suất, tỷ giá, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và gia tăng lợi nhuận cho MB. Thiết lập, phát triển quan hệ giao dịch và cung cấp sản phẩm dịch vụ của MB với các tổ chức tín dụng, tài chính trong và ngoài nước.

❖ Khối Khách hàng lớn

Khối Khách hàng lớn cung cấp trọn gói các giải pháp tài chính cho nhóm doanh nghiệp vừa và lớn đảm bảo phương châm tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, tạo sự khác biệt, bền vững và kiểm soát tối đa rủi ro.

❖ Khối Khách hàng vừa và nhỏ

Khối Khách hàng vừa và nhỏ cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính ngân hàng chuyên biệt cho tới từng khách hàng vừa và nhỏ rộng khắp trên địa bàn cả nước.

❖ Khối Khách hàng cá nhân

Khối Khách hàng cá nhân có nhiệm vụ chính như sau: Phục vụ các nhu cầu vay vốn, gửi tiết kiệm và phát triển, cung cấp trọn gói dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân bao gồm: Thanh toán, Dịch vụ thẻ, Kiều hối, Bancas, Private banking, mobile và internet banking,...

❖ Ban Khách hàng chiến lược

Ban Khách hàng chiến lược thực hiện tổ chức, triển khai hoạt động kinh doanh, thanh toán quốc tế phục vụ khách hàng khu vực công.

❖ Khối Ngân hàng số

Khối Ngân hàng số chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, triển khai phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số và tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh ngân hàng số toàn hệ thống MB.

4.12. Chi nhánh và các phòng giao dịch

Chi nhánh và các phòng giao dịch là đơn vị trực tiếp cung cấp trọn gói các giải pháp và sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, theo từng địa bàn trên cơ sở chính sách và chiến lược của MB.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành,

những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

5.1. Danh sách Công ty mẹ của MB, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với MB trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán

Không có.

5.2. Danh sách Công ty con của MB, những công ty mà MB nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán

| STT | Danh sách công ty con | Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2022 | Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2023 | Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/03/2024 |
|-----|--|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần chứng khoán MB ("MBS") | 79,73% | 79,73% | 79,73% |
| 2 | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ("MBCapital") | 90,77% | 90,77% | 90,77% |
| 3 | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (MIC) | 68,37% | 68,37% | 68,37% |
| 4 | Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MBAL) | 61,00% | 61,00% | 61,00% |
| 5 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC) | 100,00% | 100,00% | 100,00% |
| 6 | Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MCredit) | 50,00% | 50,00% | 50,00% |
| 7 | Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia (MBCambodia) | - | 100,00% | 100,00% |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

❖ Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 Tên tiếng anh : MB Securities Joint Stock Company
 Tên viết tắt : MBS

| | |
|---|--|
| Ngày thành lập | : 09/12/2013 |
| Giấy phép hoạt động | : Giấy phép số 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 9/12/2013 và Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 112/GPĐC-UBCK ngày 18/11/2022 |
| Vốn điều lệ tại ngày 31/03/2024 | : 4.376,70 tỷ đồng |
| Tỷ lệ sở hữu của MB tại Công ty này tại ngày 31/03/2024 | : 79,73% |
| Hoạt động kinh doanh chính | <ul style="list-style-type: none">- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoánChi tiết: Môi giới chứng khoán và Môi giới chứng khoán phái sinh.- Hoạt động dịch vụ tài chính khác: tự doanh chứng khoán và tự doanh chứng khoán phái sinh.- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, lưu ký chứng khoán, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán, giao dịch chứng khoán trực tiếp, ứng trước tiền bán chứng khoán, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh. |

❖ Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital)

| | |
|---|--|
| Tên đầy đủ | : Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB |
| Tên tiếng anh | : MB Capital Management Joint Stock Company |
| Tên viết tắt | : MB Capital |
| Ngày thành lập | : 15/11/2007 |
| Giấy phép hoạt động | : Giấy phép số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp ngày 15/11/2007 |
| Vốn điều lệ tại ngày 31/03/2024 | : 356,17 tỷ đồng |
| Tỷ lệ sở hữu của MB Công ty này tại ngày 31/03/2024 | : 90,77% |
| Hoạt động kinh doanh chính | : Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư |

❖ Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội

Tên đầy đủ : Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội

Tên tiếng anh : Military Bank Assets Management Company Limited

Tên viết tắt : MBAMC CO., LTD

Ngày thành lập : 11/09/2002

Giấy phép hoạt động : ĐKKD số 0105281799 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/9/2002

Vốn điều lệ tại ngày 31/03/2024 : 665,86 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của MB : 100%
tại Công ty này tại ngày 31/03/2024

Hoạt động kinh doanh : Quản lý nợ và khai thác tài sản chính

❖ Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei

Tên đầy đủ : Công ty tài chính TNHH MB Shinsei

Tên tiếng anh : MB Shinsei Finance Limited Liability Company

Tên viết tắt : MS FINANCE

Ngày thành lập : 10/03/2016

Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 58/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 21/9/2017.

Vốn điều lệ tại ngày 31/03/2024 : 1.600 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu của MB : 50%
tại Công ty này tại ngày 31/03/2024

Hoạt động kinh doanh : Tài chính tiêu dùng chính

❖ Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Tên đầy đủ : Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Tên tiếng anh : Military Insurance Corporation

Tên viết tắt : MIC

Ngày thành lập : 8/10/2007

Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 43 GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp lần đầu ngày 8/10/2007

Vốn điều lệ tại ngày : 1.726,72 tỷ đồng
31/03/2024

Tỷ lệ sở hữu của MB tại : 68,37%
Công ty này tại ngày
31/03/2024

Hoạt động kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ
chính

❖ **Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas**

Tên đầy đủ : Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas

Tên tiếng anh : MB Ageas Life Insurance Company Limited

Tên viết tắt : MB Ageas Life

Ngày thành lập : 21/07/2016

Giấy phép hoạt động : Giấy phép số 74/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 21/07/2016

Vốn điều lệ tại ngày : 1.500 tỷ đồng
31/03/2024

Tỷ lệ sở hữu của MB tại : 61%
Công ty này tại ngày
31/03/2024

Hoạt động kinh doanh :
chính
Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính

❖ **Ngân hàng đại chúng TNHH MB Cambodia**

Tên đầy đủ : Ngân hàng đại chúng TNHH MB Campuchia

Tên tiếng anh : MB Bank (Cambodia) Plc

Tên viết tắt : MB Cambodia

Ngày thành lập : 02/01/2023

Giấy phép hoạt động : Số MOC-00021616 do Bộ Thương mại Campuchia cấp ngày 02/01/2023

Vốn điều lệ tại ngày : 76.552.197 USD
31/03/2024

Tỷ lệ sở hữu của MB tại : 100%
Công ty này tại ngày
31/03/2024



Hoạt động kinh doanh : Ngân hàng thương mại

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Giai đoạn từ năm 1994 đến năm 2005:

- Ngân hàng TMCP Quân đội đã tăng vốn từ mức 20 tỷ đồng lên mức 450 tỷ đồng.
Cụ thể như sau:

| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng) | Vốn tăng (triệu đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng) | Số lượng CP tăng (cổ phần) (mệnh giá 10.000 VNĐ) |
|-----------------------|--|--------------------------|--|--|
| Năm 1994 | | 20.000 | 20.000 | 2.000.000 |
| Năm 1995 | 20.000 | 30.158 | 50.158 | 3.015.800 |
| Năm 1996 | 50.158 | 18.140 | 68.298 | 1.814.000 |
| Năm 1997 | 68.298 | 31.702 | 100.000 | 3.170.200 |
| Năm 1998 | 100.000 | 25.592 | 125.592 | 2.559.200 |
| Năm 1999 | 125.592 | 20.048 | 145.640 | 2.004.800 |
| Năm 2000 | 145.640 | 25.279 | 170.919 | 2.527.900 |
| Năm 2001 | 170.919 | 38.132 | 209.051 | 3.813.200 |
| Năm 2002 | 209.051 | 20.000 | 229.051 | 2.000.000 |
| Năm 2003 | 229.051 | 50.949 | 280.000 | 5.094.900 |
| Năm 2004 | 280.000 | 70.000 | 350.000 | 7.000.000 |
| Năm 2005 | 350.000 | 100.000 | 450.000 | 10.000.000 |

- Tuy nhiên, do thời gian lưu trữ hồ sơ đã lâu nên hiện MB chưa tập hợp được đầy đủ toàn bộ thông tin chi tiết về các đợt tăng vốn điều lệ kể từ ngày thành lập tới năm 2005.

Giai đoạn từ năm 2006 đến nay:

Ngân hàng TMCP Quân Đội đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ với chi tiết các đợt tăng vốn như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của MB

| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng) | Vốn tăng (triệu đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng) | Số lượng CP tăng (cổ phần) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị chấp thuận | Ý kiến của đơn vị kiểm toán |
|--------------------|---|-----------------------|---------------------------------------|----------------------------|--|--|-----------------------------|
| Năm 2006 | 450.000 | 595.200 | 1.045.200 | 59.520.000 | Đợt 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cổ phiếu thường. Đợt 2: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | Đại hội đồng cổ đông; Ngân hàng Nhà nước; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội | |
| Năm 2007 | 1.045.200 | 954.800 | 2.000.000 | 95.480.000 | Đợt 1: Phát hành cổ phiếu dành cho cổ đông hiện hữu Đợt 2: Phát hành cổ phiếu dành cho cổ đông hiện hữu. | | |
| Năm 2008 | 2.000.000 | 1.400.000 | 3.400.000 | 140.000.000 | Đợt 1: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức Đợt 2: Phát hành cổ phiếu từ chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi năm 2006 Đợt 3: Phát hành cho CĐHH, CBCNV và CĐ chiến lược | | |
| Năm 2009 | 3.400.000 | 1.900.000 | 5.300.000 | 190.000.000 | Đợt 1: Phát hành cổ phiếu từ chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đợt 1 năm 2007 | | |

| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng) | Vốn tăng (triệu đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng) | Số lượng CP tăng (cổ phần) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị chấp thuận | Ý kiến của đơn vị kiểm toán |
|--------------------|---|-----------------------|---------------------------------------|----------------------------|---|-------------------|-----------------------------|
| Năm 2010 | 5.300.000 | 2.000.000 | 7.300.000 | 200.000.000 | Đợt 2: Phát hành cổ phiếu từ chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đợt 1 năm 2007 Đợt 3: Phát hành cho CĐHH, CBCNV và CĐ chiến lược | | |
| Năm 2012 | 7.300.000 | 2.700.000 | 10.000.000 | 270.000.000 | Đợt 1: Phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và CĐ chiến lược | | |
| Năm 2013 | 10.000.000 | 625.000 | 10.625.000 | 62.500.000 | Đợt 2: Phát hành cổ phiếu thường | | |
| Năm 2014 | 11.256.250 | 337.688 | 11.593.938 | 33.768.750 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | | |
| Năm 2015 | 11.941.756 | 347.818 | 12.289.574 | 34.781.812 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho cán bộ nhân viên | | |
| | | 152.182 | 12.441.756 | 15.218.188 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | |
| | | | | | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | |
| | | | | | Phát hành cho cán bộ nhân viên | | |

| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng) | Vốn tăng (triệu đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng) | Số lượng CP tăng (cổ phần) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị chấp thuận | Ý kiến của đơn vị kiểm toán |
|--------------------|---|-----------------------|---------------------------------------|----------------------------|--|-------------------|-----------------------------|
| Năm 2016 | 12.093.938 | 3.906.063 | 16.000.000 | 390.606.250 | Phát hành riêng lẻ | | |
| | 16.000.000 | 311.818 | 16.311.818 | 31.181.818 | Sáp nhập Công ty tài chính Sông Đà | | |
| Năm 2017 | 16.311.818 | 815.591 | 17.127.409 | 81.559.091 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | |
| | 17.127.409 | 856.370 | 17.983.780 | 85.637.045 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | |
| Năm 2018 | 17.983.780 | 171.274 | 18.155.054 | 17.127.409 | Phát hành cho cán bộ nhân viên | | |
| | 18.155.054 | 3.449.460 | 21.604.514 | 344.946.018 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu | | |
| Năm 2019 | 21.604.514 | 1.690.719 | 23.295.233 | 169.071.872 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | |
| | 23.295.233 | 432.090 | 23.727.323 | 43.209.027 | Phát hành cho cán bộ nhân viên | | |
| Năm 2020 | 23.727.323 | 643.106 | 24.370.429 | 64.310.581 | Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp | | |
| | 24.370.429 | 3.617.140 | 27.987.569 | 361.714.011 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | |
| Năm 2021 | 27.987.569 | 9.795.649 | 37.783.218 | 979.564.905 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | |



| Thời điểm tăng vốn | Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng) | Vốn tăng (triệu đồng) | Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng) | Số lượng CP tăng (cổ phần) | Hình thức tăng vốn | Đơn vị chấp thuận | Ý kiến của đơn vị kiểm toán |
|--------------------|---|-----------------------|---------------------------------------|----------------------------|---|--------------------|-----------------------------|
| Năm 2022 | 37.783.218 | 7.556.644 | 45.339.861 | 755.664.356 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | |
| Năm 2023 | 45.339.861 | 6.800.979 | 52.140.841 | 680.097.919 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu | | |
| Năm 2024 | 52.140.841 | 730.000 | 52.870.841 | 73.000.000 | Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp | Ngân hàng nhà nước | |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Ghi chú: CẬP NHẬT ĐẾN NGÀY 02/05/2024, NHNN ĐÃ RA QUYẾT ĐỊNH SỐ 811/QĐ-NHNN NGÀY 02/05/2024 VỀ VIỆC SỬA ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI, TRONG ĐÓ VỐN ĐIỀU LỆ MỚI LÀ 52.870.840.520.000 VNĐ, SẴN KHÍ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÊM 730.000.000.000 TỶ ĐỒNG. THEO ĐÓ, MBB ĐANG HOÀN THIỆN CÁC THỦ TỤC ĐỂ THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP THEO SỐ VỐN ĐIỀU LỆ MỚI 52.870.840.520.000 VNĐ.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 31/03/2024

| TT | Cổ đông | Số lượng (người) | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|-----------|---|------------------|----------------------|---------------|
| I | Cổ đông trong nước | 117.960 | 4.003.110.901 | 76,78 |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 324 | 2.973.940.650 | 57,04 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 117.636 | 1.029.170.251 | 19,74 |
| II | Cổ đông nước ngoài | 749 | 1.210.973.151 | 23,22 |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 242 | 1.208.120.327 | 23,17 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 507 | 2.852.824 | 0,05 |
| 3 | Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 118.709 | 5.214.084.052 | 100,00 |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 31/03/2024 của MB

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

7.3. Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nội trên, tính đến thời điểm 31/03/2024, MB đang lưu hành 22.189.000 triệu đồng trái phiếu riêng lẻ theo mệnh giá. Thông tin chi tiết trái phiếu đang lưu hành tại MB cụ thể như sau:

Bảng 3: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại MB

| T T | Mã Trái phiếu | Số dư trái phiếu (trái phiếu) | Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng) | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Loại trái phiếu | Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (/năm) | Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (/năm) | K ỳ h ạ n (n ă m) |
|--------|----------------|---|---|-------------------|-----------------|--|---|---|--|
| 1 | MB.2018.10Y.01 | 1.700 | 170.000 | 16/10/2018 | 16/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn. cấp 2 | LSTFC + 1,8% | 8,20% | 10 |
| 2 | MB.2018.10Y.02 | 1.400 | 140.000 | 17/10/2018 | 17/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn. cấp 2 | 8,50% | 8,50% | 10 |
| 3 | MB.2018.10Y.03 | 250 | 25.000 | 26/10/2018 | 26/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn. cấp 2 | 8,50% | 8,50% | 10 |
| 4 | MB.2018.10Y.04 | 450 | 45.000 | 28/11/2018 | 28/11/2028 | Trái phiếu tăng | 8,50% | 8,50% | 10 |



| | | | | | | vốn cấp 2 | | | |
|----|---------------------|-------|---------|------------|------------|---------------------------|---------------------------------------|-------|----|
| 5 | MB.2018.10Y.05 | 200 | 20.000 | 28/11/2018 | 28/11/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,50% | 8,50% | 10 |
| 6 | MB.2018.7Y.01 | 400 | 40.000 | 29/11/2018 | 29/11/2025 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,40% | 8,40% | 7 |
| 7 | MB.2018.7Y.02 | 4.000 | 400.000 | 12/12/2018 | 12/12/2025 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,7% | 9,10% | 7 |
| 8 | MB.2019.10Y.01 | 600 | 60.000 | 30/09/2019 | 30/09/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,60% | 8,60% | 10 |
| 9 | MB.2019.5Y.01 | 500 | 50.000 | 11/10/2019 | 12/10/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,8% | 8,20% | 5 |
| 10 | MB.BOND.2017.10Y.01 | 5.000 | 500.000 | 07/09/2017 | 07/09/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5 năm đầu: 8,4% - 5 năm tiếp: 8,6% | 8,60% | 10 |
| 11 | MB.BOND.2017.10Y.08 | 200 | 20.000 | 10/10/2017 | 10/10/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 5 năm đầu: 8,4% - 5 năm tiếp: 8,6% | 8,60% | 10 |
| 12 | MB.BOND.2017.7Y.07 | 1.000 | 100.000 | 10/10/2017 | 10/10/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,45% | 8,45% | 7 |
| 13 | MB.BOND.2017.7Y.10 | 600 | 60.000 | 24/11/2017 | 24/11/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,45% | 8,45% | 7 |
| 14 | MB.BOND.2017.7Y.13 | 2.000 | 200.000 | 14/12/2017 | 14/12/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,73% | 9,13% | 7 |
| 15 | MB.BOND.2017.7Y.14 | 6.000 | 600.000 | 22/12/2017 | 22/12/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,73% | 9,13% | 7 |
| 16 | MB.BOND.2017.7Y.16 | 250 | 25.000 | 28/12/2017 | 28/12/2024 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,45% | 8,45% | 7 |
| 17 | MB201910Y02 | 800 | 80.000 | 04/11/2019 | 04/11/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,70% | 8,70% | 10 |

| | | | | | | | | | |
|----|-------------|--------|-----------|------------|------------|---------------------------|-------------|-------|---|
| 18 | MBBH2128002 | 10.000 | 100.000 | 31/08/2021 | 31/08/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,7% | 8,00% | 7 |
| 19 | MBBL2128001 | 17.000 | 170.000 | 31/08/2021 | 31/08/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,7% | 8,00% | 7 |
| 20 | MBBL2128004 | 12.000 | 120.000 | 10/09/2021 | 10/09/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,7% | 7,50% | 7 |
| 21 | MBBL2128005 | 24.500 | 245.000 | 20/09/2021 | 20/09/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,7% | 7,50% | 7 |
| 22 | MBBL2128008 | 20.000 | 200.000 | 05/10/2021 | 05/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,7% | 7,30% | 7 |
| 23 | MBBL2128009 | 22.000 | 220.000 | 25/10/2021 | 25/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 7,20% | 7,20% | 7 |
| 24 | MBBL2128011 | 8.000 | 80.000 | 25/10/2021 | 25/10/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,7% | 8,10% | 7 |
| 25 | MBBL2225001 | 700 | 700.000 | 05/04/2022 | 05/04/2025 | Trái phiếu trung hạn | 3,80% | 3,80% | 3 |
| 26 | MBBL2225002 | 1.000 | 1.000.000 | 07/04/2022 | 07/04/2025 | Trái phiếu trung hạn | 3,80% | 3,80% | 3 |
| 27 | MBBL2225003 | 700 | 700.000 | 12/04/2022 | 12/04/2025 | Trái phiếu trung hạn | 3,80% | 3,80% | 3 |
| 28 | MBBL2225004 | 2.000 | 2.000.000 | 15/04/2022 | 15/04/2025 | Trái phiếu trung hạn | 3,80% | 3,80% | 3 |
| 29 | MBBL2225005 | 200 | 200.000 | 18/04/2022 | 18/04/2025 | Trái phiếu trung hạn | 3,80% | 3,80% | 3 |
| 30 | MBBL2225011 | 1.300 | 1.300.000 | 24/05/2022 | 24/05/2025 | Trái phiếu trung hạn | 4,10% | 4,10% | 3 |
| 31 | MBBL2225013 | 2.500 | 2.500.000 | 03/06/2022 | 03/06/2025 | Trái phiếu trung hạn | 4,00% | 4,00% | 3 |
| 32 | MBBL2225017 | 3.000 | 3.000.000 | 26/07/2022 | 26/07/2025 | Trái phiếu trung hạn | 4,80% | 4,80% | 3 |

| | | | | | | | | | |
|----|-------------|---------|-----------|------------|------------|---------------------------|-------------|-------|---|
| 33 | MBBL2225019 | 500 | 500.000 | 24/08/2022 | 24/08/2025 | Trái phiếu trung hạn | 5,20% | 5,20% | 3 |
| 34 | MBBL2227006 | 36.000 | 360.000 | 29/04/2022 | 30/04/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,5% | 8,70% | 5 |
| 35 | MBBL2227007 | 5.000 | 50.000 | 06/05/2022 | 07/05/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,5% | 8,70% | 5 |
| 36 | MBBL2227008 | 4.000 | 40.000 | 09/05/2022 | 10/05/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,3% | 8,70% | 5 |
| 37 | MBBL2227015 | 5.000 | 50.000 | 15/06/2022 | 16/06/2027 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,4% | 8,20% | 5 |
| 38 | MBBL2229009 | 10.000 | 100.000 | 12/05/2022 | 12/05/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 6,83% | 8,50% | 7 |
| 39 | MBBL2229010 | 101.000 | 1.010.000 | 13/05/2022 | 13/05/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 6,83% | 8,50% | 7 |
| 40 | MBBL2229012 | 10.000 | 100.000 | 02/06/2022 | 02/06/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,3% | 8,50% | 7 |
| 41 | MBBL2229014 | 3.000 | 30.000 | 10/06/2022 | 10/06/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,3% | 8,10% | 7 |
| 42 | MBBL2229016 | 5.000 | 50.000 | 15/06/2022 | 15/06/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 7,05% | 7,05% | 7 |
| 43 | MBBL2229018 | 3.000 | 30.000 | 28/07/2022 | 28/07/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 7,05% | 7,60% | 7 |
| 44 | MBBL2229020 | 10.000 | 100.000 | 16/09/2022 | 16/09/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + 1,5% | 7,30% | 7 |
| 45 | MBBL2229021 | 200 | 200.000 | 30/12/2022 | 30/12/2029 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 8,80% | 8,80% | 7 |
| 46 | MBBL2330001 | 100 | 100.000 | 22/09/2023 | 22/09/2030 | Trái phiếu tăng | 7,50% | 7,50% | 7 |

| | | | | | | vốn cấp 2 | | | |
|----|-------------|-------|-----------|------------|------------|---------------------------|---|-------|---|
| 47 | MBBL2330002 | 200 | 200.000 | 29/09/2023 | 29/09/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | 7,50% | 7,50% | 7 |
| 48 | MBBL2330003 | 50 | 50.000 | 03/10/2023 | 03/10/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(1,5%) | 7,00% | 7 |
| 49 | MBBL2330004 | 100 | 500.000 | 13/10/2023 | 13/10/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%) | 7,30% | 7 |
| 50 | MBBL2330005 | 1.000 | 1.000.000 | 25/10/2023 | 25/10/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%) | 7,05% | 7 |
| 51 | MBBL2330006 | 500 | 500.000 | 17/11/2023 | 17/11/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,7%, 2 năm cuối 2,2%) | 6,93% | 7 |
| 52 | MBBL2330007 | 400 | 400.000 | 07/12/2023 | 07/12/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,7%, 2 năm cuối 2,2%) | 6,88% | 7 |
| 53 | MBBL2328008 | 50 | 50.000 | 12/12/2023 | 13/12/2028 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(1,5%) | 6,68% | 5 |
| 54 | MBBL2330009 | 200 | 200.000 | 18/12/2023 | 18/12/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%) | 6,98% | 7 |
| 55 | MBBL2330010 | 100 | 100.000 | 28/12/2023 | 28/12/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,7%, 2 năm cuối 2,2%) | 6,65% | 7 |
| 56 | MBBL2330012 | 150 | 150.000 | 29/12/2023 | 29/12/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,2%) | 6,75% | 7 |
| 57 | MBBL2330011 | 199 | 199.000 | 29/12/2023 | 29/12/2030 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ(5 năm đầu 1,8%, 2 năm cuối 2,5%) | 6,75% | 7 |
| 58 | MBBL2431001 | 150 | 150.000 | 27/03/2024 | 27/03/2031 | Trái phiếu tăng | LSTC + Biên độ(5 năm đầu | 6,5% | 7 |

| | | | | | | vốn cấp 2 | 1,8%, 2 năm cuối (2,2%) | | |
|----|-------------|----------------|-------------------|------------|------------|---------------------------|---|------|----|
| 59 | MBBL243J002 | 100 | 100.000 | 29/03/2024 | 29/03/2031 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,5%, 2 năm cuối 2,00%) | 6,2% | 7 |
| 60 | MBBL2434003 | 800 | 800.000 | 29/03/2024 | 29/03/2034 | Trái phiếu tăng vốn cấp 2 | LSTC + Biên độ (5 năm đầu 1,8%, 5 năm cuối 2,6%) | 6,5% | 10 |
| | Tổng | 321.699 | 22.189.000 | | | | | | |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Theo Báo cáo tài chính riêng lẻ Quý I năm 2024, tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/03/2024 là: 22.182.705 triệu đồng bao gồm: giá trị trái phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá 22.189.000 triệu đồng và 6.294 triệu đồng là tiền chi phí dịch vụ tư vấn và dịch vụ lưu ký tính đến ngày 31/03/2024 chưa đến hạn phân bổ.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2024, tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/03/2024 là 23.491.880 triệu đồng (Bao gồm giá trị trái phiếu đang lưu hành của riêng MB là 22.182.705 triệu đồng, giá trị trái phiếu đang lưu hành của các công ty con tính đến ngày 31/03/2024 chưa đến hạn thanh toán là: 1.308.175 triệu đồng).

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

8.1.1. Sản phẩm và dịch vụ

MB cung cấp các hoạt động, sản phẩm dịch vụ như một loại hình của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động:

❖ Hoạt động trung gian tiền tệ khác

MB cung cấp hoạt động trung gian tiền tệ bao gồm: nhận tiền gửi; cấp tín dụng; mở tài khoản thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; tham gia đấu thầu, mua bán tín phiếu Kho bạc; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, dịch vụ môi giới tiền tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu, vay vốn của Ngân hàng Nhà nước; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; góp vốn, mua cổ phần; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; lưu ký chứng khoán; ví điện tử; cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa; mua nợ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

❖ Hoạt động dịch vụ tài chính

Hoạt động dịch vụ tài chính bao gồm các hoạt động chủ yếu: dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; tư vấn tài chính doanh nghiệp; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực

vực liên quan đến hoạt động ngân hàng; kinh doanh bảo hiểm; quản lý tài sản; kinh doanh giấy tờ có giá; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

❖ **Bán buôn kim loại và quặng kim loại**

Hoạt động bán buôn kim loại và quặng kim loại gồm các hoạt động chính là kinh doanh, mua bán vàng miếng.

❖ **Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm**

Chi tiết theo Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 100/GP-Ngân hàng Nhà nước ngày 16/10/2018.

❖ **Tỷ trọng sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu, thu nhập nhập thuần**

Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | Quý I năm 2024 | |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 52.486 | 68,65 | 69.143 | 74,19 | 16.260 | 68,89 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 14.244 | 18,63 | 13.138 | 14,10 | 3.267 | 13,84 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 4.611 | 6,03 | 6.159 | 6,61 | 2.029 | 8,60 |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 287 | 0,38 | 606 | 0,65 | 1.067 | 4,52 |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn | 1.667 | 2,18 | 635 | 0,68 | 282 | 1,20 |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 3.026 | 3,96 | 3.458 | 3,71 | 697 | 2,95 |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 132 | 0,17 | 57 | 0,06 | 2 | 0,01 |
| Tổng | 76.453 | 100 | 93.196 | 100 | 23.604 | 100 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | Quý I năm 2024 | |
|--|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 45.237 | 77,87 | 61.923 | 79,43 | 14.384 | 74,08 |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 3.543 | 6,10 | 4.981 | 6,39 | 1.177 | 6,06 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 4.604 | 7,93 | 6.151 | 7,89 | 2.027 | 10,44 |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 13 | 0,02 | 475 | 0,61 | 929 | 4,78 |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn | 1.621 | 2,79 | 575 | 0,74 | 239 | 1,23 |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 2.768 | 4,77 | 3.434 | 4,41 | 659 | 3,39 |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 304 | 0,52 | 416 | 0,53 | 1 | 0,01 |
| Tổng | 58.090 | 100 | 77.955 | 100 | 19.416 | 100 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | Quý I năm 2024 | |
|---|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập từ lãi thuần | 36.023 | 79,01 | 38.684 | 81,77 | 9.062 | 75,41 |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 4.136 | 9,07 | 4.085 | 8,64 | 945 | 7,87 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 1.704 | 3,74 | 1.210 | 2,56 | 461 | 3,84 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 141 | 0,31 | 542 | 1,15 | 965 | 8,03 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn | 1.315 | 2,88 | 300 | 0,63 | 217 | 1,81 |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 2.142 | 4,70 | 2.428 | 5,13 | 364 | 3,03 |

| | | | | | | |
|---------------------------------|---------------|------------|---------------|------------|---------------|------------|
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 132 | 0,29 | 57 | 0,12 | 2 | 0,01 |
| Tổng | 45.593 | 100 | 47.306 | 100 | 12.017 | 100 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ)

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | Quý I năm 2024 | |
|---|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần | 28.995 | 80,71 | 31.951 | 81,77 | 7.376 | 74,68 |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 1.640 | 4,57 | 2.561 | 6,55 | 656 | 6,64 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 1.714 | 4,77 | 1.217 | 3,11 | 463 | 4,69 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 13 | 0,04 | 443 | 1,13 | 929 | 9,40 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn | 1.324 | 3,69 | 252 | 0,64 | 173 | 1,75 |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 1.934 | 5,38 | 2.234 | 5,72 | 279 | 2,82 |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần | 304 | 0,85 | 416 | 1,06 | 1 | 0,01 |
| Tổng | 35.923 | 100 | 39.073 | 100 | 9.876 | 100 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

8.1.2. Huy động vốn

Bằng những chiến lược huy động vốn được xác định theo từng giai đoạn, MB xây dựng các chính sách huy động vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của MB từng thời kỳ. Chiến lược của MB ưu tiên các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi kỳ hạn ngắn có tính ổn định cao. Điều này đem lại lợi ích cho MB về chi phí huy động vốn đầu vào so với các ngân hàng đối thủ cạnh tranh. Ngoài ra, MB cũng huy động vốn ở các kỳ hạn trung hạn và dài hạn với cơ cấu phù hợp để đáp ứng nguồn vốn cho vay trung dài hạn và đảm bảo tuân thủ các hệ số, giới hạn an toàn theo quy định.

MB chú trọng tới việc huy động vốn từ dân cư, đây là một cấu phần giữ vai trò quyết định trong ổn định dòng vốn cho các hoạt động kinh doanh của MB. Với nhiều sản phẩm đa dạng và linh hoạt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của người gửi tiền, huy động vốn khách hàng cá nhân

của MB luôn có mức tăng trưởng ổn định qua từng thời kỳ. Bên cạnh đó, MB cũng đã tập trung và thành công với việc huy động từ phân khúc khách hàng cá nhân cao cấp, phục vụ tốt cho chiến lược chung. Với ưu thế của ngân hàng dẫn đầu về chuyển dịch số, MB đã ra mắt nhiều sản phẩm, tiện ích trên kênh số bao gồm tiền gửi và tiết kiệm số có thể khởi tạo ngay trên ứng dụng App MBBank (cho khách hàng cá nhân) và đang nhận được sự tin tưởng ngày càng cao từ đối tượng khách hàng này.

Bên cạnh nhóm khách hàng cá nhân, MB cũng thực hiện nhiều giải pháp để thu hút tiền gửi của các khách hàng tổ chức thông qua nền tảng số BizMB dành riêng cho khách hàng doanh nghiệp, mạng lưới bán hàng quản lý và hỗ trợ quản lý từ trực tiếp của các khối kinh doanh CIB (khối khách hàng lớn), SME (khối khách hàng vừa và nhỏ) và các định chế tài chính khác.

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, tổng giá trị huy động vốn của MB tại 31/12/2023 đạt xấp xỉ 796.615 tỷ đồng, tăng 31,17% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó tiền gửi của khách hàng năm 2023 tăng 27,94% so với năm 2022. Khả năng huy động vốn ổn định và đa dạng từ nhiều kênh đã giúp MB kiểm soát tốt rủi ro thanh khoản, đảm bảo hoạt động kinh doanh của MB.

Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của MB (hợp nhất)

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 31/03/2024 | |
|---|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước | 32 | 0,01 | 9 | 0,00 | 3.901 | 0,52 |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 65.117 | 10,72 | 99.810 | 12,53 | 82.906 | 11,03 |
| Tiền gửi của khách hàng | 443.606 | 73,04 | 567.533 | 71,24 | 558.826 | 74,35 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 2.003 | 0,33 | 2.800 | 0,35 | 3.456 | 0,46 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 96.578 | 15,90 | 126.463 | 15,88 | 102.483 | 13,64 |
| Tổng | 607.336 | 100 | 796.615 | 100 | 751.572 | 100 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của MB (riêng lẻ)

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 31/03/2024 | |
|--|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước | 32 | 0,01 | 9 | 0,00 | 3.901 | 0,53 |

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 31/03/2024 | |
|---|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác | 52.100 | 8,79 | 88.143 | 11,32 | 67.727 | 9,28 |
| Tiền gửi của khách hàng | 447.477 | 75,53 | 569.640 | 73,13 | 560.772 | 76,81 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 151 | 0,03 | 103 | 0,01 | 94 | 0,01 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 92.657 | 15,64 | 121.062 | 15,54 | 97.557 | 13,36 |
| Tổng | 592.417 | 100 | 778.957 | 100 | 730.051 | 100 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

8.1.3. Hoạt động tín dụng

❖ Tổng dư nợ cho vay

Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 31/03/2024 | |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn | 217.741 | 47,28 | 314.081 | 51,40 | 311.236 | 50,58 |
| Nợ trung hạn | 72.561 | 15,75 | 75.334 | 12,33 | 75.780 | 12,32 |
| Nợ dài hạn | 166.513 | 36,15 | 212.415 | 34,76 | 218.432 | 35,50 |
| Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước cho khách hàng tại MBS | 3.760 | 0,82 | 9.218 | 1,51 | 9.869 | 1,60 |
| Tổng dư nợ cho vay | 460.574 | 100 | 611.049 | 100 | 615.317 | 100 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 31/03/2024 | |
|---------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn | 214.049 | 49,19 | 308.193 | 53,33 | 304.964 | 52,48 |
| Nợ trung hạn | 54.629 | 12,55 | 58.423 | 10,11 | 59.520 | 10,24 |
| Nợ dài hạn | 166.513 | 38,26 | 211.247 | 36,56 | 216.580 | 37,27 |
| Tổng dư nợ cho vay | 435.191 | 100 | 577.863 | 100 | 581.064 | 100 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

MB tăng trưởng tín dụng trên cơ sở phù hợp với định hướng của Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước và các giá trị kinh doanh cốt lõi. Chiến lược kinh doanh của MB đảm bảo chất lượng hoạt động tín dụng được đặt lên hàng đầu và là cơ sở tạo nên nền tảng khách hàng ổn định, phát triển lâu dài.

❖ Chất lượng danh mục tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)

Hoạt động cho vay của MB được phát triển trên nguyên tắc chọn lọc, an toàn, hiệu quả, lấy chất lượng tín dụng làm nền tảng quyết định tăng trưởng tín dụng. MB đã hoàn thành xây dựng các mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD), ước lượng tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD), ước lượng giá trị dư nợ tại thời điểm vỡ nợ (EAD) đáp ứng tiêu chuẩn Basel 2. MB luôn coi việc tăng trưởng và phát triển quy mô dư nợ tín dụng phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng tín dụng tốt nhất, danh mục tín dụng của MB luôn được kiểm soát chặt chẽ. Việc triển khai tái thiết kế quy trình tín dụng theo hướng tập trung và tổ chức bộ máy thẩm định, phê duyệt, vận hành tập trung tại Hội sở được phân quyền rõ ràng đảm bảo nguyên tắc độc lập khách quan với bộ phận kinh doanh, có tính chuyên môn hóa cao. Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu hợp nhất đã kiểm toán tại 31/12/2023 là 1,60%, tăng 0,51% so với cuối năm 2022.

Bảng 12: Phân loại chất lượng tín dụng MB

| Chỉ tiêu | Tại 31/12/2022 | | Tại 31/12/2023 | | Tại 31/03/2024 | |
|------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ trọng (%) |
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 443.975 | 96,40 | 578.108 | 94,61 | 576.034 | 93,62 |
| Nợ cần chú ý | 7.809 | 1,70 | 13.918 | 2,28 | 14.119 | 2,29 |
| Nợ dưới tiêu chuẩn | 1.517 | 0,33 | 3.211 | 0,53 | 4.039 | 0,66 |
| Nợ nghi ngờ | 1.221 | 0,27 | 3.704 | 0,61 | 5.207 | 0,85 |
| Nợ có khả năng mất vốn | 2.293 | 0,50 | 2.890 | 0,47 | 6.048 | 0,98 |

| | | | | | | |
|--|----------------|------------|----------------|------------|----------------|------------|
| Các khoản cho vay giao dịch kỹ quỹ và ứng trước cho khách hàng tại MBS | 3.760 | 0,82 | 9.218 | 1,51 | 9.869 | 1,60 |
| Tổng dư nợ | 460.575 | 100 | 611.049 | 100 | 615.317 | 100 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 13: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại MB

| Khoản mục | Tại 31/12/2022 | Tại 31/12/2023 | Tại 31/03/2024 |
|-----------------------|----------------|----------------|----------------|
| Tổng dư nợ (tỷ đồng) | 460.575 | 611.049 | 615.317 |
| Tỷ lệ nợ xấu | 1,09% | 1,60% | 2,49% |
| Tỷ lệ nợ quá hạn | 2,79% | 3,88% | 4,78% |
| Tỷ lệ an toàn vốn CAR | 11,53% | 10,75% | 11,27% |

Nguồn: BCTC và quản trị hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và hợp nhất quý I năm 2024

❖ **Rủi ro lãi suất và tình hình trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của MB**

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Tại ngày 30/07/2021, NHNN ban hành thông thông tư 11/2021/TT-NHNN thay thế thông tư 02/2013/TT-NHNN và thông tư 09/2014/TT-NHNN. Từ năm 2021, MB đã thực hiện phân loại các khoản nợ theo các mức độ rủi ro như sau: nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn theo quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN. Các khoản nợ được phân loại là nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Nguyên tắc trích lập dự phòng rủi ro cụ thể được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Bảng 14: Tỷ lệ trích dự phòng theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN

| Nhóm | Loại | Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể |
|------|------------------------|---------------------------------|
| 1 | Nợ đủ tiêu chuẩn | 0% |
| 2 | Nợ cần chú ý | 5% |
| 3 | Nợ dưới tiêu chuẩn | 20% |
| 4 | Nợ nghi ngờ | 50% |
| 5 | Nợ có khả năng mất vốn | 100% |

MB đồng thời áp dụng các quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư 01/2020/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Thông tư 03/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020, do NHNN ban hành ngày 2 tháng 4 năm 2021, Thông tư 14/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020 do NHNN ban hành ngày 7 tháng 9 năm 2021 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh MB nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19, Thông tư 02/2023/TT-NHNN về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng gặp khó khăn do NHNN ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2023.

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Bảng 15: Tình hình trích lập dự phòng của MB

| Khoản mục | Tại 31/12/2022 (triệu đồng) | Tại 31/12/2023 (triệu đồng) | Tại 31/3/2024 (triệu đồng) |
|-------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Dự phòng chung | 3.400.915 | 4.551.746 | 4.572.754 |
| Dự phòng cụ thể | 8.574.945 | 6.917.817 | 7.671.576 |
| Tổng quỹ dự phòng | 11.975.860 | 11.469.563 | 12.244.330 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Trên nguyên tắc thận trọng cùng mục tiêu đảm bảo danh mục tín dụng lành mạnh, trong tầm kiểm soát, MB luôn thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng theo quy định của pháp luật.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

❖ Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

MB phát triển hoạt động kinh doanh trên thị trường tiền tệ với các đối tác là các định chế tài chính ngân hàng và phi ngân hàng, trong nước và quốc tế. Hiện nay, MB đang đáp ứng đầy đủ các dịch vụ về giao dịch ngoại tệ cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Các nhu cầu giao dịch ngoại tệ của khách hàng là doanh nghiệp hay tổ chức tập trung vào một số mục đích cụ thể như thanh toán quốc tế, trả nợ vay, chuyển vốn đầu tư trong ngoài nước; trong khi giao dịch ngoại tệ của khách hàng cá nhân phục vụ giao dịch kiều hối, chuyển tiền du học, du lịch hay chữa bệnh. MB đã đáp ứng nhu cầu giao dịch của khách hàng tất cả các loại ngoại tệ mạnh như đô la Mỹ, Euro, Bảng Anh, Yên Nhật, đô la HongKong, đô la Úc, đô la Canada, đô la Singapore, Franc Thụy Sĩ... thông qua đồng tiền đối ứng là đồng Việt Nam hoặc một loại ngoại tệ khác. MB tiếp tục cung cấp dịch vụ thanh toán biên mậu tại các chi nhánh Lào Cai, Móng Cái. Thông qua các chi nhánh này, các khách hàng trên toàn hệ thống của MB có giao thương với Trung Quốc đều được đáp ứng dịch vụ biên mậu.

Các sản phẩm phái sinh như hoán đổi tiền tệ (SWAP), quyền chọn ngoại tệ, giao dịch kỳ hạn và hoán đổi lãi suất đã được MB tư vấn cung cấp cho các khách hàng và sử dụng trong quản

trị rủi ro cho chính danh mục của mình.

Các sản phẩm ngoại hối được giao dịch bao gồm: mua bán ngoại tệ giao ngay; giao dịch kỳ hạn; giao dịch hoán đổi ngoại tệ; giao dịch quyền chọn giữa ngoại tệ và ngoại tệ. Tổng doanh số giao dịch tăng đều qua các năm. Cụ thể, theo báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023, kết quả từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất năm 2023 đạt 1.210 tỷ đồng.

Bảng 16: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản mục | Năm 2022 | Năm 2023 | Quý I năm 2024 |
|---|-----------|-----------|----------------|
| Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng | 3.014.578 | 3.105.170 | 1.034.036 |
| Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ | 1.596.064 | 3.053.354 | 994.742 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 4.610.642 | 6.158.524 | 2.028.778 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 1.703.960 | 1.209.825 | 461.483 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 17: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản mục | Năm 2022 | Năm 2023 | Quý I năm 2024 |
|---|-----------|-----------|----------------|
| Thu về kinh doanh ngoại tệ và vàng | 3.008.002 | 3.097.217 | 1.032.520 |
| Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ | 1.596.064 | 3.053.354 | 994.742 |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 4.604.066 | 6.150.571 | 2.027.262 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 1.713.939 | 1.216.861 | 462.812 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

❖ Thanh toán trong nước

MB cung cấp dịch vụ thanh toán trong nước thông qua mạng lưới các điểm giao dịch và hệ thống ATM, hệ thống ngân hàng điện tử và thỏa thuận thanh toán với các ngân hàng khác như Vietcombank, BIDV, Agribank... để tham gia mạng lưới thanh toán của họ. Các dịch vụ thanh toán mà ngân hàng cung cấp bao gồm:

- MB cung cấp dịch vụ chuyển tiền trong nước;
- Dịch vụ quản lý tài khoản giao dịch với việc nhận tiền gửi, quản lý, theo dõi số dư;
- Cung cấp các dịch vụ về tài khoản cho khách hàng;
- Dịch vụ trả lương qua tài khoản;

- Sản phẩm, dịch vụ liên kết ngân hàng - viễn thông (kênh liên kết Viettel, ngân hàng điện tử) như Bank plus, Bank plus CA, MB plus....

Để phục vụ khách hàng tốt nhất MB đã không ngừng cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ. MB đã thành lập Trung tâm dịch vụ thanh toán tại Hội Sở để đảm bảo cung cấp dịch vụ trong hoạt động thanh toán nhanh nhất và có hiệu quả nhất cho khách hàng trên mọi miền của đất nước. MB chú trọng rà soát, ban hành các quy trình, quy chế về nghiệp vụ bảo đảm quy trình tinh gọn, thời gian xử lý nhanh chóng; luôn hướng đến khách hàng, đồng thời cân bằng được rủi ro trong hoạt động thanh toán.

Đặc biệt, với ứng dụng được đánh giá hàng đầu trong số các ứng dụng tài chính – ngân hàng hiện nay, ứng dụng App MBBank và Biz MBBank đã tích hợp nhiều sản phẩm, dịch vụ và các tính năng hỗ trợ khách hàng tối đa như thanh toán tiền điện, tiền nước, chuyển tiền miễn phí, chuyển tiền kiều hối, mua bán ngoại tệ online... đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

❖ Thanh toán quốc tế

Hệ thống mạng lưới hơn 800 ngân hàng đại lý trên khắp thế giới đã giúp cho hoạt động thanh toán quốc tế của MB được nhanh chóng, chính xác và được các đối tác đánh giá cao. Năm 2006, MB được Citigroup tặng giải thưởng Ngân hàng thực hiện xuất sắc nghiệp vụ thanh toán quốc tế. Năm 2007, MB nhận giải thưởng “Ngân hàng thực hiện xuất sắc các giao dịch quốc tế” từ tập đoàn HSBC. Năm 2008 và năm 2009, MB được Ngân hàng Wachovia N.Y trao tặng giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ diện thanh toán thành công cao.

Các dịch vụ thanh toán quốc tế mà Ngân hàng đang cung cấp bao gồm:

- Thanh toán hàng đối hàng;
- Chuyển tiền ra nước ngoài;
- Chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam;
- Nhờ thu chứng từ theo phương thức trả ngay (D/P) hoặc trả chậm (D/A) với vai trò là ngân hàng thu tiền, ngân hàng chuyển chứng từ;
- Thư tín dụng xuất khẩu với vai trò ngân hàng thông báo, ngân hàng chiết khấu hoặc ngân hàng xác nhận;
- Thư tín dụng nhập khẩu;
- Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu;
- Phát hành bảo lãnh quốc tế; và
- Bảo lãnh Quốc tế với vai trò Ngân hàng thông báo.

8.1.5. *Hoạt động ngân hàng đại lý: Không có*

8.1.6. *Hoạt động đầu tư*

❖ Định hướng chiến lược hoạt động đầu tư

Chiến lược đầu tư của MB là chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng, tăng năng lực tài chính, đầu

tư kinh doanh trên thị trường vốn, đầu tư tăng năng lực các công ty thành viên, tăng cường hợp tác đầu tư với đối tác chiến lược, nhằm mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu, tăng hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu, phát triển cơ sở hạ tầng cho Tập đoàn (Ngân hàng TMCP Quân Đội và các công ty thành viên).

Các hoạt động đầu tư chủ yếu của MB gồm:

- Đầu tư kinh doanh trên thị trường vốn;
- Đầu tư tăng năng lực, phát triển hệ thống các Công ty thành viên; và
- Đầu tư phát triển nguồn lực, xây dựng trụ sở, nhà cửa vật kiến trúc, hệ thống hạ tầng và công nghệ cho Ngân hàng.

MB quản lý các hoạt động đầu tư tập trung tại Hội sở. Các hoạt động đầu tư kinh doanh do MB thực hiện được tiến hành phù hợp quy định của pháp luật, quy định của NHNN Việt Nam và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các công ty thành viên của MB thực hiện hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư, mua bán nợ và khai thác tài sản, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và tài chính tiêu dùng phù hợp với các quy định liên quan của từng ngành nghề.

MB nghiên cứu thực hiện các phương án M&A, tìm kiếm đối tác chiến lược nhằm nâng cao năng lực hoạt động quản trị, kinh doanh của MB và các Công ty thành viên; cải tiến mô hình bán chéo theo hướng xây dựng các cơ chế và các nền tảng công nghệ thông tin để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động bán chéo giữa MB và các Công ty thành viên nhằm khai thác tối ưu nguồn lực Tập đoàn.

❖ Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh

Đầu tư và kinh doanh trên thị trường tài chính là một hoạt động lớn của MB, bao hàm cả việc đầu tư chứng khoán nợ, chứng khoán vốn tại MB và các hoạt động đầu tư hay tự doanh chứng khoán tại các Công ty thành viên.

Danh mục chứng khoán đầu tư là tài sản trọng yếu, trong đó chủ yếu là các chứng khoán nợ (gồm các giấy tờ có giá như trái phiếu chính phủ, trái phiếu kho bạc, trái phiếu các tổ chức tín dụng, trái phiếu các tổ chức kinh tế, ... và các loại công cụ nợ khác).

Hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm hoạt động tự doanh, mua bán chứng khoán tại các đơn vị thành viên có chức năng kinh doanh chứng khoán, chủ yếu tại MBS và MBCapital. Chứng khoán kinh doanh luôn được duy trì với tỷ trọng nhỏ trên tổng vốn đầu tư toàn danh mục và được quản trị rủi ro chặt chẽ.

Bảng 18: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản mục | Tại 31/12/2022 | Tại 31/12/2023 | Tại 31/03/2024 |
|------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Chứng khoán kinh doanh | 4.107.470 | 44.251.400 | 30.566.124 |
| o Chứng khoán nợ | 4.070.884 | 44.095.180 | 30.422.705 |

| Khoản mục | Tại 31/12/2022 | Tại 31/12/2023 | Tại 31/03/2024 |
|---|--------------------|--------------------|--------------------|
| ○ Chứng khoán vốn | 36.586 | 156.220 | 143.419 |
| Chứng khoán đầu tư | 159.981.553 | 148.398.663 | 139.963.091 |
| ○ Chứng khoán sẵn sàng để bán | 154.506.192 | 143.010.711 | 134.470.046 |
| ○ Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 5.475.361 | 5.387.952 | 5.493.045 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 19: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại MB (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản mục | Tại 31/12/2022 | Tại 31/12/2023 | Tại 31/03/2024 |
|---|--------------------|--------------------|--------------------|
| Chứng khoán kinh doanh | 1.220.511 | 43.200.913 | 29.425.467 |
| ○ Chứng khoán nợ | 1.220.511 | 43.200.913 | 29.425.467 |
| ○ Chứng khoán vốn | 0 | 0 | 0 |
| Chứng khoán đầu tư | 153.935.943 | 142.695.441 | 131.858.767 |
| ○ Chứng khoán sẵn sàng để bán | 152.053.008 | 140.904.606 | 130.080.032 |
| ○ Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 1.882.935 | 1.790.835 | 1.778.735 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

MB tuân thủ đầy đủ các quy định về hạn mức và giới hạn lĩnh vực đầu tư theo quy định của NHNN và các quy định khác của pháp luật. Danh mục đầu tư được đánh giá thường xuyên và định kỳ, công tác quản trị rủi ro đầu tư và dự phòng tổn thất được quan tâm chú trọng.

❖ Hoạt động đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc, công nghệ của MB

MB dành ngân sách phù hợp cho việc phát triển hệ thống trụ sở MB tại các tỉnh, thành phố, khu đô thị trọng điểm trong cả nước, phục vụ mục tiêu mở rộng và nâng cao khả năng phục vụ khách hàng.

Tính đến 31/12/2023, MB đã đầu tư hơn 5.000 tỷ VND vào các dự án phát triển hạ tầng trụ sở. Trong kế hoạch phát triển hạ tầng những năm tiếp theo, MB đã định hướng đầu tư trụ sở cho MB tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị kinh tế trọng điểm khác. Năm 2020, MB hoàn thành đầu tư và đưa vào sử dụng trụ sở chính tại 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội với tiêu chuẩn tòa nhà văn phòng hạng A, có diện tích làm việc rộng rãi, kang trang, cơ sở vật chất làm việc và phục vụ khách hàng theo đúng tiêu chuẩn hiện đại, đa năng, hướng đến khách hàng.

Bảng 20: Một số dự án đầu tư xây dựng mới và cải tạo trụ sở văn phòng tiêu biểu

| STT | Dự án | Diện tích/Quy mô | Thời gian hoàn thành | Kế hoạch, tiến độ của dự án |
|-----|--|---|----------------------|---|
| 1 | Dự án đầu tư trụ sở MB 21 Cát Linh | Diện tích đất: 2.384 m ² | 2012 | Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào khai thác từ năm 2012 |
| 2 | Dự án cải tạo xây dựng trụ sở MB tại TP HCM – MB Sunny Tower | Diện tích đất: 1.428,3 m ² | 2015 | Đã đưa vào khai thác từ năm 2015 |
| 3 | Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bắc Ninh & Văn phòng cho thuê tại đường Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh | Diện tích đất: 5.796 m ² Xây dựng 9 tầng và 1 tầng hầm | 2014 | Đã hoàn thành xây dựng công trình, tháng 6/2015 đưa vào hoạt động |
| 4 | Dự án đầu tư, xây dựng trụ sở Chi nhánh Khánh Hòa tại Thành phố Nha Trang | Diện tích đất: 968 m ² Xây dựng 6 tầng nổi, 1 tầng hầm | 2015 | Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng tháng 11/2015 |
| 5 | Dự án đầu tư, xây dựng trụ sở Chi nhánh Hải Phòng tại đường Lê Hồng Phong, Thành phố Hải Phòng | Diện tích đất: 1.650 m ² Xây dựng 10 tầng nổi, 1 sân kỹ thuật và 1 tầng bán hầm | 2015 | Đã hoàn thành xây dựng công trình, đưa vào sử dụng tháng 05/2016 |
| 6 | Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc Ngân hàng Quân đội tại 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội | Diện tích đất: 4.950 m ² Xây dựng 25 tầng nổi, 3 tầng hầm và một tầng hầm lửng. | 2020 | Công trình cất nóc ngày 22/03/2017 và đưa vào sử dụng từ 2020 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



8.2. Tài sản

8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 21: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục | 31/12/2022 | | | 31/12/2023 | | | 31/03/2024 | | |
|--------------------------|-----------------|------------------------|-------------|-----------------|------------------------|-------------|-----------------|------------------------|-------------|
| | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/ NG | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/ NG | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/ NG |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 2.481 | 1.958 | 0,79 | 2.586 | 1.954 | 0,76 | 2.592 | 1.934 | 0,75 |
| Máy móc thiết bị | 2.990 | 1.049 | 0,35 | 3.281 | 831 | 0,25 | 3.469 | 891 | 0,26 |
| Phương tiện vận tải | 1.159 | 242 | 0,21 | 1.306 | 231 | 0,18 | 1.379 | 275 | 0,20 |
| Các TSCĐ hữu hình khác | 481 | 208 | 0,43 | 560 | 178 | 0,32 | 692 | 277 | 0,40 |
| Tổng | 7.111 | 3.458 | 0,49 | 7.733 | 3.194 | 0,41 | 8.133 | 3.378 | 0,42 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục | 31/12/2022 | | | 31/12/2023 | | | 31/03/2024 | | |
|--------------------------|-----------------|------------------------|-------------|-----------------|------------------------|-------------|-----------------|------------------------|-------------|
| | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/ NG | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/ NG | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/ NG |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 2.424 | 1.918 | 0,79 | 2.507 | 1.905 | 0,76 | 2.507 | 1.880 | 0,75 |
| Máy móc thiết bị | 2.495 | 826 | 0,33 | 2.672 | 589 | 0,22 | 2.817 | 629 | 0,22 |
| Phương tiện vận tải | 1.067 | 204 | 0,19 | 1.203 | 200 | 0,17 | 1.273 | 245 | 0,19 |
| Các TSCĐ hữu hình khác | 477 | 205 | 0,43 | 551 | 174 | 0,32 | 683 | 274 | 0,40 |
| Tổng | 6.463 | 3.153 | 0,49 | 6.934 | 2.869 | 0,41 | 7.281 | 3.029 | 0,42 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024.

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Handwritten signature

8.2.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 23: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục | 31/12/2022 | | | 31/12/2023 | | | 31/03/2024 | | |
|-------------------------------|-----------------|------------------------|-------------|-----------------|------------------------|-------------|-----------------|------------------------|-------------|
| | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/ NG | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/ NG | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/ NG |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 1.102 | 883 | 0,80 | 1.153 | 914 | 0,79 | 1.153 | 909 | 0,79 |
| Phần mềm máy vi tính | 2.440 | 721 | 0,30 | 3.020 | 738 | 0,24 | 3.196 | 750 | 0,23 |
| Tài sản cố định vô hình khác | 23 | 12 | 0,52 | 23 | 8 | 0,35 | 23 | 7 | 0,30 |
| Tổng | 3.565 | 1.616 | 0,45 | 4.196 | 1.660 | 0,40 | 4.372 | 1.666 | 0,38 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024
[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 24: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

| Danh mục | 31/12/2022 | | | 31/12/2023 | | | 31/03/2024 | | |
|-------------------------------|-----------------|------------------------|-------------|-----------------|------------------------|-------------|-----------------|------------------------|-------------|
| | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG | Nguyên giá (NG) | Giá trị còn lại (GTCL) | GTCL/NG |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 1.085 | 866 | 0,80 | 1.136 | 897 | 0,79 | 1.136 | 892 | 0,79 |
| Phần mềm máy vi tính | 1.546 | 180 | 0,12 | 1.936 | 234 | 0,12 | 2.073 | 270 | 0,13 |
| Tổng | 2.631 | 1.046 | 0,40 | 3.072 | 1.132 | 0,37 | 3.209 | 1.162 | 0,36 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

[Phần còn lại của trang này được cô ý bỏ trống]

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Tổng quan Quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro là một chuyên dịch quan trọng trong nhóm 4 chuyên dịch chiến lược của MB giai đoạn 2017-2021. MB đã hoàn thành cả 3 trụ cột của Basel II, tuân thủ theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, Thông tư 13/2018 ban hành ngày 18 tháng 05 của NHNN Việt Nam, có đánh giá độc lập của Công ty Kiểm toán Ernst & Young. MB chú trọng xây dựng hệ thống Kiểm soát nội bộ khoa học, quản trị rủi ro thông minh gắn với “mô hình, công cụ, dữ liệu” giúp tăng trưởng nhanh và kiểm soát rủi ro.

Quá trình triển khai nền tảng quản trị rủi ro được MB thực hiện thống nhất, triệt để, toàn diện, chủ động nghiên cứu, vừa làm vừa thử nghiệm, ứng dụng và tinh chỉnh nhanh vào thực tiễn kinh doanh. Basel II đã giúp MB hoàn thành được các mục tiêu tăng trưởng tín dụng trên 20% trong những năm vừa qua đồng thời đảm bảo các chỉ tiêu an toàn vốn theo quy định của NHNN, cụ thể tại 31/12/2023 tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ ~ 10,75%, tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất ~ 10,75% (so với quy định tối thiểu 8%). Tại 31/03/2024, tỷ lệ nợ xấu ở mức: 2,34% đối với riêng lẻ và 2,49% đối với hợp nhất. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đối với riêng lẻ: 76%.

8.3.2. Các chính sách quản trị rủi ro đang áp dụng

❖ Quản trị rủi ro tín dụng

Để quản trị rủi ro tín dụng một cách hiệu quả, các ngân hàng đều phải thiết lập khung quản trị rủi ro phù hợp đảm bảo nhận diện, đánh giá, đo lường, giám sát, quản lý danh mục rủi ro tín dụng đầy đủ, kịp thời. MB đã và đang thiết lập hệ thống khung quản trị rủi ro tín dụng đáp ứng được chiến lược kinh doanh tổng thể của MB, tiệm cận với thông lệ quốc tế, đảm bảo kiểm soát tốt rủi ro - cân bằng giữa rủi ro và thu nhập, cụ thể:

- (1) Khung quản trị rủi ro tín dụng được tổ chức theo mô hình “ba vòng kiểm soát” cho phép tách bạch trách nhiệm giữa các chức năng kinh doanh, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ hỗ trợ tốt nhất cho công tác phát triển kinh doanh nhưng đồng thời đảm bảo các nguyên tắc quản trị rủi ro.
- (2) Hệ thống chính sách, quy định liên quan đến hoạt động tín dụng được thiết lập đầy đủ phù hợp với định hướng của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và khẩu vị, định hướng kinh doanh của MB từng thời kỳ.
- (3) Các quy trình tín dụng được thiết kế chặt chẽ từ khâu bán hàng – thẩm định – phê duyệt – vận hành – quản lý và thu hồi nợ, mỗi bước của quy trình đều quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng đơn vị và mỗi hoạt động của một quy trình, công việc đều đảm bảo nguyên tắc “hai tay bốn mắt” – có ít nhất 1 người thực hiện và 1 người kiểm soát. Bộ máy thẩm định, phê duyệt, vận hành được tổ chức tập trung tại Hội sở và có cơ chế phân quyền rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc độc lập khách quan với bộ phận kinh doanh, có tính chuyên môn hóa cao.
- (4) Công cụ đo lường rủi ro tín dụng được chú trọng đầu tư xây dựng phù hợp với chuẩn mực quốc tế như: Hệ thống xếp hạng tín dụng (Scoring) của KHCN/KHDN/KHĐCTC dựa trên dữ liệu thống kê, dữ liệu hành vi với độ tin cậy cao và ứng dụng mô hình trong

hoạt động cấp tín dụng, quản lý, giám sát, và cảnh báo sớm rủi ro của khách hàng. Bên cạnh đó, mô hình đo lường rủi ro tín dụng theo phương pháp nâng cao (IRB) cho phân khúc KHDN và KHCN, bao gồm: mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD), Ước lượng tỷ lệ tổn thất dự kiến (LGD) và Ước lượng giá trị dư nợ tại thời điểm vỡ nợ (EAD) được hoàn thiện từng bước chuẩn hóa đo lường tổn thất ước tính của khách hàng (EL – Expected Loss) chính xác, tính toán vốn dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ đối với rủi ro tín dụng, đồng thời giúp MB thiết lập được các chính sách giá đối với khách hàng dựa trên rủi ro hiệu quả.

- (5) MB nghiên cứu phát triển các hệ thống hỗ trợ trong công tác quản lý khách hàng, quản trị rủi ro như: Hệ thống Core Banking T24 (R16); Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng – CRM; Hệ thống quản lý quy trình nghiệp vụ - BPM,

Với hệ thống khung quản trị rủi ro tín dụng nêu trên đã hỗ trợ hoạt động tín dụng của MB tăng trưởng ổn định - bền vững – an toàn – hiệu quả.

❖ Quản trị rủi ro thanh khoản

Với khung quản trị rủi ro thanh khoản chặt chẽ bao gồm 3 vòng phòng vệ, MB thực hiện quản trị rủi ro thanh khoản trong ngày, quản lý nguồn vốn huy động, quản lý dòng tiền tối thiểu và dự phòng thanh khoản sớm ít nhất 30 ngày, quản lý tài sản thanh khoản cao theo thời gian thực đồng thời đánh giá khả năng chuyển đổi sang tiền mặt, quản lý nguồn thanh khoản, quản lý rủi ro thanh khoản sản phẩm mới, thị trường mới; và quản lý rủi ro thanh khoản trong giai đoạn khủng hoảng.

Đo lường và kiểm soát rủi ro thanh khoản tại MB được thực hiện liên tục trong ngày đảm bảo tuân thủ tuyệt đối các giới hạn thanh khoản của NHNN và nội bộ từng thời kỳ. Báo cáo cảnh báo sớm về rủi ro thanh khoản đánh giá hàng ngày để có các biện pháp xử lý thiếu hụt thanh khoản tạm thời và dài hạn kịp thời (nếu có).

MB triển khai đo lường và xây dựng lộ trình đáp ứng các chỉ tiêu thanh khoản như Tỷ lệ bao phủ thanh khoản (LCR) và Tỷ lệ tài trợ ròng (NSFR) theo tiêu chuẩn Basel III, khắt khe hơn quy định của NHNN; đồng thời tối ưu các mô hình trong quản lý rủi ro thanh khoản như mô hình dự báo dòng tiền vào/dòng tiền ra, mô hình xác định các tỷ lệ hành vi của khách hàng bao gồm tỷ lệ rút trước hạn, tỷ lệ tái tục tự động tiền gửi, tỷ lệ trả nợ trước hạn và quá hạn hàng ngày của khách hàng, ... giúp đánh giá mức độ tác động đến thay đổi dòng tiền so với kỳ hạn danh nghĩa, giúp ngân hàng xác định được chính xác hơn trạng thái thanh khoản thực, đưa ra các biện pháp cân đối vốn hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí, gia tăng hiệu quả quản trị.

❖ Quản trị rủi ro hoạt động

Mặc dù MB là một trong những ngân hàng hàng đầu trong việc áp dụng các chính sách và kỹ thuật QTRR trong hoạt động, việc có thể kiểm soát đầy đủ và bảo vệ MB khỏi mọi rủi ro vẫn là một vấn đề khó khăn. Để giảm thiểu các rủi ro này, MB đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống QTRR và áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong QTRR, cụ thể:

- (1) Khung quản trị rủi ro toàn hàng được kiện toàn đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Ngân hàng (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị

trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro công nghệ, rủi ro tập trung, rủi ro gian lận...) theo các thông lệ tốt, thông lệ quốc tế của Ủy ban Basel, COSO, ISO, Chính sách quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro được văn bản hóa, tuyên ngôn cụ thể để định hướng, nhận diện đầy đủ các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của MB. Các nguyên tắc, cơ chế quản lý và thiết lập các ngưỡng, giới hạn kiểm soát các rủi ro trọng yếu được thiết lập và giám sát định kỳ đảm bảo phù hợp với khẩu vị và tình hình hoạt động kinh doanh.

(2) Vai trò giám sát cấp cao và mô hình ba vòng tuyến bảo vệ theo các nội dung quy định tại Thông tư 13 của NHNN và thông lệ của Ủy ban Basel, được MB ứng dụng toàn diện, hiệu quả trong hoạt động quản trị, kiểm soát nội bộ của ngân hàng. Trách nhiệm giữa HĐQT và Tổng Giám đốc đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá về mức độ đủ vốn và hoạt động kiểm toán nội bộ được chuẩn hóa, đảm bảo vai trò độc lập, một cá nhân/đơn vị không đồng thời tham gia vào chức năng “điều hành” và chức năng “quản trị”.

(3) MB luôn đề cao và kiên định xây dựng văn hóa quản trị rủi ro. Tại MB, từng cán bộ nhân viên đều ý thức được trách nhiệm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, giảm thiểu và báo cáo rủi ro của bản thân, từ đó xem xét, cân nhắc các yếu tố rủi ro trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, việc cảnh báo rủi ro và chữa sề, truyền thông bài học kinh nghiệm từ các rủi ro đã xảy ra được MB thực hiện thường xuyên, liên tục, giúp các cán bộ nhân viên nâng cao ý thức tuân thủ các quy định pháp luật, quy định/quy trình nội bộ.

8.3.3. Đánh giá tình hình thực hiện quản trị rủi ro tại MB

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tác động đến mọi mặt của đời sống, kinh tế, xã hội; MB đã nhanh chóng tổ chức quản trị kinh doanh liên tục, quản trị rủi ro công nghệ của ngân hàng trong thời kì Covid-19 nhằm bảo đảm tính liên tục trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ tới khách hàng, giảm thiểu sự ảnh hưởng của dịch bệnh gây gián đoạn hoạt động kinh doanh, giảm thiểu tổn thất tài chính, giữ vững thương hiệu và hình ảnh của Ngân hàng. MB đã có những bước phát triển về chuyển đổi số trong năm 2021, áp dụng các công nghệ mới, các phương pháp làm việc mới (Agile, Scrum, DevOps), cùng với đó là áp dụng các chuẩn mực quốc tế tốt nhất để quản trị loại rủi ro tại mạng này: như tiêu chuẩn COBIT, ITIL, tiêu chuẩn ISO 27001, ..., phục vụ kinh doanh và kiểm soát rủi ro. MB cũng triển khai hợp tác với đối tác chiến lược IBM để thực hiện dự án chuyển đổi toàn diện Công nghệ thông tin, nhằm nâng cao năng lực phục vụ, đảm bảo hoạt động ổn định, chính xác, an toàn hệ thống và hiệu quả về nguồn lực đầu tư. Song song với việc kiện toàn khung quản trị rủi ro tại ngân hàng, MB cũng đã cơ bản hoàn tất việc thiết lập nền tảng quản trị rủi ro tại các Công ty thành viên. Sự kết nối chặt chẽ giữa quản trị rủi ro của ngân hàng với quản trị rủi ro của các Công ty thành viên đảm bảo chiến lược, chính sách về rủi ro được triển khai xuyên suốt, phù hợp và thống nhất trong toàn tập đoàn, an toàn, hiệu quả.

8.4. Thị trường hoạt động

❖ **Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Ngân hàng TMCP Quân Đội**

Tính đến ngày 30/04/2024, MB có 1 Hội sở chính, 110 chi nhánh bao gồm 1 chi nhánh tại Lào, 210 phòng giao dịch và 1 văn phòng đại diện tại Nga được cấp phép hoạt động. Hệ

thông mạng lưới rộng khắp giúp MB có thể tiếp cận và cung cấp các dịch vụ tài chính của mình nhanh và thuận tiện cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau.

Theo định hướng chiến lược, mạng lưới của MB sẽ được phát triển theo hướng chọn lọc, kết hợp hài hòa giữa kênh số và kênh vật lý. Trong đó, kênh vật lý sẽ tập trung tập trung ở các khu vực kinh tế trọng điểm, các thành phố lớn và phục vụ khách hàng truyền thống, các kênh ngân hàng số, Internet banking, Mobile banking, ... tiếp tục được đẩy mạnh để tăng khả năng tiếp cận, cung cấp nhiều tiện ích giúp cho các khách hàng có thể giao dịch mọi lúc mọi nơi.

❖ **Mạng lưới của Công ty thành viên**

- Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS): gồm 1 Trụ sở chính tại Hà Nội, 02 chi nhánh tại Hà Nội, 01 chi nhánh tại Hải Phòng, 03 chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh;
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MBCapital): Trụ sở chính tại Hà Nội; 01 văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBAMC): Trụ sở chính tại Hà Nội, 04 chi nhánh tại: Hồ Chí Minh, Miền Trung và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ;
- Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC): Trụ sở chính tại Hà Nội; 70 Công ty trực thuộc trên cả nước;
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas: một trụ sở chính tại Hà Nội và 7 văn phòng đại diện tại Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng, Nghệ An, Khánh Hòa, TP.HCM và Cần Thơ;
- Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei: Trụ sở chính tại Phnom Penh; và 2 Chi nhánh: Oû Russie và Norodom;
- Ngân hàng Đại chúng TNHH MB Campuchia: Trụ sở chính tại Phnom Penh.

❖ **Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng**

Khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức

Các khách hàng quan trọng như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Nhóm dự án năng lượng điện của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia, Ban Quản lý dự án điện Miền Bắc/Miền Trung, Tập đoàn Công nghiệp Than & Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội. Bên cạnh đó, MB còn là ngân hàng tiên phong trong cấp tín dụng cho các dự án điện gió và điện mặt trời cung cấp một nguồn tài chính mạnh mẽ giúp các Doanh nghiệp tạo ra nguồn điện năng lượng tái tạo, góp phần gia tăng nguồn năng lượng sạch đáp ứng nhu cầu tăng trưởng bền vững quốc gia.

Trong chiến lược kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt, ngoài mảng khách hàng lớn (CIB), MB đã và đang triển khai tích cực chiến lược khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) nhằm khai thác thế mạnh, tiềm lực kinh tế to lớn cũng như đạt được mục tiêu phân tán rủi ro khi phát triển tín dụng của MB. MB đã cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tiện ích cho nhóm khách hàng này, tài trợ vốn lưu động cho các khách hàng với mạng lưới

kinh doanh rộng khắp cả nước thuộc lĩnh vực viễn thông, phân phối, lương thực, thực phẩm, hàng gia dụng, hàng tiêu dùng thiết yếu.

Để có thể tài trợ tín dụng tốt nhất cho khách hàng, MB đã thiết lập một hệ thống các sản phẩm dịch vụ tiện ích, hỗ trợ tích cực. Cụ thể:

- Tài trợ dự án các ngành năng lượng, dầu khí, cảng biển, tài trợ dự án ngành nhựa, điều;
- Tài trợ vốn lưu động cho các KH theo chuỗi ngành thực phẩm đồ uống, điện, viễn thông, xăng dầu, hàng không, hóa chất;
- Tài trợ vốn cho nhóm khách hàng FDI trong lĩnh vực sản xuất, phân phối;
- Tập trung phát triển các sản phẩm cho phân khúc khách hàng nhỏ và siêu nhỏ: cho vay Vốn lưu động siêu tốc dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ, cho vay vốn kinh doanh trả góp, cho vay ô tô mới và ô tô cũ, ô tô kinh doanh vận tải;
- Đẩy mạnh các sản phẩm góp phần thực hiện 02 năng lực cốt lõi của MB: Trở thành ngân hàng số 1 phục vụ Khách hàng quân đội (KHQĐ); Cho vay xây lắp KHQĐ, bảo lãnh KHQĐ; Liên kết với Viettel: Gói sản phẩm cho doanh nghiệp cung ứng đầu vào cho VTG, Bankplus CA;
- Đa dạng hóa kênh cung cấp các sản phẩm Tài trợ thương mại thông qua việc mở rộng kênh. Cải tiến các sản phẩm tài trợ thương mại: Chiết khấu Bộ chứng từ xuất khẩu, LC tài trợ trước giao hàng, hạn mức LC vốn tự có;
- Cho vay theo hạn mức thấu chi;
- Bao thanh toán trong nước;

Khách hàng là cá nhân

Để đáp ứng tốt nhất các nhu cầu đa dạng của khách hàng cá nhân, MB đã xây dựng và không ngừng hoàn thiện một hệ thống sản phẩm tín dụng, dịch vụ linh hoạt, thuận lợi và tiện ích phục vụ các khách hàng cá nhân:

- Cho vay mua, xây dựng và sửa chữa nhà đất;
- Cho vay mua nhà chung cư, đất dự án;
- Cho vay sản xuất kinh doanh;
- Cho vay mua xe trả góp phục vụ mục đích tiêu dùng;
- Cho vay mua xe trả góp phục vụ mục đích kinh doanh;
- Cho vay tín chấp cho mọi đối tượng khách hàng cá nhân;
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá: bổ sung hình thức cho vay cầm cố sổ dư tài khoản TKS trên eMB;
- Cho vay du học, xuất khẩu lao động;
- Cho vay chứng khoán;



- Cho vay hạn mức thấu chi.

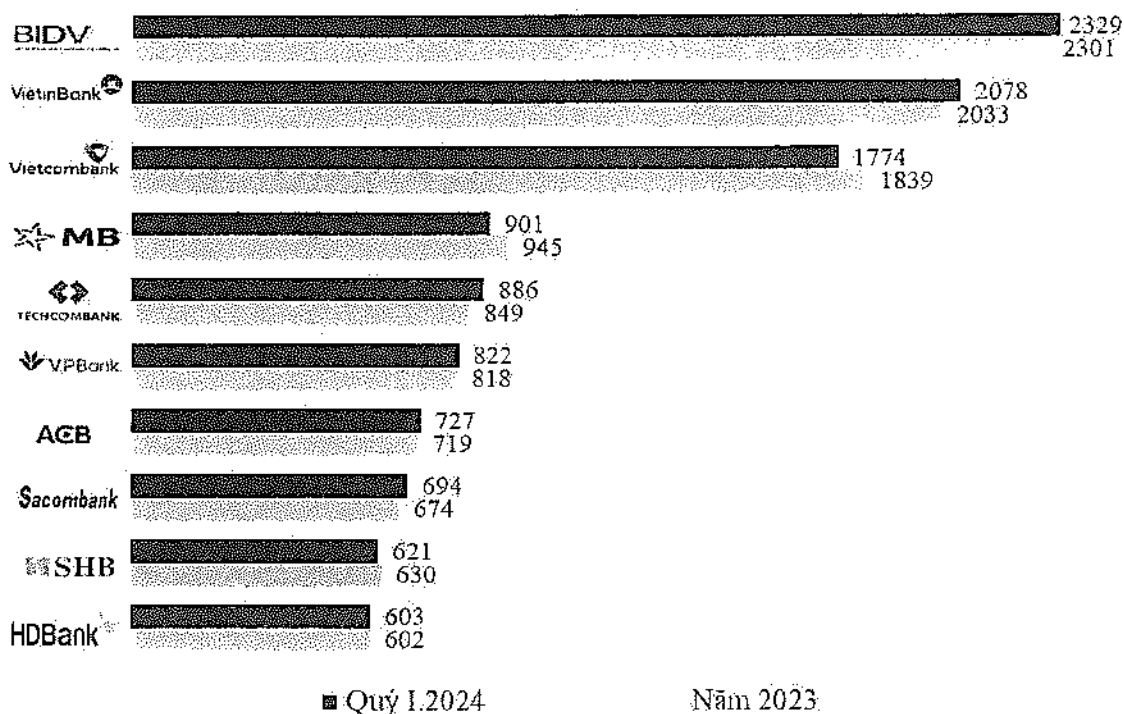
Đối tượng khách hàng cá nhân được phân khúc và đánh giá là phù hợp với chiến lược phát triển của MB. Việc cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân được xem xét trên nguyên tắc thận trọng, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ khi cho vay và khách hàng phải đáp ứng đủ điều kiện về tài chính, kinh nghiệm kinh doanh, tư cách đạo đức theo quy định của MB.

❖ Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

MB là một trong số những ngân hàng dẫn đầu ngành về quy mô tài sản. Tính tới thời điểm 31/03/2024, MB đứng thứ 4 trên toàn hệ thống ngân hàng về quy mô tài sản với tổng giá trị tài sản đạt gần 901 nghìn tỷ đồng và là ngân hàng tư nhân có quy mô tài sản lớn nhất hệ thống.

Chi tiết thông tin 10 ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất Quý I 2024 như sau:

Hình 3: 10 ngân hàng có tổng tài sản lớn nhất Quý I 2024



Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất năm 2023 và Quý I năm 2024 của các ngân hàng

Theo số liệu hợp nhất quý I năm 2024, MB đứng Top 4 về quy mô tổng tài sản. Cụ thể, tổng tài sản của MB đạt 901 nghìn tỷ đồng - đứng thứ 4, Du nợ cho vay đạt 615 nghìn tỷ đồng - đứng thứ 4, Lợi nhuận trước thuế đạt ~5,8 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, tỷ lệ CASA tiếp tục duy trì tốt, ~36,6% đứng thứ hai toàn hệ thống, tạo nên lợi thế chi phí giá vốn rẻ. Về hiệu quả hoạt động, ROE đạt 18,7% và ROA đạt 2,0%, nằm ở mức cao trong nhóm các ngân hàng lớn nhất.

❖ Thị phần và khả năng cạnh tranh

| Chỉ tiêu (hợp nhất tại ngày 31/12/2023) | Toàn ngành | | MB | | Thị phần (%) |
|---|-------------------|------------------------|-------------------|------------------------|--------------|
| | Giá trị (tỷ đồng) | Tốc độ tăng trưởng (%) | Giá trị (tỷ đồng) | Tốc độ tăng trưởng (%) | |
| Tổng tài sản | 20.073.281 | 9,83 | 944.954 | 29,71 | 4,71 |
| Dư nợ cho vay | 13.568.978 | 13,78 | 611.049(*) | 32,67 | 4,50 |

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 của MB

(*) Số liệu theo khoản mục cho vay khách hàng trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2023

Tại 31/12/2023, thị phần của MB về tổng tài sản, dư nợ cho vay so với toàn hệ thống ngân hàng lần lượt là 4,71% và 4,50%. Về tốc độ tăng trưởng so với năm 2022, MB cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao hơn so với toàn ngành ở các chỉ tiêu liệt kê trên.

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

❖ Sáng kiến bán hàng thông minh và thấu hiểu khách hàng:

Áp dụng công nghệ mới bao gồm AI (trí tuệ nhân tạo), BigData, Robotic quy trình tự động hóa cung cấp dịch vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống, số lượng dự án tự động hóa triển khai gấp 1,5 lần năm 2022.

❖ Sáng kiến vận hành thông minh:

Với việc triển khai 2 dự án Tái thiết kế quy trình (BPR) và Tự động hóa quy trình bằng robot (RPA), MB đã gia tăng đáng kể tốc độ xử lý giao dịch cho khách hàng cũng như quy trình nội bộ, tối ưu hóa nguồn lực, giải phóng thêm 70 FTEs trong năm 2021.

❖ Sáng kiến quản trị tài chính và dữ liệu thông minh:

MB nâng cao chất lượng dữ liệu khách hàng và làm chủ dữ liệu bằng việc đầu tư xây dựng các hệ thống Quản trị dữ liệu hiện đại như ODS, meta data, tối ưu hóa DWH; hoàn chỉnh các khung chính sách về Quản trị dữ liệu cũng như các công cụ đo lường chất lượng dữ liệu. Triển khai dự án Quản lý lợi nhuận đa chiều (MPA) giúp phân tích chính xác hiệu quả hoạt động theo đơn vị kinh doanh, khách hàng, sản phẩm, kênh phân phối, là cơ sở để MB quản trị tốt chi phí và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

❖ Sáng kiến quản trị rủi ro thông minh:

Với dự án PD, MB đã hoàn thành xây dựng các mô hình PD, LGD, EAD đáp ứng Basel II và ứng dụng sâu rộng kết quả mô hình vào hoạt động kinh doanh. Triển khai Dự án ICAAP giúp MB nhận diện và quản trị được 100% các rủi ro trọng yếu trên hệ thống phần mềm, từ

đó tối ưu hoá phân bổ vốn, định giá dựa trên rủi ro.

❖ **Sáng kiến hạ tầng công nghệ thông tin linh hoạt:**

Để tham gia vào công cuộc chuyển dịch số, MB đã trang bị cho mình một nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, linh hoạt với việc triển khai nhóm 8 dự án IT bao gồm Private Cloud, VDI, Consolidated Database, SDN, ITSM, DLP, Microservices, CRM Next Generation, thực hiện mục tiêu đảm bảo năng lực xử lý hệ thống, cam kết tỷ lệ giao dịch thành công trên 99%, đáp ứng yêu cầu kinh doanh cho quy mô trên 20 triệu khách hàng, giảm thời gian phát triển đưa sản phẩm ra thị trường nhằm tăng cơ hội/ hiệu quả cạnh tranh cho các sản phẩm, dịch vụ của MB.

MB bám sát mục tiêu chiến lược, triển khai 11 sáng kiến chiến lược và các dự án đồng bộ đạt kết quả tốt. Trong năm vừa qua, MB tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh về quy mô khách hàng, lũy kế đạt gần 20 triệu khách hàng, cán mốc mục tiêu chiến lược 2026. Các tỷ lệ quản trị về NPL, CIR, ROE, ROA đều ở mức cao so với thị trường và dần tiệm cận mục tiêu chiến lược đến 2026.

Chuyển đổi số hóa mạnh mẽ: Sau 3-5 năm chuyển đổi số, số lượng giao dịch trên kênh số từ Top 10 lên Top 1 thị trường, App MBBank đứng số 1 trong các ứng dụng tài chính về lượt tải, gấp 2-3 lần so với các nhóm còn lại. Đầu tư mạnh cho công nghệ, ứng dụng nhiều công nghệ mới cho quản lý, nâng cấp và số hóa các quy trình, sản phẩm giúp gia tăng giá trị cho MB.

MB hoàn thiện hệ sinh thái số với nhiều sản phẩm nổi bật: các sản phẩm của MB xây dựng trong năm vừa qua tạo sự khác biệt trên thị trường và tạo nên xu hướng như tài khoản số đẹp, tài khoản giống số điện thoại, thanh toán bằng mã QR, Thẻ Hybrid (Hi-Collection), nền tảng đầu tư Wealth Management, chợ ứng dụng Market place, v.v.

8.6. Chiến lược kinh doanh

❖ **Chiến lược phát triển của MB giai đoạn năm 2022-2026:**

- Mục tiêu chiến lược: Top 3 thị trường về hiệu quả, hướng đến Top đầu Châu Á;
- Định vị giá trị: Tiên phong cung cấp trải nghiệm tài chính xuất sắc;
- Phương châm: Tăng tốc số, hấp dẫn khách hàng, hiệp lực tập đoàn và an toàn bền vững;
- Giá trị cốt lõi: Đoàn kết – Kỷ luật – Tận tâm; Thực thi – Tin cậy – Hiệu quả.

Chiến lược MB được xây dựng trên cơ sở tập trung vào trải nghiệm của khách hàng; sáng tạo ra các giá trị mới phục vụ khách hàng từ đó gia tăng giá trị cho MB. Xuyên suốt theo đó là một văn hóa quản trị thống nhất dựa trên 3 yếu tố:

- Hấp dẫn khách hàng: Xây dựng trải nghiệm xuất sắc – xuất phát từ nhu cầu và vượt tới kỳ vọng của khách hàng;
- Hiệp lực tập đoàn: Toàn tập đoàn kết nối, xây dựng trải nghiệm số OneID, đề xuất giá trị tập đoàn xuất sắc;
- Linh hoạt, nhanh nhạy: Đón bắt nhanh – Tận dụng triệt để - Khai thác hiệu quả công



nghệ, thị trường, nhu cầu khách hàng.

❖ **Tăng tốc số, hấp dẫn khách hàng**

MB chú trọng vào việc phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đầu tư mạnh mẽ vào các ứng dụng công nghệ, tích hợp đa nền tảng nhằm mang lại trải nghiệm tiện ích cho khách hàng, điều này tạo thuận lợi cho việc mở rộng và phát triển tập khách hàng, bao gồm cả khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức, đồng thời gia tăng trải nghiệm tích cực của khách hàng về sản phẩm dịch vụ mà MB cung cấp. MB sẽ triển khai các mô hình kinh doanh mới với Ngân hàng số là chuyển dịch quan trọng cho chiến lược giai đoạn mới. Giải pháp cụ thể cho chiến lược này được MB đưa ra và đang áp dụng cụ thể như:

- Tăng tốc chuyển đổi số, triển khai dự án nhà máy số, sáng kiến dữ liệu, quản trị rủi ro thông minh;
- Tăng trưởng cao kinh doanh bán lẻ, tối ưu kênh phân phối. Hoàn thiện mô hình kinh doanh phục vụ tối ưu cho từng phân khúc khách hàng;
- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin sẵn sàng đáp ứng 30 triệu khách hàng;
- Hoàn thiện 2 nền tảng chủ lực App MBBank và Biz MBBank, tối ưu trải nghiệm trên hành trình khách hàng, đa dạng sản phẩm trên kênh số;
- Chú trọng vào chất lượng dịch vụ, giảm thời gian xử lý giao dịch, tăng trải nghiệm và hài lòng khách hàng;
- Cam kết cung cấp dịch vụ với chất lượng tốt nhất, chi phí cạnh tranh.

❖ **Quản trị tập đoàn, tăng cường quản lý và hỗ trợ hoạt động các công ty thành viên**

Triển khai xây dựng chiến lược hoạt động Công ty thành viên giai đoạn 2022-2026 gắn kết với chiến lược chung của Tập đoàn; hướng tới chuyển đổi số toàn diện, chuẩn hóa hệ thống dữ liệu khách hàng, kết nối Tập đoàn, hoàn thiện hệ sinh thái số phục vụ đa dạng và toàn diện nhu cầu của khách hàng.

Tăng cường vai trò định hướng, điều phối và nâng cao năng lực giám sát của các khối Tập đoàn MB trong các mảng trọng yếu như Tài chính kế toán, Quản trị rủi ro, Pháp chế, Công nghệ thông tin và Tổ chức nhân sự theo hướng MB xây dựng các tiêu chuẩn và thông lệ tiên tiến giúp công ty thành viên nhanh chóng hoàn thiện, kiện toàn hệ thống theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu quản trị và kinh doanh, phù hợp với quy định pháp luật.

Cụ thể, MB định hướng quản lý công ty thành viên và định hướng tập đoàn hướng tới:

- Hoàn thiện mô hình tập đoàn tài chính trên ứng dụng số, tích hợp tối đa sản phẩm dịch vụ của các đơn vị thành viên nhằm củng cố kết nối khách hàng, ngân hàng và các Công ty thành viên;
- Chú trọng các giải pháp cải thiện thị phần, chuyển dịch số mạnh mẽ, nâng cao năng lực quản trị và tối ưu mô hình hoạt động từ đó nâng cao năng suất lao động;

- Đầu tư tăng năng lực tài chính và phát triển các nguồn lực kinh doanh; phát triển đối tác cổ đông chiến lược; góp phần nâng cao năng lực quản trị, phát triển kinh doanh các Công ty thành viên;
- Thiết lập và tăng cường cơ chế phối hợp đầu tư, kinh doanh hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động bán chéo, tận dụng tối đa lợi thế của Tập đoàn.

❖ **Tích hợp Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) trong chiến lược của Công ty**

Chiến lược của Ngân hàng là tiếp tục duy trì phương thức kinh doanh truyền thống, bên cạnh đó, tích hợp vấn đề môi trường, xã hội và quản trị (ESG) trong hoạt động cho vay và đầu tư. MB triển khai có hiệu quả việc phân bổ nguồn vốn tín dụng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển “tín dụng xanh”, “ngân hàng xanh” để góp phần chuyển đổi nền kinh tế sang hướng tăng trưởng xanh; tăng tỷ trọng tín dụng ngân hàng đầu tư vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

MB kết hợp quản lý rủi ro về môi trường và xã hội trong quá trình xem xét, thẩm định phương án nhằm hạn chế việc tài trợ cho các ngành/lĩnh vực có rủi ro cao về môi trường và xã hội; kết hợp đánh giá rủi ro môi trường như một phần trong đánh giá rủi ro tín dụng. MB xây dựng hệ thống dữ liệu, báo cáo thống kê nội bộ về tình hình tuân thủ về môi trường của doanh nghiệp phù hợp với tiêu chí quy định pháp luật và định hướng của Ngân hàng nhà nước, hạn chế các khoản vay cho hoạt động gây hại cho môi trường. MB định hướng triển khai hệ thống dữ liệu về tình hình tuân thủ, vi phạm yêu cầu về môi trường của doanh nghiệp, tạo cơ sở cho các Tổ chức tín dụng trên hệ thống thẩm định và cấp tín dụng đồng thời bám sát các chỉ đạo, hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước để kịp thời triển khai, báo cáo theo đúng quy định.

Trong thời gian tới, MB sẽ tiếp tục rà soát cải tiến và triển khai các chính sách thực hiện mục tiêu tín dụng xanh, tăng cường tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi của các tổ chức quốc tế, đối tác, góp phần giảm phát thải khí nhà kính qua đó thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

❖ **Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến cho chiến lược kinh doanh**

Nguồn vốn và nguồn lực của MB đều được triển khai đồng bộ nhằm tăng cường tối đa trên cả ba khía cạnh sau:

• **Đối với nguồn vốn:**

Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2023 và 31/03/2024 là 52.140.840.520.000 VNĐ;

MB thực hiện 02 phương án tăng vốn điều lệ trên cơ sở nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua:

Tăng 730.000.000.000 VNĐ vốn điều lệ thông qua chào bán riêng lẻ thành công 73.000.000 cổ phiếu phổ thông theo Quyết nghị của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Ngân hàng Nhà nước đã ra quyết định số 811/QĐ-NHNN ngày 02/05/2024 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Quân Đội, trong đó vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội là 52.870.840.520.000 đồng;

Tăng 192.400.000.000 VNĐ vốn điều lệ thông qua phát hành 19.240.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động theo Quyết nghị của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Thời gian hoàn tất 02 phương án tăng vốn điều lệ này phụ thuộc vào các văn bản, chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Tổng mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất 02 phương án tăng vốn điều lệ nêu trên là 53.063.240.520.000 VNĐ.

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, ĐHĐCĐ đã thông qua tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm 8.579.486.070.000 VNĐ, bao gồm:

Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ mới năm 2024: 7.959.486.070.000 VNĐ;

Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc tiếp tục thực hiện chuyển tiếp phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ MB thông qua năm 2023 và Ngân hàng Nhà Nước chấp thuận: 620.000.000.000 VNĐ;

Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành việc tăng vốn điều lệ năm 2024 là 61.642.726.590.000 VNĐ.

• Đối với nguồn nhân sự

Bên cạnh những hình thức đãi ngộ phúc lợi đã và đang được áp dụng tại MB để thu hút và giữ chân nhân tài nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược 2022-2026, MB hướng đến các hình thức chế độ gia tăng tính gắn kết của người lao động với ngân hàng: tổ chức các chương trình đãi ngộ, tri ân cán bộ nhân viên có thâm niên, áp dụng chính sách thưởng thành tích tích lũy cho cán bộ nhân viên hàng năm.

Số lượng nhân sự của Tập đoàn MB tính đến 31/12/2023 là 16.324, riêng ngân hàng là 10.481. MB thực hiện triển khai đa dạng các chương trình đào tạo với nhiều hình thức khác nhau và phù hợp theo từng nhóm vị trí chức danh từ cán bộ quản lý/cấp trung/cấp cao, chức danh chuyên gia, đội ngũ cán bộ nguồn kế cận cho đến Chuyên viên. Một số nhóm chương trình trọng tâm được triển khai trong các năm qua gồm: Chương trình Nâng cao năng lực quản lý kinh doanh; Kỹ năng bán hàng thời đại số; Phương pháp làm việc mới: Linh hoạt và Tư duy thiết kế (Agile & Design Thinking); Chuỗi chương trình nâng cao chuyển đổi số (Quản trị dữ liệu; Kỹ năng thời đại số); Chuỗi chương trình phát triển nguồn kế cận; Chuỗi chương trình nâng cao năng lực chuyên môn cho các chức danh trọng yếu;... MB luôn chú trọng nâng cao trải nghiệm học tập của học viên và ứng dụng công nghệ trong hoạt động đào tạo (Quy mô đào tạo năm 2023 là số chương trình đào tạo 429 tương ứng với 99.000 lượt đào tạo/năm, 51,22 giờ đào tạo trung bình/người/năm).

Năm 2022 - 2023, MB tích cực tổ chức các chương trình để thu hút và kết nối nguồn lực trẻ với ngân hàng như chuỗi chương trình MB Chasing – Pursuit the Benker Road, MB Young Talent, MB Data tech Beginners. MB cũng tích cực tổ chức các buổi hội thảo, đào tạo chia sẻ chuyên môn, kỹ năng từ các chuyên gia của MB gắn với thực tiễn học tập và làm việc để thu hút hơn các lao động trẻ tiềm năng cống hiến cho ngân hàng.



Năm 2024 MB tăng cường đào tạo chuyên môn nâng cao chất lượng nguồn lực, mục tiêu tăng trưởng 10% năng suất lao động, bồi dưỡng và thu hút nhân tài ưu tiên cho nhóm Kinh doanh, Công nghệ – Dữ liệu – Số.

• **Đối với nguồn lực CNTT:**

MB đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ để triển khai hàng loạt các dự án chuyển đổi số với các sản phẩm nổi bật như App, Biz MBBank, mô hình giao dịch tự động Smart Bank, Smart RM để phát triển các kênh giao dịch điện tử, các dịch vụ, phương thức thanh toán mới, hoàn thiện hệ sinh thái số với mục tiêu từng bước xây dựng 2 thói quen sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường cho khách hàng, đặc biệt cung cấp cho các khách hàng doanh nghiệp trải nghiệm đa kênh, thuận tiện, nhanh chóng trên bộ công cụ số hóa 100% trong việc quản trị doanh nghiệp (nhân sự, kế toán, thuế, trả lương), dịch vụ ngân hàng (quản lý dòng tiền, quản lý chuỗi cung ứng, thanh toán, chuyển tiền).

Năm 2021, Hội đồng Quản trị thông qua việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư hạ tầng phục vụ hoạt động khoa học công nghệ tại MB và chỉ đạo triển khai các phương án mua sắm giải pháp triển khai nền tảng hạ tầng công nghệ điện toán đám mây (Private Cloud Computing), giải pháp triển khai nền tảng hạ tầng công nghệ khai thác phân tích dữ liệu (DSB) và trí tuệ nhân tạo (AI), triển khai MetaData và hệ thống ODS, nâng cấp hạ tầng ứng dụng Core giai đoạn 2021 - 2023 và hệ thống dự phòng (DR) cho giải pháp đồng nhất cơ sở dữ liệu và các dự án đầu tư công nghệ lõi cho các Công ty thành viên. Trong năm 2022, HĐQT tiếp tục ưu tiên đầu tư cho hạ tầng CNTT, chuyển đổi số cho Ngân hàng MB trên cơ sở đảm bảo an ninh, an toàn, hiệu quả và đáp ứng hoạt động kinh doanh của MB; thông qua việc đầu tư triển khai mô hình Bank Lab có thể đáp ứng cho các dự án trọng điểm của MB và Tập đoàn.

Giai đoạn 2022-2026, tăng cường đầu tư nền tảng CNTT, triển khai đầu tư các giải pháp công nghệ mới phục vụ hoạt động kinh doanh, tăng tỷ lệ tự động hóa trong công tác quản trị và vận hành, nâng cao chất lượng hoạt động, tăng tiện ích cho ngân hàng

9. Thông tin về cổ đông lớn

9.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 31/03/2024

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 25: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Phát Hành

| TT | Tên cổ đông | Năm thành lập | Số ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành | Số hữu của cổ đông lớn | | Số hữu của người có liên quan | | Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành |
|----|--|---------------|------------|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|--|-----------------------------|------------------|-------------------------------|------------------|---|
| | | | | | | | | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 1989 | 0300514849 | 722 Điện Biên Phủ, Q.Bình Thạnh, HCM | 6,931 | Ông Ngô Minh Thuận- Tổng giám đốc | | 375,973,254 | 7,21% | 236,955 | 0,005% | Không |
| 2 | Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty | 1996 | | | | | | | | | | Không |



| TT | Tên cổ đông | Năm thành lập | Số ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành | Số hữu của cổ đông lớn | | Số hữu của người có liên quan | | Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành |
|-----|--|---------------|----------------|--|-----------------------|-----------------------------------|--|-----------------------------|------------------|-------------------------------|------------------|---|
| | | | | | | | | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL | |
| | TNHH và Chi nhánh | | | | | | | | | | | |
| 2.1 | Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH | | 0100107966 | Số 172 đường Trường Chinh, P. Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội | 3.980 | Ông Kiều Đăng Hùng, Tổng giám đốc | | 427.159.650 | 8,19% | 2.040.009 | 0,04% | Không |
| 2.2 | Chi nhánh Tổng công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty | | 0100107966-006 | 36 Đường 30/4, P9, TP Vũng Tàu | | | | 20.188.769 | 0,39% | | | Không |



| TT | Tên cổ đông | Năm thành lập | Số ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành | Số hữu của cổ đông lớn | Số hữu của người có liên quan | Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành |
|----|--|---------------|------------|---|-----------------------|------------------------------------|--|-----------------------------|-------------------------------|---|
| | trách nhiệm hữu hạn - Công ty Trục thăng Miền Nam | | | | | | | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL |
| 3 | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước - Công ty TNHH (SCIC) | 2006 | 0101992921 | Số 117 Trần Duy Hưng, P Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | 19.000 | Ông Nguyễn Quốc Huy- Tổng giám đốc | Bà Vũ Thái Huyền- Thành viên HĐQT MB (đại diện vốn góp của | 491.425.325 | 228.231 | 0,004% |
| | | | | | | | | Tỷ lệ sở hữu/VĐL | Tỷ lệ sở hữu/VĐL | Không |

| TT | Tên cổ đông | Năm thành lập | Số ĐKDN | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn điều lệ (Tỷ đồng) | Người đại diện theo pháp luật | Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành | Sở hữu của cổ đông lớn | | Sở hữu của người có liên quan | | Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành |
|----|--|---------------|------------|--|-----------------------|---------------------------------|--|-----------------------------|------------------|-------------------------------|------------------|---|
| | | | | | | | | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL | Số cổ phần sở hữu (cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL | |
| 4 | Tập đoàn Công nghiệp-Viên thống Quân đội | 1989 | 0100109106 | Lộ D26 khu đối thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội | 159.000 | Ông Tào Đức Thắng-Tổng giám đốc | SCIC tại MB) | 737.137.989 | 14,14% | 228.274.633 | 4,38% | Không |
| | Tổng cộng | | | | | | | 2.051.884.987 | 39,35% | 230.779.828 | 4,43% | |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt lại ngày 31/03/2024 của MB

9.2. Chi tiết số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan của cổ đông lớn tại thời điểm ngày 31/03/2024

Bảng 26: Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan của cổ đông lớn

| TT | Tên người có liên quan | Cổ đông lớn có liên quan | Mối quan hệ với cổ đông lớn | Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /vốn điều lệ | |
|----|--|---|---|---|---------------------------------------|
| | | | | Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần) | Tỷ lệ nắm giữ cổ phần (%) vốn điều lệ |
| 1 | Ngô Minh Thuận | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Tổng Giám đốc | 216.241 | 0,004 |
| 2 | Phùng Ngọc Minh | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Phó Tổng giám đốc | 15.714 | 0,0003 |
| 3 | Nguyễn Phương Nam | Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Phó Tổng giám đốc | 5.000 | 0,000 |
| 4 | Kiều Đặng Hùng | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc | 216.221 | 0,004 |
| 5 | Nguyễn Kim Lan | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH | Vợ Ông Kiều Đặng Hùng – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc | 322 | 0,000 |
| 6 | Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hải Âu | Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam – Công ty TNHH | Công ty con | 1.823.466 | 0,035 |
| 5 | Nguyễn Quốc Huy | Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC) | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 91 | 0,000 |
| 6 | Nguyễn Chí Thành | Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC) | Chủ tịch Hội đồng thành viên | 67.530 | 0,001 |
| 7 | Vũ Thái Huyền | Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC) | Đại diện vốn góp của SCIC tại MB | 108.110 | 0,002 |
| 8 | Nguyễn Đức Nam | Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC) | Kiểm soát viên | 12.500 | 0,0002 |

| TT | Tên người có liên quan | Cổ đông lớn có liên quan | Mối quan hệ với cổ đông lớn | Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /vốn điều lệ | |
|----|--|---|--------------------------------------|---|---------------------------------------|
| | | | | Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần) | Tỷ lệ nắm giữ cổ phần (% vốn điều lệ) |
| 9 | CTCP tư vấn Biển Việt | Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC) | SCIC sở hữu trên 10% VDL tại công ty | 40.000 | 0,0008 |
| 10 | Đỗ Minh Phương | Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội | Phó Tổng Giám đốc | 74.538 | 0,001 |
| 11 | Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel | Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội | Công ty con | 228.200.095 | 4,377 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Tại thời điểm ngày 31/03/2024, thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của MB cụ thể như sau:

10.1. Hội đồng quản trị

Bảng 27: Danh sách Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quân Đội

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|-------------------------|--|
| Ông Lưu Trung Thái | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 12/04/2023 |
| Bà Vũ Thị Hải Phượng | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/04/2019 |
| Ông Đỗ Minh Phương | Phó Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/04/2019 |
| Ông Lê Viết Hải | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/04/2019 |
| Ông Kiều Đặng Hùng | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/04/2019 |
| Bà Vũ Thái Huyền | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/04/2019 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 23/04/2014 Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2019 |
| Bà Nguyễn Thị Thủy | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 23/04/2014 Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2019 |
| Ông Ngô Minh Thuận | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm ngày 27/04/2019 |
| Ông Trần Trung Tín | Thành viên HĐQT độc lập | Bổ nhiệm ngày 27/04/2019 |

10.1.1. Ông Lưu Trung Thái - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Lưu Trung Thái
 Năm sinh : 1975
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Chủ tịch HĐQT
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|----------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 10/1997 - 09/2001 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên tín dụng |
| 10/2001 - 05/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Phòng |
| 06/2004 - 11/2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng | Giám đốc Chi nhánh |
| 12/2007 - 04/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc nhân sự |
| 04/2008 - 11/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |
| 11/2011 - 04/2013 | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 04/2013 - 09/2013 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |
| 09/2013 - 01/2017 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 01/2017 - 12/04/2023 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 12/04/2023 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Chủ tịch HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 5.211.908 cổ phần
 + Sở hữu cá nhân : 5.211.908 cổ phần
 + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|---------------|-------------|--------------------------|
| Lưu Thiệu Thu | Em gái | 31.891 |
| Phạm Văn Lợi | Em rể | 6 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 1.989 triệu đồng
 Tiền lương năm 2023: 1.253 triệu đồng
 (miễn nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Chủ



tịch HĐQT từ ngày 12/4/2023)

Tiền lương năm 2022: 3.062 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không có mâu thuẫn của MB

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 678,927 triệu đồng điểm 31/12/2023

10.1.2. Bà Vũ Thị Hải Phượng - Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Vũ Thị Hải Phượng**
 Năm sinh : 1970
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Chủ tịch HĐQT Công ty tài chính trách nhiệm khác hữu hạn MB Shinsei
 Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|---|---|
| 1993 - 04/1994 | Vietronic Đồng Đa | Nhân viên |
| 10/1994 - 06/2002 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên tín dụng - Trưởng phòng |
| 07/2002 - 07/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lý Nam Đế | Giám đốc Chi nhánh |
| 07/2004 - 09/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng phòng |
| 10/2004 - 06/2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ | Phó Giám đốc - Giám đốc Chi nhánh |
| 06/2007 - 08/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh |
| 09/2008 - 04/2014 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối |
| 04/2014 - 04/2019 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 01/2020 - nay | Công ty Tài chính TNHH MB SHINSEI (Mcredit) | Chủ tịch HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 2.741.997 cổ phần
 + Sở hữu cá nhân : 2.741.997 cổ phần
 + Đại diện sở hữu : 0

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|----------------|-------------|--------------------------|
| Trần Minh Tuấn | Chồng | 43.562 |
| Trần Vũ Hà Duy | Con trai | 18.696 |
| Trần Hà Linh | Con gái | 0 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 2.576 triệu đồng

Thù lao HĐQT năm 2022: 2.510 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 567,375 triệu đồng

10.1.3. Ông Đỗ Minh Phương - Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Đỗ Minh Phương**

Năm sinh : 1969

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn :

- Trường Trung cấp KTTT; chuyên ngành Vô tuyến điện xe máy; 1987 – 1990; Trung cấp.
- Đại học Bách Khoa Hà Nội, chuyên ngành Điện tử - Viễn thông; 1993 – 1995; Cao đẳng.
- Viện ĐH Mở Hà Nội, chuyên ngành Điện tử - Viễn thông; 2008 – 2010; Cử nhân.

Chức vụ đang nắm giữ tại TCGP : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : - Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội;

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|---|---|
| 03/1988 - 05/1990 | Học viện Trung cấp vô tuyến điện xe máy lớn - trường Trung cấp KTTT - BTL Thông tin | Học viên |
| 06/1990 - 05/2001 | Cục Kỹ thuật, Công ty Viễn thông Quân đội, -BTL Thông tin | Nhân viên Kỹ thuật |
| 06/2001 - 05/2004 | Trung tâm Điện thoại đường dài - Công ty Viễn thông Quân | Nhân viên phụ trách Kế hoạch Kinh doanh |

| | | |
|-------------------|--|---|
| | đội, BTL Thông tin | |
| 06/2004 - 12/2004 | Công ty Viễn thông Quân đội (Viettel) | Phó Giám đốc Trung tâm Điện thoại Di động |
| 01/2005 - 12/2005 | Tổng Công ty Viễn thông Quân đội | Phó Giám đốc Trung tâm Internet |
| 01/2006 - 02/2012 | Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Trưởng phòng Kinh doanh |
| 03/2012 - 04/2014 | Công ty Truyền hình Viettel - Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Giám đốc |
| 05/2014 - 06/2015 | Tổng Công ty Viễn thông Viettel thuộc Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Tổng Giám đốc |
| 07/2015 - 10/2018 | Tập đoàn Viễn thông Quân đội | Quyền Phó Tổng Giám đốc |
| 11/2018 - nay | Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |
| 04/2019- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Chủ tịch HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 74.538 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 74.538 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|---|--|--------------------------|
| Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) | Ông Đỗ Minh Phương là Phó TGD tại Viettel | 737.137.989 |
| Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel (Viettelimex) | Ông Đỗ Minh Phương là Phó TGD tại Viettel (công ty mẹ của Viettelimex) | 228.200.095 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Ông Đỗ Minh Phương là người đại diện vốn của Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel, thù lao được trả thông qua Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 0 đồng

10.1.4. Ông Lê Viết Hải - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Lê Viết Hải

Năm sinh : 1975



Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán MB

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|---|-----------------------------------|
| 09/1996 - 10/2000 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ | Cán bộ Tín dụng |
| 10/2000 - 10/2001 | Ngân hàng TMCP Quân đội - Phòng Giao dịch Lý Nam Đế | Phó Phòng Giao dịch |
| 10/2001 - 11/2002 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lý Nam Đế | Phó Giám đốc Chi nhánh |
| 11/2002 - 10/2010 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt | Phó Giám đốc - Giám đốc Chi nhánh |
| 10/2010 - 06/2016 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối - Giám đốc Khối |
| 07/2016 - 04/2019 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Chánh Văn phòng |
| 03/2017 - 05/2020 | Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội | Thành viên HĐQT |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |
| 06/2019 - nay | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB | Chủ tịch HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 736.747 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 736.747 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|-----------------|-------------|--------------------------|
| Vũ Hoàng Yến | Vợ | 1 |
| Lê Công Sòa | Bố đẻ | 47.976 |
| Hoàng Lan Hương | Mẹ vợ | 10 |
| Lê Thị Hải Yến | Em gái | 3.079 |
| Trần Văn Đức | Em rể | 526.479 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 2.018 triệu đồng

Thù lao HĐQT năm 2022: 1.956 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không có mâu thuẫn
của MB

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 51,291 triệu đồng
điểm 31/12/2023

10.1.5. Ông Kiều Đăng Hùng - Thành viên HĐQT

Họ và tên : **Kiều Đăng Hùng**
 Năm sinh : 1972
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn :
 - Sỹ quan lái máy bay trực thăng, Học viện Không quân (1992 -1996).
 - Đào tạo ngắn hạn cán bộ trung đoàn không quân, Học viện Phòng Không - Không quân (2012-2013).
 - Cử nhân quản trị kinh doanh, Trường đại học Mở TP. HCM (2010 -2014).
 - Cao cấp ngắn hạn chỉ huy - tham mưu cấp chiến dịch - chiến lược, Học viện Quốc phòng (2016 - 2017).
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân -Đội
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty trực
khác thăng Việt Nam.

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|---|--|
| 09/1991 - 09/1996 | Quân chủng Không quân, Trường Sĩ quan lục quân 2, Trường Huấn luyện bay và kỹ thuật không quân, Học viện Không quân | Học viên bay |
| 10/1996 - 08/2012 | Công ty bay dịch vụ miền Nam/Tổng Công ty bay dịch vụ Việt Nam | Lái phụ, Lái chính - Trợ lý - Chủ nhiệm an toàn bay - Phó Phòng - Trưởng Phòng |
| 09/2012 - 01/2013 | Học viện Phòng không - Không quân | Học viên |
| 02/2013 - 07/2013 | Đội bay 2 Công ty Trực thăng miền Nam/Tổng Công ty trực thăng Việt Nam | Đội trưởng |
| 08/2013 - 07/2014 | Công ty Trực thăng miền Bắc/Tổng Công ty trực thăng | Phó Giám đốc |

| | | |
|-------------------|--|---|
| | Việt Nam | |
| 09/2014 - 03/2015 | Công ty trực thăng miền Nam/Tổng Công ty trực thăng Việt Nam | Phó Giám đốc |
| 04/2015 - nay | Tổng Công ty trực thăng Việt Nam | Phó Tổng Giám đốc - Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc |
| 05/2015 - nay | Công ty cổ phần đào tạo bay Việt | Thành viên HĐQT |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 216.221 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 216.221 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|---|---|--------------------------|
| Nguyễn Kim Lan | Vợ | 322 |
| Tổng công ty Trực thăng Việt Nam (VNH) | Ông Kiều Đăng Hùng là Chủ tịch- TGD tại VNH | 427.159.650 |
| Chi nhánh Tổng công ty Trực thăng Việt nam-Công ty TNHH-Cty Trực thăng Miền Nam | Chi nhánh của VNH | 20.188.769 |
| Công ty cổ phần đầu tư thương mại Hải Âu | Công ty con của VNH | 1.823.466 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Ông Kiều Đăng Hùng là người đại diện vốn của Tổng công ty trực thăng Việt Nam, thủ lao được trả thông qua Tổng công ty trực thăng Việt Nam

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 0 đồng

10.1.6. Bà Vũ Thái Huyền - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Vũ Thái Huyền

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn :

- Trường Đại học kinh tế quốc dân; chuyên ngành Kế toán; 1993-1997; Cử nhân.
- Bộ Tài chính; chuyên ngành Kế toán trưởng; 2002; Chứng chỉ.
- HH Ngân hàng; Nghiệp vụ Ngân hàng; 2007; Chứng chỉ.
- Viện NCĐTQ lý HN; Nghiệp vụ đầu thầu; 2007; Chứng chỉ
- Trung tâm thẩm định giá BTC; Thẩm định giá; 2007; Chứng chỉ.
- Trường ĐHXD; chuyên ngành Kinh tế xây dựng; 2005; Chứng chỉ.
- Trường ĐH Ngoại ngữ; Tiếng Anh C; 1995; Chứng chỉ.

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|----------------------|--|---|
| 05/1997 - 09/1999 | Trung tâm QHQT - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 | Kế toán viên |
| 10/1999 - 10/2006 | Công ty Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản xuất | Kế toán tổng hợp - Phụ trách Kế toán - Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng |
| 11/2006 - 02/2007 | Tập đoàn Than Khoáng sản | Ban trụ bị thành lập Công ty Tài chính Than Khoáng sản |
| 03/2007 - 03/2008 | Công ty Tài chính Than khoáng sản - Tập đoàn Than khoáng sản | Trưởng phòng Đầu tư và Trưởng Phòng Nguồn vốn |
| 03/2008 - 02/2012 | Công ty Tài chính Sông Đà - Tập đoàn Sông Đà | Phó Tổng Giám đốc |
| 03/2012 - 12/2013 | Tổng Công ty Đầu tư và phát triển xây dựng - DIC Group | Trợ lý Chủ tịch HĐQT |
| 01/2014 - 31/12/2021 | Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước | Phó Trưởng Ban Quản lý vốn đầu tư 1 - Trưởng Ban Đầu tư 1 |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 491.533.435 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 108.110 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 491.425.325 cổ phần (đại diện vốn của SCIC tại MB)

Số hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|---|--|--------------------------|
| Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH (SCIC) | Bà Vũ Thái Huyền là người đại diện vốn của SCIC tại MB | 491.425.325 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Bà Vũ Thái Huyền là người đại diện vốn của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, thù lao được trả thông qua Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không có mâu thuẫn của MB

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 0 đồng
điểm 31/12/2023

10.1.7. Bà Nguyễn Thị Thủy - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Thị Thủy

Năm sinh : 1974

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội TCPH

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ : - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ chức khác MB Ageas.
- Thành viên HĐQT Tổng CTCP Bảo hiểm Quân Đội (MIC).

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|---|--|
| 1996 | Công ty Thành Hưng | Nhân viên, Trưởng phòng điều hành |
| 06/1997 - 04/2003 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên |
| 04/2003 - 06/2003 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lý Nam Đế | Phó Giám đốc Chi nhánh |
| 06/2003 - 08/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lê Trọng Tấn | Phó Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Chi nhánh |
| 08/2009 - 04/2014 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long | Giám đốc Chi nhánh |
| 04/2014 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |



| | | |
|---------------|---|-----------------|
| 08/2016 - nay | Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas | Chủ tịch HĐQT |
| 05/2020 - nay | Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội | Thành viên HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 1.837.902 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 1.837.902 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|---------------|-------------|--------------------------|
| Nguyễn Thị Hà | Chị dâu | 98.449 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 2.409 triệu đồng

Thù lao HĐQT năm 2022: 2.336 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 257,481 đồng

10.1.8. Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Thị Ngọc

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCHP : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|-----------------------------|--|
| 05/1997 - 08/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên Phòng Quản lý dự án |
| 09/2001 - 09/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Chuyên viên Pháp chế - Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp |
| 10/2008 - 02/2010 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp |
| 03/2010 - 04/2014 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Chánh Văn phòng HĐQT |
| 04/2014 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |
| 11/2015 - nay | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ | Chủ tịch HĐQT |

| | | |
|--|-----------|--|
| | đầu tư MB | |
|--|-----------|--|

Số cổ phần nắm giữ : 750.571 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 750.571 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|---|-----------------------------------|--------------------------|
| Nguyễn Hữu Doanh | Bố đẻ | 80.723 |
| Đỗ Thị Ngọc Bảo | Mẹ đẻ | 206.410 |
| Nguyễn Hữu Bảo Khánh | Em trai | 7.350 |
| Công đoàn cơ sở Ngân hàng TMCP Quân đội | Bà Nguyễn Thị Ngọc là Chủ tịch CĐ | 19.535.972 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao HĐQT năm 2023: 2.409 triệu đồng

Thù lao HĐQT năm 2022: 2.336 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích : Không có mâu thuẫn của MB

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 19,346 đồng
điểm 31/12/2023

10.1.9. Ông Ngô Minh Thuận - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Ngô Minh Thuận

Năm sinh : 1971

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế vận tải biển

Chức vụ đang nắm giữ tại TCHP : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn khác

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|--|---|
| 09/1994 - 04/2009 | Trung tâm Điều độ, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Nhân viên, Trợ lý, Đội trưởng, TBSX, Phó Giám đốc, Giám đốc |
| 05/2009 - 06/2018 | Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT |
| 07/2018 - 12/2020 | Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng |

| | | |
|-------------------|-------------------------------|--------------------------------|
| | Gòn | Giám đốc |
| 01/2021 - 04/2022 | Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc |
| 04/2022 - nay | Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Tổng Giám đốc |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT |

Số cổ phần nắm giữ : 216.241 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 216.241 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|---|---|--------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (SNP) | Ông Ngô Minh Thuận là Tổng Giám đốc tại SNP | 375.973.254 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Ông Ngô Minh Thuận là người đại diện vốn của Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn, thù lao được trả thông qua Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 155,912 đồng

10.1.10. Ông Trần Trung Tín - Thành viên HĐQT độc lập

Họ và tên : **Trần Trung Tín**

Năm sinh : 1956

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn :

- Cử nhân Ngữ văn - Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (tốt nghiệp năm 1984).
- Cử nhân Báo chí – Trường sỹ quan Chính trị - Quân sự (tốt nghiệp năm 1986).
- Cử nhân chính trị - Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (tốt nghiệp năm 1994).
- Cử nhân Tiếng Anh – Trường Đại học Sư phạm ngoại ngữ Hà Nội (tốt nghiệp năm 1995).
- Tiến sỹ Quản lý kinh tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (năm 1999).

- Phó Giáo sư (Năm 2006)

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên HĐQT độc lập ngân hàng TMCP Quân Đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Giáo viên Khoa Tài chính Ngân hàng – Học viện Hậu cần

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|---------------|---|--|
| 1974 - 1977 | Tiểu đoàn 2 Thông tin | Tiểu đội trưởng |
| 1978 - 1985 | Báo Thông tin | Phóng viên |
| 1985 - 1986 | Trường sỹ quan Chính trị - Quân sự | Học viên |
| 1986 - 1992 | Báo Thông tin, Báo Quân đội Nhân dân | Thư ký tòa soạn - Phóng viên, Phó Phòng Biên tập Chính trị |
| 1992 - 1998 | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh | Học viên, Nghiên cứu sinh |
| 1999 - 2002 | Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng | Trưởng Phòng |
| 2003 - 2004 | Binh đoàn 15 - Tổng Công ty 15 | Phó Tư lệnh - Phó Tổng Giám đốc |
| 2004 - 2016 | Cục Kinh tế - Bộ Quốc phòng | Phó Cục trưởng, Cục trưởng |
| 2007 - nay | Học viện Hậu cần - Bộ Quốc phòng | Giảng viên cơ hữu |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên HĐQT độc lập |

Số cổ phần nắm giữ : 594.614 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 594.614 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Lợi ích liên quan đối với MB : Thủ lao HĐQT năm 2023: 586 triệu đồng

Thủ lao HĐQT năm 2022: 592 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 0 đồng

10.2. Ban Kiểm soát

Bảng 28: Danh sách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------|------------|-------------------------|
| Bà Lê Thị Lợi | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/4/2019 |

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|----------------|------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị An Bình | Phó Trưởng Ban | Bổ nhiệm ngày 24/6/2020 |
| Bà Đỗ Thị Tuyết Mai | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/4/2019 |
| Ông Đỗ Văn Hùng | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27/04/2019 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

10.2.1. Bà Lê Thị Lợi - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : Lê Thị Lợi

Năm sinh : 1970

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế chuyên ngành tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại : Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội TCHP

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|--|---|
| 10/1994 - 06/1996 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kế toán tổng hợp |
| 07/1996 - 10/1996 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hồ Chí Minh | Kế toán trưởng |
| 11/1996 - 12/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kiểm soát viên - Phó Phòng Kế toán tài chính |
| 01/2005 - 08/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ | Trưởng Phòng - Phó Giám đốc CN |
| 08/2008 - 06/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Tài chính |
| 07/2009 - 04/2014 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Quyền Giám đốc Tài chính - Giám đốc Tài chính |
| 05/2014 - 04/2019 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Tài chính |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Ban Kiểm soát |

Số cổ phần nắm giữ : 2.125.417 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 2.125.417 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--------------|-------------|--------------------------|
| Lê Xuân Linh | Anh trai | 2 |

| | | |
|------------|---------|---|
| Lê Thị Lai | Chị gái | 1 |
|------------|---------|---|

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao năm 2022: 2.348 triệu đồng

Thù lao năm 2023: 2.422 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 30/09/2023 : 0 đồng

10.2.2. Bà Nguyễn Thị An Bình - Phó Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Thị An Bình

Năm sinh : 1972

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế chuyên ngành tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------------|-------------------------|---|
| 1994 - 2001 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kế toán viên/Kiểm soát viên Phòng Kế toán |
| 2001 - 2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở |
| 2004 - 2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở |
| 2008 - 2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc Khối Kiểm tra - Kiểm soát nội bộ |
| 2009 - 24/06/2020 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |
| 24/06/2020 - 29/06/2020 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên BKS |
| 06/2020 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Trưởng BKS |

Số cổ phần nắm giữ : 2.681.141 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 2.681.141 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao năm 2022: 2.174 triệu đồng

Thù lao năm 2023: 2.242 triệu đồng



Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 67,344 triệu đồng

10.2.3. Bà Đỗ Thị Tuyết Mai - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Đỗ Thị Tuyết Mai**

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh; CMA Australia; CPIA Australia

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân đội

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|---------------|--|---|
| 1998 - 2000 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Phòng | Kế toán |
| 2001 - 2002 | Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lý Nam Đế | Kho quỹ |
| 2002 - 2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kế toán Phòng Kế toán Hội sở |
| 2004 - 2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên Phòng Kiểm soát nội bộ Hội sở |
| 2007 - 2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ |
| 2009 - 2019 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Kiểm toán nội bộ |
| 04/2019 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên BKS |

Số cổ phần nắm giữ : 283.305 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 283.305 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|------------------|-------------|--------------------------|
| Nguyễn Hải | Chồng | 258.207 |
| Đỗ Thị Mai Hương | Em gái | 8.075 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao năm 2022: 877 triệu đồng

Thù lao năm 2023: 903 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 111 triệu đồng

10.2.4. Ông Đỗ Văn Hưng - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Đỗ Văn Hưng**
 Năm sinh : 1960
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngân hàng - Tài chính, Cử nhân Anh văn, Cao cấp Lý luận Chính trị.
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Quân Đội

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|--|---------------------------------|
| 02/1982 - 09/1985 | Đại học Ngoại ngữ Quân sự | Giáo viên Khoa Anh văn |
| 09/1985 - 08/1991 | Bộ Tư lệnh đặc công | Phiên dịch viên Tiếng Anh |
| 08/1991 - 08/1993 | Công ty Vật tư và dịch vụ XNK 2 | Cán bộ |
| 08/1993 - 08/1999 | Tổng Cục Công nghiệp Quốc phòng và Kinh tế | Cán bộ Vụ Hợp tác Quốc tế |
| 08/1999 - 09/2002 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Cán bộ |
| 10/2002 - 05/2005 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Phòng Thanh toán quốc tế |
| 06/2005 - 03/2018 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |
| 03/2018 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên BKS |

Số cổ phần nắm giữ : 4.993.484 cổ phần
 + Sở hữu cá nhân : 4.993.484 cổ phần
 + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Lợi ích liên quan đối với MB : Thù lao năm 2022: 751 triệu đồng
 Thù lao năm 2023: 774 triệu đồng
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn
 Các khoản nợ đối với MB tại thời : 33,301 triệu đồng

ngày 31/12/2023

10.3. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

**Bảng 29: Danh sách Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng
Ngân hàng TMCP Quân Đội**

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|-------------------|--|
| Ông Phạm Như Ánh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/05/2023 |
| Bà Phạm Thị Trung Hà | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27/04/2011 Bổ nhiệm lại ngày 15/06/2023 |
| Ông Trần Minh Đạt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/11/2014 Bổ nhiệm lại ngày 10/11/2020 |
| Ông Hà Trọng Khiêm | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/11/2015 |
| Ông Lê Quốc Minh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/11/2015 |
| Bà Nguyễn Minh Châu | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 24/6/2020 |
| Đặng Thúy Dung | Kế Toán Trưởng | Bổ nhiệm ngày 02/05/2018 Bổ nhiệm lại ngày 20/06/2023 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

10.3.1. Ông Phạm Như Ánh - Tổng giám đốc

Họ và tên : **Phạm Như Ánh**
 Năm sinh : 1980
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Tổng giám đốc
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|------------------|---|-----------------------------------|
| 05/2005- 07/2006 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đà Nẵng | Nhân viên tín dụng |
| 08/2006- 06/2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đà Nẵng | Phó Phòng Khách hàng Doanh nghiệp |

| | | |
|---------------------------|--|--|
| 07/2007- 08/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Bình Định | Giám đốc Chi nhánh |
| 09/2009 - 10/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Đông Sài Gòn | Giám đốc Chi nhánh |
| 11/2011- 04/2017 | Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Bắc Sài Gòn | Giám đốc Chi nhánh |
| 04/2017- 08/2020 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc Khối |
| 08/2020- 12/04/2023 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên Ban Điều hành |
| 12/04/2023- 17/05/2023 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành |
| 18/05/2023 - nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 2.512.838 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 2.512.838 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|------------------|-------------|--------------------------|
| Lê Thị Hồng Phấn | Vợ | 1.431.754 |
| Phạm Như Vân | Em trai | 10 |
| Ngô Thị Kim Loan | Em dâu | 1.380 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.688 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 1.759 triệu đồng

(miễn nhiệm Phó tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành và bổ nhiệm Tổng giám đốc từ ngày 18/05/2023)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 29,088-triệu đồng

10.3.2. Bà Phạm Thị Trung Hà - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Phạm Thị Trung Hà

Năm sinh : 1975

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc rủi ro tập đoàn
- Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-------------------|-------------------------|--------------------------------|
| 04/1997- 05/2003 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên tín dụng |
| 05/2003- 04/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Phòng Tín dụng |
| 04/2004- 09/2005 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Phòng Quản lý tín dụng |
| 09/2005 - 11/2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Phòng Quản lý tín dụng |
| 12/2007- 09/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phụ trách Khối Quản trị rủi ro |
| 10/2008 – 10/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối |
| 11/2009 - 04/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc Khối |
| 04/2011- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 1.955.649 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 1.955.649 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|-----------------|-------------|--------------------------|
| Phạm Thanh Bình | Em trai | 113 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.761 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 2.688 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 395,674 triệu đồng

10.3.3. Ông Trần Minh Đạt – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Trần Minh Đạt

Năm sinh : 1968

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quân đội (MBAMC)

chức khác

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|------------------|---|--------------------|
| 02/2008- 06/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Minh Khai | Giám đốc Chi nhánh |
| 07/2008- 09/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng | Giám đốc Chi nhánh |
| 10/2011- 10/2014 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ | Giám đốc Chi nhánh |
| 11/2014- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 2.800.868 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 2.800.868 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.364 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 2.301 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 0 đồng

10.3.4. Ông Hà Trọng Khiêm - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Hà Trọng Khiêm

Năm sinh : 1973

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Thực hành Quản trị Kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch 2 - Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|-----------------|---|--------------------|
| 07/1996- 5/2001 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh | Nhân viên Tín dụng |
| 5/2001- 10/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội – | Phó phòng |

| | | |
|------------------|---|------------------------------------|
| | Chi nhánh Hồ Chí Minh | |
| 10/2004- 07/2006 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hồ Chí Minh | Trưởng Phòng |
| 07/2006- 01/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Cần Thơ | Giám đốc Chi nhánh |
| 01/2008- 10/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội – CN. Hồ Chí Minh | Giám đốc Chi nhánh |
| 10/2009- 01/2013 | Ngân hàng TMCP Quân đội – CN. Sài Gòn | Giám đốc Chi nhánh |
| 01/2013- 11/2015 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc phụ trách kinh doanh KVPN |
| 11/2015- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 297.827 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 297.827 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|------------------|-------------|--------------------------|
| Nguyễn Quỳnh Mai | Vợ | 996.670 |
| Hà Trọng Khoa | Em trai | 11.218 |
| Nguyễn Như Quỳnh | Em dâu | 118.026 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.258 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 2.200 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn.

10.3.5. Ông Lê Quốc Minh - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Lê Quốc Minh

Năm sinh : 1979

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế quốc dân, Tiến sỹ Tài chính Ngân hàng - Học viện Hậu cần

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội (MIPEC)

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|------------------|--|--------------------------------------|
| 01/2006- 09/2007 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở Giao dịch I | Phó Phòng Tín dụng Doanh nghiệp |
| 09/2007- 03/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ | Trưởng Phòng Khách hàng doanh nghiệp |
| 03/2008- 12/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng Phòng |
| 12/2009- 04/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ninh Bình | Giám đốc Chi nhánh |
| 04/2011- 11/2012 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối |
| 11/2012- 11/2015 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Giám đốc Khối |
| 11/2015- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 1.562.171 cổ phần

+ Số hữu cá nhân : 1.562.171 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--------------|-------------|--------------------------|
| Lê Quốc Bình | Anh trai | 6.749 |
| Vũ Thu Thủy | Chị dâu | 690 |
| Lê Quốc Dũng | Em trai | 57.684 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.233 triệu đồng.

Tiền lương năm 2022: 2.176 triệu đồng

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 485,492 triệu đồng

10.3.6. Bà Nguyễn Minh Châu - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Minh Châu

Năm sinh : 1973

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Ngân hàng tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ – Ngân hàng TMCP Quân đội



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|------------------|-------------------------|----------------------------------|
| 11/2009- 05/2017 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |
| 05/2017- 06/2020 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên cao cấp Ban điều hành |
| 24/06/2020- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Tổng Giám đốc |

Số cổ phần nắm giữ : 888.817 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 888.817 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|--------------|-------------|--------------------------|
| Bùi Thu Hằng | Em dâu | 4 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2023: 2.834 triệu đồng

Tiền lương năm 2022: 2.757 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của MB : Không có mâu thuẫn

Các khoản nợ đối với MB tại thời điểm 31/12/2023 : 117,355 triệu đồng

10.3.7. Kế toán trưởng

Họ và tên : Đặng Thúy Dung

Năm sinh : 1973

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH : Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Quân đội

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :

Quá trình công tác :

| Thời gian | Đơn vị công tác | Vị trí công tác |
|------------------|-------------------------|-------------------|
| 03/1999- 12/2004 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Nhân viên Kế toán |
| 12/2004- 08/2005 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phụ trách bộ phận |
| 08/2005- 10/2008 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó phòng Kế toán |

| | | |
|------------------|-------------------------|------------------------------|
| 10/2008- 12/2009 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng phòng Hỗ trợ Treasury |
| 12/2009- 04/2011 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Trưởng phòng Kế toán |
| 04/2011- 03/2012 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Thành viên chuyên trách |
| 03/2012- 04/2017 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối Treasury |
| 04/2017- 05/2018 | Ngân hàng TMCP Quân đội | Phó Giám đốc Khối |
| 05/2018- nay | Ngân hàng TMCP Quân đội | Kế toán trưởng |

Số cổ phần nắm giữ : 214.135 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 214.135 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

| Họ tên | Mối quan hệ | Cổ phần sở hữu (cổ phần) |
|----------------|-------------|--------------------------|
| Vũ Thị Tuất | Mẹ đẻ | 230.959 |
| Đặng Thị Thủy | Em gái | 156.316 |
| Phạm Văn Giang | Em rể | 693.686 |

Lợi ích liên quan đối với MB : Tiền lương năm 2022: 1.041 triệu đồng

Tiền lương năm 2023: 1.067 triệu đồng

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của : Không có mâu thuẫn

MB

Các khoản nợ đối với MB tại thời : 20.428,221 triệu đồng
điểm 31/12/2023

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ MB, kế hoạch chi trả/tạm ứng cổ tức được thực hiện theo nghị quyết của HĐQT trên cơ sở đề nghị của HĐQT. MB chỉ trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và pháp luật; và vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có) sau khi hoàn thành việc chi trả cổ tức.

HĐHCD quyết định việc chi trả cổ tức dựa trên cơ sở đề nghị của HĐQT, trong đó gồm các nội dung sau:

- Cổ tức được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của MB,
- Cổ tức có thể chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của MB hoặc bằng tài sản khác phù hợp quy định pháp luật,
- HĐQT quyết định cụ thể phương án chi trả cổ tức, thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức trên cơ sở phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của MB và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bảng 30: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|----------------------------------|--|--|---|
| Tỷ lệ trả cổ tức (% vốn điều lệ) | 35%/VĐL (trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế của năm 2020) | 20%/VĐL (trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế của năm 2021) | 20%/VĐL (trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu và 5% tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế của năm 2022) |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân đội

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu do MB phát hành trong 03 (ba) năm liên tục (từ năm 2021 đến năm 2023) và đến thời điểm hiện tại đều đã được MB thanh toán đầy đủ và đúng hạn trả gốc và lãi trái phiếu, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của các trái phiếu.

13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

- ❖ Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến thời điểm ngày 31/03/2024, Tổ Chức Phát Hành có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành (theo mệnh giá): 22.189.000 triệu đồng, trong đó:

- Trái phiếu tăng vốn cấp 2: 10.289.000 triệu đồng,
- Trái phiếu trung hạn: 11.900.000 triệu đồng.

(Chi tiết danh sách trái phiếu đang lưu hành theo bảng 3 điều 7.3. mục IV)

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, MB đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

14. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Các nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết khác của MB trong 2 năm liền trước như được trình bày ở bảng sau:

Bảng 31: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của MB

Đơn vị: tỷ đồng

| Khoản mục | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|-----------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | Năm 2022 | Năm 2023 | Quý I năm 2024 | Năm 2022 | Năm 2023 | Quý I năm 2024 |
| I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn | 146.975 | 145.193 | 145.291 | 146.975 | 145.094 | 145.191 |
| 1. Bảo lãnh vay vốn | 146 | 154 | 149 | 146 | 154 | 149 |
| 2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 28.829 | 23.214 | 24.855 | 28.829 | 23.214 | 24.855 |
| 3. Bảo lãnh khác | 118.000 | 121.825 | 120.287 | 118.000 | 121.726 | 120.187 |
| II. Các cam kết đưa ra | 253.281 | 476.160 | 590.760 | 257.782 | 476.632 | 597.178 |
| 1. Cam kết tài trợ cho khách hàng | - | - | - | - | - | - |
| 2. Cam kết khác | 253.281 | 476.160 | 590.760 | 257.782 | 476.632 | 597.178 |
| Tổng cộng | 400.256 | 621.353 | 736.051 | 404.757 | 621.726 | 742.369 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, 2023 và quý I năm 2024 (hợp nhất và riêng lẻ)

15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất

Bảng 32: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng năm 2022, 2023 và Quý I năm 2024 – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng/giảm 2022/2023 | Quý I năm 2024 |
|--|-------------|-------------|-----------------------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 728.532.373 | 944.953.640 | 29,71% | 900.647.141 |
| Thu nhập lãi thuần | 36.023.122 | 38.683.848 | 7,39% | 9.062.293 |
| Tổng thu nhập hoạt động | 45.592.625 | 47.306.062 | 3,76% | 12.016.698 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 30.776.997 | 32.393.121 | 5,25% | 8.502.406 |
| Lợi nhuận trước thuế | 22.729.320 | 26.306.089 | 15,74% | 5.795.311 |
| Lợi nhuận sau thuế | 18.155.185 | 21.053.792 | 15,97% | 4.624.216 |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức của MB | 20,00% | 20,00% | 0,00% | |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 33: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2022, 2023 và Quý I năm 2024 – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng/giảm 2022/2023 | Quý I năm 2024 |
|--|-------------|-------------|-----------------------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 690.664.584 | 902.044.947 | 30,61% | 852.438.349 |
| Thu nhập lãi thuần | 28.995.235 | 31.950.560 | 10,19% | 7.375.935 |
| Tổng thu nhập hoạt động | 35.923.420 | 39.073.074 | 8,77% | 9.876.340 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 25.377.968 | 27.682.690 | 9,08% | 7.240.449 |
| Lợi nhuận trước thuế | 20.318.374 | 24.688.003 | 21,51% | 5.258.360 |
| Lợi nhuận sau thuế | 16.310.087 | 19.830.543 | 21,58% | 4.197.287 |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức | 20,00% | 20,00% | 0,00% | |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023, tổng giá trị tài sản của MB đạt 944.954 tỷ đồng, tăng 29,71% so với thời điểm 31/12/2022. Lợi nhuận trước thuế của MB (hợp nhất) năm 2023 đạt 26.306 tỷ đồng, tăng trưởng 15,74% so với năm 2022, thu nhập lãi thuần tăng trưởng 7,39%, chi lãi giảm nhờ tận dụng tốt nguồn vốn Casa.

Hoạt động kinh doanh riêng của ngân hàng cũng đạt kết quả tích cực. Tổng thu nhập hoạt động riêng lẻ của MB năm 2023 đạt 39.073 tỷ đồng, tăng 8,77% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế 2023 đạt 19.831 tỷ đồng, tăng 21,58% so với cùng kỳ năm 2022. Kết quả kinh doanh tích cực năm 2023 của MB là nhờ hoạt động quản lý danh mục sinh lời hiệu quả, tối ưu chi phí vốn đến từ tỷ lệ CASA cao (top đầu toàn hệ thống).

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

❖ Thuận lợi:

- Mặc dù môi trường quốc tế có nhiều bất ổn nhưng Việt Nam vẫn đạt được các chỉ tiêu vĩ mô tích cực. Các chỉ số căn bản được cải thiện rõ nét so với 10 năm trước. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và kiều hối tăng trưởng. Mặc dù tỷ giá và lãi suất có tăng trên bình diện chung nhưng vẫn trong tầm kiểm soát của chính phủ.
- MB là một ngân hàng có uy tín với mạng lưới rộng lớn và hoạt động hiệu quả trong nhiều năm qua. Với chiến lược và định hướng rõ ràng cùng sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị và sự ủng hộ của các cơ quan quản lý, MB luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn thị trường 1,2 đến 1,5 lần tùy từng chỉ tiêu. Đồng thời công tác quản trị rủi ro luôn được chú trọng, với tỷ lệ nợ xấu ở mức quanh 1% trong nhiều năm qua và tỷ lệ bao phủ nợ xấu luôn đạt mức trên 100%, cổ những thời điểm trên 300%.
- Bối cảnh hiện tại khi hành lang pháp lý cho phát hành trái phiếu đang được siết lại, nhà đầu tư không có nhiều hàng hóa chất lượng để lựa chọn, nên việc phát hành trái phiếu của một tổ chức tín dụng như MB sẽ thu hút được lượng lớn nhu cầu của nhà đầu tư.

❖ Khó khăn

- Môi trường kinh tế vĩ mô còn nhiều biến số phức tạp, căng thẳng địa chính trị, lạm phát và lãi suất tăng mạnh tại nhiều quốc gia. Ở cấp độ vĩ mô, suy giảm lòng tin của nhà đầu tư và người dân ảnh hưởng đáng kể đến một số lĩnh vực kinh doanh nhất định như nghiệp vụ ngân hàng đầu tư.
- Mặt bằng lãi suất đang ở mức cao trong khi tín dụng bị thắt chặt theo sự quản lý của NHNN sẽ hạn chế không gian tăng trưởng của MB.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

MB thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Bảng 34: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| Các khoản phải thu | 20.160.561 | 14.289.084 | 13.142.296 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 6.786.414 | 8.668.557 | 7.796.674 |
| Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải thu | 10.986 | 28.710 | 29.756 |
| Tài sản có khác | 6.174.673 | 6.406.669 | 5.822.913 |
| Các khoản dự phòng rủi ro khác | (231.500) | (174.926) | (151.495) |
| Tổng | 32.901.134 | 29.218.094 | 26.640.144 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 35: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| Các khoản phải thu | 15.492.152 | 9.616.627 | 8.457.572 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 5.895.530 | 7.714.671 | 6.743.971 |
| Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải thu | - | - | - |
| Tài sản có khác | 1.772.414 | 2.603.899 | 2.000.432 |
| Các khoản dự phòng rủi ro khác | (27.708) | (39.258) | (39.258) |
| Tổng | 23.132.388 | 19.895.939 | 17.162.717 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

Bảng 36: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả | 7.688.257 | 13.390.191 | 11.905.173 |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 33.895.818 | 38.236.542 | 35.446.826 |
| Dự phòng các khoản nợ khác | 27 | 994 | 1.001 |
| Tổng | 41.584.102 | 51.627.727 | 47.353.000 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 37: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả | 7.733.881 | 13.473.197 | 11.875.986 |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 17.912.598 | 21.017.830 | 17.379.061 |
| Dự phòng các khoản nợ khác | 27 | - | - |
| Tổng | 25.646.506 | 34.491.027 | 29.255.047 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Các trái phiếu chưa đáo hạn của MB được liệt kê đầy đủ theo thông tin tại Bảng 3 điều 7.3 mục IV của Bản Cáo Bạch này.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn tại Bảng 3, MB đã và đang thực hiện theo đúng các cam

kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Ngân hàng TMCP Quân đội nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động và luôn hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2022, 31/12/2023 và 31/03/2024 như sau:

Bảng 38: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Các loại thuế | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|------------------|----------------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.127.484 | 3.322.906 | 1.146.612 |
| 2 | Thuế giá trị gia tăng | 91.496 | 111.864 | 64.785 |
| 3 | Các loại thuế khác | 116.387 | 104.691 | 91.876 |
| Tổng cộng | | 3.335.367 | 3.539.461 | 1.303.273 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 39: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Các loại thuế | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|------------------|----------------------------|------------------|------------------|------------------|
| 1 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.980.880 | 3.169.293 | 1.052.592 |
| 2 | Thuế giá trị gia tăng | 27.671 | 58.031 | 37.672 |
| 4 | Các loại thuế khác | 57.587 | 57.948 | 39.059 |
| Tổng cộng | | 3.066.138 | 3.285.272 | 1.129.323 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

2.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Ngân hàng TMCP Quân đội thực hiện đúng và đầy đủ việc trích lập các Quỹ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo phê duyệt Đại hội đồng cổ đông. MB thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc chủ sở hữu tương ứng. Trong đó, các quỹ được sử dụng cho mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân Hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các quỹ khác: trích theo quy định hiện hành và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các quỹ dự trữ của các công ty con của MB được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng

cổ đông của từng công ty.

Bảng 40: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Các loại quỹ | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|------------------|--------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Quỹ dự phòng tài chính | 5.678.339 | 7.299.936 | 7.299.936 |
| 2 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 2.952.327 | 4.076.438 | 4.079.831 |
| 3 | Quỹ khác | 657.952 | 817.557 | 776.040 |
| Tổng cộng | | 9.288.618 | 12.193.931 | 12.155.807 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất quý I năm 2024

Bảng 41: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Các loại quỹ | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|------------------|--------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Quỹ dự phòng tài chính | 5.544.652 | 7.175.661 | 7.175.661 |
| 2 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 2.779.726 | 3.595.230 | 3.595.230 |
| 3 | Quỹ khác | 645.974 | 807.788 | 766.272 |
| Tổng cộng | | 8.970.352 | 11.578.679 | 11.537.163 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng quý I năm 2024

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2023)

Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 42: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất

| Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2023 | Quý I năm 2024 |
|--|-------------|------------|------------|----------------|
| 1. Chỉ tiêu về vốn | | | | |
| Vốn điều lệ | triệu đồng | 45.339.861 | 52.140.841 | 52.140.841 |
| Vốn tự có | triệu đồng | 84.617.748 | 99.130.305 | 104.383.323 |
| Tỷ lệ an toàn vốn | % | 11,53 | 10,75 | 11,27 |
| 2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản | | | | |
| Tỷ lệ nợ quá hạn | % | 2,79 | 3,88 | 4,78 |
| Tỷ lệ nợ xấu | % | 1,09 | 1,60 | 2,49 |
| (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản | % | 64,3 | 65,4 | 69,4 |

| Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2023 | Quý I năm 2024 |
|--|--------------|----------|----------|----------------|
| Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng | % | 95,3 | 92,5 | 94,0 |
| 3.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao/bình quân/Tổng tài sản bình quân | % | 12,196 | 12,95 | 13,90 |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn | % | 30,38 | 26,10 | 25,53 |
| Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi | % | 75,29 | 76,45 | 82,78 |
| 4.Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 31,99 | 29,84 | 23,41 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 3,4 | 3,14 | 2,51 |
| Thu nhập lãi cận biên (NIM) | % | 5,71 | 4,93 | 4,21 |
| Hệ số ROA | % | 2,72 | 2,52 | 2,00 |
| Hệ số ROE | % | 25,55 | 23,88 | 18,68 |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) | đồng/cổ phần | 3.856 | 3.966 | 3.085 |
| Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập | % | 18,63 | 14,10 | 13,84 |
| Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế | % | 18,19 | 15,53 | 16,31 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Bảng 43: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ

| Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2023 | Quý I năm 2024 |
|--|-------------|------------|------------|----------------|
| 1.Chỉ tiêu về vốn | | | | |
| Vốn điều lệ | triệu đồng | 45.339.861 | 52.140.841 | 52.140.841 |
| Vốn tự có | triệu đồng | 78.672.404 | 93.322.786 | 98.863.385 |
| Tỷ lệ an toàn vốn | % | 11,37 | 10,75 | 11,35 |
| 2.Chỉ tiêu về chất lượng tài sản | | | | |
| Tỷ lệ nợ quá hạn | % | 1,55 | 2,83 | 3,82 |
| Tỷ lệ nợ xấu | % | 0,83 | 1,41 | 2,34 |
| (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản | % | 63,7 | 64,3 | 68,7 |
| Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng | % | 96,1 | 92,4 | 94,0 |
| 3.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |

| Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2022 | Năm 2023 | Quý I năm 2024 |
|--|--------------|----------|----------|----------------|
| Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân | % | 12,196 | 12,95 | 13,90 |
| Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn | % | 30,38 | 26,10 | 25,53 |
| Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi | % | 75,29 | 76,45 | 82,78 |
| 4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 31,28 | 30,63 | 23,20 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 3,21 | 3,10 | 2,40 |
| Thu nhập lãi cận biên (NIM) | % | 4,81 | 4,27 | 3,61 |
| Hệ số ROA | % | 2,57 | 2,49 | 1,91 |
| Hệ số ROE | % | 25,11 | 24,6 | 18,52 |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) | đồng/cổ phần | - | - | - |
| Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập | % | 6,10 | 6,39 | 6,06 |
| Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế | % | 8,07 | 10,37 | 12,47 |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân Đội

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành

❖ Ý kiến của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst&Young Việt Nam đối với báo cáo tài chính riêng năm 2022 ngày 07/03/2023

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

❖ Ý kiến của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst&Young Việt Nam đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022 ngày 07/03/2023

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ Kết luận của Công ty TNHH KPMG đối với báo cáo tài chính riêng năm 2023

1.0.0.0
3/

N

ngày 13/03/2024

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

❖ Kết luận của Công ty TNHH KPMG đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 ngày 13/03/2024

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

MB chưa có kết quả xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Bảng 44: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024

| Chỉ tiêu | Thực hiện hợp nhất năm 2023 | KH năm 2024 | % tăng/giảm KH 2024 so với TH năm 2023 |
|--------------------------------|--|---|--|
| Huy động vốn (Tỷ đồng) | 671.154 | Tăng trưởng phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn | |
| Tổng tài sản (Tỷ đồng) | 944.954 | Tăng ~ 13% | Tăng ~ 13% |
| Tín dụng (Tỷ đồng) | 651.346 | Tăng trưởng 15-16% (theo giới hạn NHNN) | Tăng trưởng 15-16% |
| Tỷ lệ nợ xấu | 1,6% | $\leq 2\%$ | $\leq 2\%$ |
| Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng) | 26.306 | Tăng trưởng 6-8% | Tăng trưởng 6-8% |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức | Thực hiện trong năm 2023 theo phương án được ĐHĐCĐ phê duyệt: 15% chia cổ tức bằng cổ phiếu và 5% chia cổ tức bằng tiền mặt; | 10-20% | |

Nguồn: Ngân hàng TMCP Quân đội

❖ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024:**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2024 của MB đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

❖ **Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên:**

Cơ sở để HĐQT của công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh này như sau:

Trên cơ sở mục tiêu chiến lược giai đoạn 2022 – 2026 đã được HĐQT phê duyệt, đi kèm với các dự báo về điều kiện kinh tế vĩ mô, chính sách của Chính Phủ, NHNN và các nhiệm vụ kinh doanh trọng tâm năm 2024 như:

- Công ty Thành viên nâng cao năng lực quản trị, đảm bảo hiệu quả hoạt động, tăng tốc chuyển đổi số. Phân đầu LNTT tăng trưởng 20-30%, kiểm soát chất lượng danh mục, quản trị chi phí hiệu quả. Tăng cường phối hợp bán chéo Tập đoàn, quản trị rủi ro chặt chẽ.
- Tăng cường đầu tư nền tảng CNTT, triển khai đầu tư các giải pháp công nghệ mới phục vụ hoạt động kinh doanh, tăng tỷ lệ tự động hóa trong công tác quản trị và vận hành, nâng cao chất lượng hoạt động, tăng tiện ích cho khách hàng.
- Tăng trưởng tín dụng chất lượng, tập trung các nhóm ngành trọng tâm theo chỉ đạo tín dụng, đảm bảo tăng trưởng đồng đều tại các khu vực/loại hình chi nhánh. Kiểm soát chất lượng tín dụng chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu tập đoàn $\leq 2,0\%$, duy trì tỷ lệ bao phủ nợ xấu $> 100\%$. Tập trung triển khai cơ cấu nợ theo TT02 và cơ cấu nợ thông thường hiệu quả, đảm bảo đúng quy định của NHNN.
- Điều hành huy động vốn linh hoạt và hiệu quả, kịp thời có các giải pháp huy động vốn phù hợp, tăng CASA để tối ưu chi phí vốn. Đảm bảo các chỉ số an toàn của NHNN và thanh khoản toàn tập đoàn.
- Quản trị chi phí chặt chẽ, kiểm soát tỷ lệ chi phí/ thu thuần kinh doanh CIR $< 30\%$.
- Phát triển hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng, tiếp tục quy hoạch và mở mới 32 Smarbank với mục tiêu 100 Smarbank đến cuối năm 2024
- Tăng cường đào tạo chuyên môn nâng cao chất lượng nguồn lực, mục tiêu tăng trưởng $\sim 10\%$ năng suất lao động, bồi dưỡng và thu hút nhân tài ưu tiên cho nhóm Kinh doanh, Công nghệ - Dữ liệu - Số.

❖ **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quân Đội cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Tổ Chức Phát Hành đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quân Đội ổn định và có tiềm năng phát triển. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Phát hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả kinh doanh tích cực mà Tổ Chức Phát Hành đã đạt được cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay thì có thể nói kế hoạch kinh doanh, doanh thu/thu nhập và lợi nhuận mà MB đã đề ra trong những năm tới là khả thi nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân Hàng. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng khi tự mình ra quyết định đầu tư vào trái phiếu của MB.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

Hiện nay, Tổ Chức Phát Hành chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu ra công chúng nào khác trong vòng 3 năm tiếp theo.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Dưới đây là các thông tin chi tiết về trái phiếu chào bán ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành và các điều khoản và điều kiện của trái phiếu chào bán. Trái Phiếu được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện theo các nội dung quy định tại mục VI dưới đây (sau đây gọi chung là “**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”). Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

1. Tên trái phiếu

Các Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành chào bán ra công chúng có tên gọi như sau:

Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội.

Mã Trái Phiếu: MBBH2430001, MBBH2430002, MBBH2430003.

(“Sau đây được gọi chung là “Trái Phiếu”).

2. Loại trái phiếu

Trái Phiếu là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, là nợ thứ cấp và đủ điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định pháp luật hiện hành.

❖ Đặc điểm pháp lý của Trái phiếu:

- Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng đồng Việt Nam, dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp);
- Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau mà không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào;
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào.

3. Mệnh giá

Các Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng một trái phiếu).

4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán

- Số lượng trái phiếu chào bán: 48.800.000 trái phiếu (Bằng chữ: Bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn trái phiếu);
- Số đợt phát hành: 03 đợt;
- Số lượng trái phiếu dự kiến chào bán trong từng đợt cụ thể như sau:

| STT | Đợt | Khối lượng Trái Phiếu phát hành từng đợt (Trái phiếu) |
|-----|------------------|---|
| 1 | Đợt 1 | 20.000.000 |
| 2 | Đợt 2 | 15.000.000 + số lượng trái phiếu đợt 1 chưa chào bán hết |
| 3 | Đợt 3 | 13.800.000 + số lượng trái phiếu đợt 1 và đợt 2 chưa chào bán hết |
| | Tổng cộng | Tối đa 48.800.000 |

Trường hợp chưa chào bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành trong từng đợt phát hành thì số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết trong từng đợt đó sẽ được chuyển sang đợt chào bán kế tiếp. Để làm rõ, số lượng Trái Phiếu chào bán trong từng đợt chào bán thực tế bao gồm số lượng Trái Phiếu dự kiến chào bán đợt đó ban đầu (như trên) và số lượng Trái Phiếu không chào bán hết của các đợt chào bán trước đó.

5. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá là 4.880.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn tám trăm tám mươi tỷ đồng), được chào bán thành 3 đợt với tổng giá trị chào bán dự kiến từng đợt như sau:

| STT | Đợt | Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá (triệu đồng) |
|-----|------------------|---|
| 1 | Đợt 1 | 2.000.000 |
| 2 | Đợt 2 | 1.500.000 + Giá trị trái phiếu đợt 1 chưa chào bán hết |
| 3 | Đợt 3 | 1.380.000 + Giá trị trái phiếu đợt 1 và đợt 2 chưa chào bán hết |
| | Tổng cộng | Tối đa 4.880.000 |

Để làm rõ, tổng giá trị chào bán theo mệnh giá của từng đợt chào bán (đợt 2, đợt 3) thực tế bao gồm tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá của từng đợt đó ban đầu (như nêu trên) và tổng giá trị Trái Phiếu không chào bán hết theo mệnh giá của các đợt chào bán trước đó.

6. Kỳ hạn trái phiếu

Trái phiếu có kỳ hạn là 6 năm kể từ Ngày Phát Hành.

7. Lãi suất và xác định tiền lãi Trái Phiếu

7.1. Nguyên tắc xác định Lãi suất

Nguyên tắc xác định lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi của trái phiếu được Tổ chức phát hành xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất, bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam thông thường (trả sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang điện tử (website) tại ngày xác định lãi suất bởi Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ tối đa 2%/năm.

Biên lãi suất cụ thể đối với từng đợt phát hành được công bố trong Bản Thông Báo Phát Hành của từng đợt.

Trong trường hợp pháp luật có thay đổi và quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì:

- (i) Nếu quy định mới không áp dụng đối với các lãi suất Trái Phiếu đã được thỏa thuận trước thì lãi suất Trái Phiếu được coi là đã được thỏa thuận trước trong phạm vi cho phép của pháp luật;
- (ii) Chỉ trong trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật quy định về trần lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu và lãi suất Trái Phiếu nêu trên vượt qua mức trần lãi suất do pháp luật quy định, lãi suất Trái Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật;
- (iii) Nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu nhưng lãi suất Trái Phiếu được tính theo nguyên tắc nói trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định, lãi suất Trái Phiếu sẽ được xác định như trên.

Trong trường hợp quy định pháp luật về việc áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu, lãi suất Trái Phiếu vẫn được xác định như trên.

Việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu sẽ theo các quy định sau: Vào mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất, Tổ Chức Phát Hành tính toán Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan.

Để được sử dụng cho việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu, lãi suất tiền gửi phải đáp ứng các điều kiện sau:

- (i) Mức lãi suất đó phải là mức lãi suất áp dụng chung, được công bố công khai mà không phải là mức lãi suất áp dụng cho một hoặc một số đối tượng khách hàng cụ thể (dù có hay không có ưu đãi);
- (ii) Nếu là mức lãi suất tương đương thì mức lãi suất tương đương này chỉ được sử dụng nếu Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan không có mức lãi suất cho kỳ hạn 12 (mười hai) tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên. Mức lãi suất tương đương có thể là mức lãi suất cho kỳ hạn tính bằng ngày, gần với kỳ hạn 12 (mười hai) tháng nhất;
- (iii) Trường hợp lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ bằng VND của một trong bốn Ngân Hàng Tham Chiếu nằm ngoài biên độ $\pm 15\%$ so với mức Lãi Suất Tham Chiếu bình quân của các Ngân Hàng Tham Chiếu, thì Lãi Suất Tham Chiếu của Ngân Hàng Tham Chiếu có chênh lệch lớn hơn $\pm 15\%$ so với mức Lãi Suất Tham Chiếu bình quân của các Ngân Hàng Tham Chiếu sẽ bị loại bỏ khi tính Lãi Suất Tham Chiếu bình quân.

Việc thu thập mức lãi suất tiền gửi của các Ngân Hàng Tham Chiếu sẽ theo các nguyên tắc sau:

- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành tổng hợp mức lãi suất được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan;

- (ii) Nếu tại thời điểm thu thập, Ngân Hàng Tham Chiếu công bố nhiều mức lãi suất tiền gửi cho cùng một kỳ hạn, để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan theo quy định trên thì mức lãi suất tiền gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất thấp nhất của kỳ hạn đó được công bố;
- (iii) Nếu tại thời điểm thu thập, trên trang thông tin điện tử của một Ngân Hàng Tham Chiếu bất kỳ không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập hoặc Tổ Chức Phát Hành không thể xác định được mức lãi suất cụ thể của Ngân Hàng Tham Chiếu đó thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện việc thu thập lãi suất của Ngân Hàng Tham Chiếu đó theo các phương thức có thứ tự ưu tiên như sau:
 - (A) cử đại diện đến trực tiếp địa điểm đăng ký của Ngân Hàng Tham Chiếu đó để thu thập;
 - (B) gửi đề nghị xác nhận mức lãi suất tiền gửi cần thu thập đến địa điểm đăng ký của Ngân Hàng Tham Chiếu đó.

Để làm rõ, nếu sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện phương thức nêu tại tiểu đoạn (A) trên mà không thu thập được mức lãi suất cần thu thập từ Ngân Hàng Tham Chiếu nêu trên thì ngay lập tức, Tổ Chức Phát Hành sẽ phải thực hiện phương thức nêu tại tiểu đoạn (B) trên.

Nếu Tổ Chức Phát Hành không nhận được văn bản xác nhận mức lãi suất cần thu thập từ Ngân Hàng Tham Chiếu nơi Tổ Chức Phát Hành gửi đề nghị xác nhận theo tiểu đoạn (B) trên trước ngày Tổ Chức Phát Hành phải gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất theo khoản (vi) dưới đây hoặc có lý do hợp lý để nghi ngờ kết quả thu thập được thì Tổ Chức Phát Hành có quyền coi như không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan.
- (iv) Nếu một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có mức lãi suất tiền gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan theo quy định tại các điểm trên thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tiền gửi cho các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố tại thời điểm vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của Ngày Xác Định Lãi Suất đó.
- (v) Nếu tất cả các Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan theo quy định tại các điểm trên thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng Đồng Việt Nam áp dụng tại chi nhánh Sở giao dịch do Tổ Chức Phát Hành công bố hoặc trên trang thông tin điện tử tại Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan.
- (vi) Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu trên trang thông tin điện tử chính thức (<https://www.mbbank.com.vn>) của mình theo phương thức quy định trong Các Điều Kiện Của Trái Phiếu vào ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi liên quan;
- (vii) Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Tổ

Chức Phát Hành sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về mặt số học một cách rõ ràng.

7.2. Tiền lãi

❖ Nguyên tắc xác định tiền lãi Trái Phiếu

- Tiền lãi được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc (tùy trường hợp áp dụng) theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, và được thanh toán vào Ngày Thanh Toán Lãi.
- Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Đến Hạn Gốc theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành chứng minh được việc chậm thanh toán này không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành giữ hộ và không được hưởng lãi.
- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng Số} & & \text{Tổng} & & \text{Lãi Suất Trái} & & \text{Số ngày thực tế trong} \\ \text{tiền lãi Trái} & & \text{Mệnh} & & \text{Phiếu áp dụng} & & \text{Kỳ Thanh Toán Lãi đó} \\ \text{phiếu được} & = & \text{Giá Trái} & \times & \text{trong Kỳ} & \times & \\ \text{hưởng} & & \text{phiếu} & \text{(nhân với)} & \text{Thanh Toán} & \text{(nhân với)} & \\ & & \text{năm giữ} & & \text{Lãi đó} & & \text{365} \end{array}$$

Trong đó:

- Tổng Mệnh Giá Trái Phiếu năm giữ là tổng mệnh giá Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu năm giữ;
- Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó là lãi suất được quy định tại Điều 7.1;
- Số ngày thực tế trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó được tính từ và bao gồm Ngày Phát Hành hoặc Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất trước đó (tùy trường hợp áp dụng) cho đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Đến Hạn Gốc theo Các Điều Khoản Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng).

❖ Ngày Thanh Toán Tiền Lãi

Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi trên Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo (khoản lãi tạm ngừng trả được gọi là “Lãi Tạm Ngừng Trả”), nếu việc trả Lãi Tạm Ngừng Trả dẫn đến kết quả kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong năm tài chính bị lỗ. Việc Tổ Chức Phát Hành chậm trả lãi trên Trái Phiếu theo quy định nêu trên sẽ không bị coi là Sự Kiên Vi Phạm hoặc không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này cho bất kỳ mục đích nào. Lãi Tạm Ngừng Trả sẽ không được nhập gốc.

Lãi Tạm Ngừng Trả sẽ được hưởng lãi từ và gồm cả ngày bắt đầu tạm ngừng trả đến nhưng không bao gồm ngày Lãi Tạm Ngừng Trả được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ trên thực tế cho Người Sở Hữu Trái Phiếu với mức lãi suất bằng Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi làm phát sinh Lãi Tạm Ngừng Trả (mức lãi suất này không thay đổi trong suốt giai đoạn tạm ngừng trả), tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

❖ **Chậm Trả tiền gốc Trái Phiếu và/hoặc tiền lãi Trái Phiếu**

- Trừ trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật hoặc hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định khác, nếu khoản tiền gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Phát Hành (“Khoản Tiền Gốc Chậm Trả”) tại Ngày Đến Hạn Gốc thì Khoản Tiền Gốc Chậm Trả sẽ tiếp tục được hưởng lãi bằng 150% mức lãi suất áp dụng đối với Kỳ Thanh Toán Lãi có Khoản Tiền Gốc Chậm Trả (kể cả trước và sau khi có quyết định về việc giữ lại hoặc từ chối thanh toán) cho đến, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả Khoản Tiền Gốc Chậm Trả và lãi phát sinh.
- Trừ trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật hoặc hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định khác, nếu khoản tiền lãi Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán (ngoại trừ trường hợp quy định về Ngày Thanh Toán Lãi tại Điều kiện 7.2 trên đây) do lỗi của Tổ Chức Phát Hành (“Khoản Tiền Lãi Chậm Trả”) thì Khoản Tiền Lãi Chậm Trả sẽ được hưởng lãi bằng 150% mức lãi suất áp dụng đối với Kỳ Thanh Toán Lãi có Khoản Tiền Lãi Chậm Trả cho đến ngày, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả Khoản Tiền Lãi Chậm Trả và lãi phát sinh.
- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu bị quá hạn mà Tổ Chức Phát Hành phải trả Người Sở Hữu Trái Phiếu được tính theo công thức sau:

| | | | | | | |
|-----------|---|-------------|------------|---------------|------------|--------------|
| | | Giá trị | | Lãi Suất áp | | |
| Tiền lãi | | Khoản Tiền | | dụng cho | | |
| phát sinh | | Lãi Chậm | | Khoản Tiền | | Số ngày chậm |
| được | = | Trả và/hoặc | x | Lãi Chậm Trả | x | trả |
| hưởng | | Khoản Tiền | (nhân với) | và/hoặc Khoản | (nhân với) | 365 |
| | | Gốc Chậm | | Tiền Gốc | | |
| | | Trả | | Chậm Trả | | |

Trong đó, số ngày thực tế chậm trả được tính kể từ ngày mà Khoản Tiền Lãi Chậm Trả hoặc Khoản Tiền Gốc Chậm Trả đó đến hạn thanh toán cho đến, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả Khoản Tiền Lãi Chậm Trả, Khoản Tiền Gốc Chậm Trả và lãi phát sinh.

8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

- Kỳ Hạn Trả Lãi/Kỳ Thanh Toán Lãi có nghĩa là 12 tháng/lần. Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 12 tháng một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Kỳ Hạn Trả Gốc: Gốc được trả một lần vào (i) Ngày Đáo Hạn hoặc (ii) ngày thực hiện

quyền mua lại Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành hoặc (iii) vào ngày mua lại hoặc ngày đến hạn khác theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

9. Giá chào bán

Giá chào bán: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng / 01 (một) Trái Phiếu (100% mệnh giá Trái Phiếu)

10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức Phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phá hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hoặc mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động hoặc phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Trái phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

11.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ Trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Sổ Đăng Ký do Tổ Chức Phát Hành quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC), sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

a) Quyền Sở Hữu

i) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC

Tổ Chức Phát Hành sẽ lập và duy trì sổ đăng ký ("Sổ Đăng Ký") ghi tên, số lượng Trái Phiếu sở hữu, tài khoản nhận gốc, lãi Trái Phiếu và các thông tin khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đối với việc đăng ký sở hữu Trái Phiếu. Mỗi Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu.

Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao sau khi bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao hoàn thành các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu mà Tổ Chức Phát Hành quy định và hoàn tất việc đăng ký thông tin về bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu trong Sổ Đăng Ký. Tổ Chức Phát Hành sẽ cấp, hoặc bảo đảm cấp cho bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu một Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới ghi nhận (i) khoản tiền gốc của Trái Phiếu đã được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu và (ii) quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký (để tránh nhầm lẫn, bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu sẽ trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với

Trái Phiếu được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu ngay khi quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đối với Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký, không phụ thuộc vào việc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hay chưa). Các chi phí liên quan đến việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành ấn định khi thực hiện việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, phù hợp với luật Việt Nam và thực tiễn thị trường và sẽ do bên Chuyển Quyền Sở Hữu và/hoặc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu thanh toán cho Tổ Chức Phát Hành.

Nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy thì Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó có thể được cấp lại tại văn phòng được chỉ định của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành sau khi người yêu cầu cấp lại thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp lại đó cho Tổ Chức Phát Hành và người yêu cầu cấp lại phải cung cấp chứng cứ liên quan đến việc cấp lại đó. Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách nát, hư hại phải được nộp lại trước khi được cấp lại.

ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC

Việc quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua VSDC, tuân theo quy định pháp luật Việt Nam, quy định của VSDC và SGDCK.

b) Quyền giao dịch Trái Phiếu

- i. Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình (chỉ tiết tại điểm (a) nêu trên) và sử dụng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia vào các giao dịch trong các quan hệ dân sự và thương mại/tín dụng theo quy định của pháp luật và Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- ii. Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng tại đó chấp thuận;
- iii. Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Kiện trên, Tổ Chức Phát Hành không tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn trừ trường hợp mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- iv. Trước thời điểm Tổ Chức Phát Hành chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các thủ tục đăng ký và lưu ký Trái Phiếu, việc giao dịch Trái Phiếu như trên sẽ được thực hiện thông qua đăng ký tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- v. Trái Phiếu sẽ không được thực hiện giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký Trái Phiếu cho đến khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại VSDC;
- vi. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC, việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSDC, các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu;

c) Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan, quy định của VSDC và Các Điều Khoản Trái Phiếu;

d) Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành theo đúng các quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu;

e) Quyền biểu quyết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền biểu quyết (tại Hội nghị hoặc trong đợt lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu mà phải xin ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu;

f) Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Phát Hành

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được thực hiện các biện pháp xử lý khi xảy ra sự kiện vi phạm nêu tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

- i) Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ bất kỳ khoản tiền gốc và/hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái Phiếu nào đến hạn (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại **Điều Khoản 7.2**) mà việc không thanh toán đó không được khắc phục trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn tương ứng (mỗi trường hợp như vậy được gọi là một “Sự Kiện Vi Phạm”), thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền khởi kiện Tổ Chức Phát Hành theo thủ tục phá sản hoặc thanh lý hoặc khởi kiện theo các hình thức khác do Người Sở Hữu Trái Phiếu lựa chọn mà không cần gửi thông báo nào khác.
 - ii) Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản (được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo) cho Tổ Chức Phát Hành và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.
- g) Các quyền khác theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu:

Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thông qua tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

11.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- a) Tuân thủ các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- b) Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Sau khi đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu, người mua Trái Phiếu không được hoãn, hủy đăng ký mua Trái Phiếu;

- c) Lập tức hoàn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót do từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;
- d) Thông báo cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi có sự thay đổi/chấm dứt ủy quyền của đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu (trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Phát Hành);
- e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực và hiệu lực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành;
- f) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;
- g) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập, các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và các nghĩa vụ nộp thuế khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;
- h) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu do mình sở hữu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại;
- i) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu;
- j) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu có tình vi phạm Các Điều Kiện Trái Phiếu sẽ phải bồi thường thiệt hại cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định pháp luật.

11.3. Các quyền, lợi ích, nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

12. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Không có

13. Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn

13.1. Mua Lại Trước Hạn Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

- Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu do cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán của Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành.
- Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thực hiện đủ các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có),

Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi nhận tại Tổ Chức Phát Hành hoặc thông qua các Thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký.

13.2. Mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận

Không ảnh hưởng đến Điều Khoản 13.1 nêu trên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất cứ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng như tỷ lệ thông qua Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.

14. Phương thức phân phối

- Việc phân phối Trái Phiếu được thực hiện thông qua đại lý phân phối là Công ty cổ phần chứng khoán MB và/hoặc bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư
- Các trách nhiệm của đại lý phân phối bao gồm các công việc sau:
 - ✓ Cung cấp và tiếp cận bộ hồ sơ đăng ký mua trái phiếu của Nhà đầu tư;
 - ✓ Hướng dẫn Nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành;
 - ✓ Cập nhật định kỳ danh sách đăng ký mua trái phiếu của Nhà đầu tư cho Tổ Chức Phát Hành trong quá trình chào bán.
- Bảo lãnh phát hành: Không.
- Việc phân phối Trái Phiếu chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành (i) được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng và (ii) thực hiện việc công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định của pháp luật và trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành.
- Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại lý phân phối sẽ tiến hành phân phối Trái Phiếu một cách công khai, công bằng và bảo đảm thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.
- Thời gian phân phối và chào bán Trái Phiếu dự kiến tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực phù hợp với quy định của pháp luật.

15. Đăng ký mua trái phiếu

15.1. Thời hạn chào bán

Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc phát hành Trái Phiếu ra công chúng (“Bản Thông Báo Phát Hành”) theo quy định của pháp luật hiện hành. Thời

gian đăng ký mua tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, theo quy định của pháp luật. Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức và nêu chi tiết tại Bản Thông Báo Phát Hành.

15.2. Đối tượng đăng ký mua

Đối tượng đăng ký mua là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Số lượng trái phiếu đặt mua tối thiểu: tối thiểu 100 Trái Phiếu tương đương 10.000.000 VND (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*) mệnh giá Trái Phiếu.

15.3. Phương thức đăng ký mua và thanh toán

- Nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu tại Đại lý phân phối và/hoặc đăng ký mua trực tiếp với Tổ Chức Phát Hành
- Thời hạn muộn nhất để Nhà Đầu Tư thực hiện thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu là vào ngày kết thúc đợt chào bán theo công bố của Tổ Chức Phát Hành. Tiền mua trái phiếu phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Tổ Chức Phát Hành dùng để nhận tiền mua trái phiếu chào bán ra công chúng.
- Trái phiếu sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc công khai, công bằng. Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi nhà đầu tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà nhà đầu tư đó đăng ký mua.
- Để tránh hiểu nhầm, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu theo hướng dẫn của Tổ Chức Phát Hành và Đại lý phân phối tại thông báo chào bán có liên quan. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như là không còn giá trị.

15.4. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu

- (i) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua của Nhà đầu tư thấp hơn số lượng đặt mua tối thiểu, Nhà Đầu Tư sẽ được trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu theo cách thức và thời hạn như sau:
 - Thời hạn: Trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc đợt chào bán và UBCKNN ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán).
 - Cách thức: Chuyển vào tài khoản chứng khoán/tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.

- (ii) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Trái Phiếu sẽ được phân phối cho Nhà đầu tư tương ứng tỷ lệ đặt mua của từng Nhà đầu tư. Số tiền thừa do Trái Phiếu đăng ký mua của Nhà Đầu Tư cao hơn số với Trái Phiếu được phân phối sẽ được trả lại cho Nhà Đầu Tư theo cách thức và thời gian như sau:
- Thời gian: Trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc đợt chào bán và UBCKNN ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán).
 - Cách thức: Chuyển vào tài khoản chứng khoán/tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.

16. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu

Trái Phiếu sẽ được chào bán và phân phối cho các nhà đầu tư sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng. Thời gian chào bán dự kiến của Đợt 1 là trong Quý 2 năm 2024, thời gian chào bán cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố tại Thông báo chào bán theo quy định của pháp luật. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng như sau:

16.1. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 1

| TT | Nội dung công việc | Thời gian |
|----|--|--------------------|
| 1 | UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng | T1 |
| 2 | Công bố thông tin về việc chào bán theo quy định | Từ T1+1 đến T1+7 |
| 3 | Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái phiếu; nhà đầu tư đăng ký mua và nộp tiền mua trái phiếu và tài khoản phong tỏa | Từ T1+7 đến T1+37 |
| 4 | Tổ Chức Phát Hành kết thúc nhận đăng ký mua và nộp tiền đăng ký mua Trái Phiếu | T1+38 |
| 5 | Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN và thực hiện CBTT về kết quả phát hành | Từ T1+39 đến T1+42 |

Việc chào bán các đợt kế tiếp sẽ chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản chấp thuận của UBCKNN theo từng đợt chào bán.

Lịch trình cụ thể về việc chào bán Đợt 1 và lịch trình tương tự của các Đợt chào bán kế tiếp sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố tại Bản Thông báo phát hành sau khi được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng đối với Đợt 1 và sau khi nhận được Văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng đối với các đợt chào bán kế tiếp, đồng thời đảm bảo khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng.

16.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2

Sau khi kết thúc Đợt 1, trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt 2, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn

bản thông báo/báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 và cập nhật các thông tin thay đổi của Tổ Chức Phát Hành có ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà Đầu Tư so với Bản Cáo Bạch này (nếu có). Thời gian chào bán dự kiến của Đợt 2 là trong Quý 3 năm 2024.

Trường hợp có thay đổi thông tin quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản xin điều chỉnh thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin điều chỉnh trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành cho các Nhà đầu tư được biết.

Khoảng cách giữa Đợt 2 và Đợt 1 không quá 12 tháng và việc chào bán Trái Phiếu Đợt 2 chỉ được thực hiện sau khi (i) Tổ Chức Phát Hành nhận được Văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 và (ii) công bố Thông Báo Phát Hành Đợt 2 ra công chúng.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2 như sau:

| TT | Nội dung công việc | Thời gian |
|----|---|--------------------|
| 1 | UBCKNN ban hành văn bản về việc cập nhật hồ sơ chào bán Trái Phiếu ra công chúng đợt 2 | T2 |
| 2 | Công bố thông tin về việc chào bán theo quy định | Từ T2+1 đến T2+7 |
| 3 | Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái phiếu: nhà đầu tư đăng ký mua và nộp tiền mua trái phiếu vào tài khoản phong tỏa | Từ T2+7 đến T2+37 |
| 4 | Tổ Chức Phát Hành kết thúc nhận đăng ký mua và nộp tiền đăng ký mua Trái Phiếu | T2+38 |
| 5 | Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN và thực hiện CBTT về kết quả phát hành | Từ T2+39 đến T2+42 |

Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 2 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi nhận được Văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của Tổ Chức Phát Hành..

16.3. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 3

Sau khi kết thúc Đợt 2, trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt 3, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản thông báo/báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 3 và cập nhật các thông tin thay đổi của Tổ Chức Phát Hành có ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà Đầu Tư. Thời gian chào bán dự kiến của Đợt 3 là trong Quý 4 năm 2024.

Trường hợp có thay đổi thông tin quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản xin điều chỉnh thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin điều chỉnh trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành cho các Nhà đầu tư được biết.

Khoảng cách giữa Đợt 3 và Đợt 2 không quá 12 tháng và việc chào bán Trái Phiếu Đợt 3 chỉ được thực hiện sau khi (i) Tổ Chức Phát Hành nhận được Văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 3 và (ii)

công bố Thông Báo Phát Hành Đợt 3 ra công chúng.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 3 như sau:

| TT | Nội dung công việc | Thời gian |
|----|--|--------------------|
| 1 | UBCKNN ban hành văn bản về việc cập nhật hồ sơ chào bán Trái Phiếu ra công chúng đợt 3 | T3 |
| 2 | Công bố thông tin về việc chào bán theo quy định | Từ T3+1 đến T3+7 |
| 3 | Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái phiếu; nhà đầu tư đăng ký mua và nộp tiền mua trái phiếu và tài khoản phong tỏa | Từ T3+7 đến T3+37 |
| 4 | Tổ Chức Phát Hành kết thúc nhận đăng ký mua và nộp tiền đăng ký mua Trái Phiếu | T3+38 |
| 5 | Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN và thực hiện CBTT về kết quả phát hành | Từ T3+39 đến T3+42 |

Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 3 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi nhận được Văn bản của UBCKNN về việc nhận được báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 3 của Tổ Chức Phát Hành.

17. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu

- Tên người thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Quân Đội
- Số tài khoản: 1247956018
- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

18. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành

Ngày 31/03/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 01/2021/TT-NHNN quy định về việc phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 17/05/2021. Theo quy định của Thông tư 01/2021/TT-NHNN việc phát hành trái phiếu trong nước của Tổ chức tín dụng phải tuân thủ các quy định tại Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Thông tư 01/2021/TT-NHNN. Theo đó, Thông tư số 01/2021/TT-NHNN không quy định phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của Tổ chức tín dụng phải có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, Ngân Hàng Nhà Nước ra Quyết định số 649/QĐ-NHNN về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tiền tệ thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, trong đó quy định bãi bỏ Thủ tục chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của tổ chức tín dụng.

Như vậy, áp dụng Thông tư 01/2021/TT-NHNN và Quyết định số 649/QĐ-NHNN, tổ chức tín dụng nói chung và MB nói riêng không phải xin NHNN chấp thuận phương án phát hành

trái phiếu ra công chúng.

19. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với các nhà đầu tư. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến các chuyên gia về các loại thuế có liên quan áp dụng đối với những trường hợp cụ thể.

(a) Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

(c) Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

(d) Khấu trừ thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào ("Thuế") do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do VSDC ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản

tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

20. Thông tin về các cam kết

20.1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. Đồng thời, Tổ Chức Phát Hành cam kết với nhà đầu tư thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của mình, bao gồm nhưng không giới hạn các cam kết dưới đây:

- Cam kết về điều kiện phát hành: Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư và bảo đảm việc thanh toán được thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch này;
- Cam kết bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với và liên quan tới Trái Phiếu (bao gồm các quyền như: chuyển nhượng, bán, cho tặng, để lại thừa kế Trái Phiếu; sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác) theo Các Điều Kiện Trái Phiếu của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch này, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

20.2. Cam kết về thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán

Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ niêm yết Trái Phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán ngay khi có thể sau ngày hoàn tất đăng ký Trái Phiếu tại VSDC nhưng không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chứng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành nhằm đảm bảo đủ điều kiện niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

20.3. Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán:

- Tổ Chức Phát Hành cam kết rằng Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích. Tổ Chức Phát Hành hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi phạm cam kết;
- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo đúng mục đích đã nêu tại Bản Cáo Bạch này;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
- Tuân thủ nghĩa vụ về công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật;
- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ và điều kiện khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu được thể hiện trong Bản Cáo Bạch này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

21. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

22. Các Điều Khoản Khác**22.1. Hoàn trả**

Trừ khi được mua lại trước hạn và/hoặc bị hủy bỏ theo các quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu, các Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có) vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.

22.2. Hủy bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại.

Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi đến hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu.

22.3. Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

Việc đưa ra quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu sẽ theo quyết định của Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định dưới đây:

- (i) Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được triệu tập bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó. Việc triệu tập được thực hiện với thông báo bằng văn bản gửi tới tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành trước ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc.

Sau khi xác định thẩm quyền triệu tập họp hợp lệ thì Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu triệu tập hội nghị phối hợp với Tổ Chức Phát Hành tiến hành khóa sổ và Ngày Chốt Danh Sách để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích Hội Nghị.

Các bên cùng làm việc trên cơ sở thông báo của người có thẩm quyền triệu tập họp để xác định thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị để gửi thông báo đến Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành (Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị). Người có thẩm quyền triệu tập họp sẽ gửi Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dưới dạng một trong những hình thức sau đây: (1) văn bản giấy về địa chỉ của Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành; (2) thư điện tử, fax, thông báo trực tuyến (online) qua hệ thống giao dịch của Tổ Chức Phát Hành; (3) thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành hoặc (4) bất cứ hình thức thông báo nào khác được pháp luật cho phép.

Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức theo hình thức phù hợp theo

yêu cầu của người triệu tập như hội nghị qua điện thoại, video hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- (ii) Phụ thuộc vào Điểm (iii) của Điều Khoản 22.3 dưới đây, số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 51% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó.
- (iii) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung: (1) thay đổi Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, hoặc (2) thay đổi bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu ngoại trừ Điều Khoản 7.2 nêu trên, hoặc (3) giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc, hoặc (4) thay đổi Lãi Suất, hoặc (5) thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu, (6) thay đổi yêu cầu về số đại biểu cần thiết để tổ chức Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (7) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu về từng vấn đề (những vấn đề nêu từ mục (1) đến mục (7) gọi chung là “Các Vấn Đề Trọng Yếu”), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ đại diện ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó, hoặc bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ đại diện ít nhất 51% theo tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm triệu tập lại cuộc họp đó.
- (iv) Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được một hoặc nhiều Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp thông qua và biểu quyết tại Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp Hội nghị hay không), với điều kiện là bất kỳ sự thay đổi nào về Các Vấn Đề Trọng Yếu phải được sự chấp thuận của (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu/đại diện sở hữu ít nhất 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (v) Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Điểm (i) của Điều Khoản 22.3 và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến (trường hợp Trái Phiếu chưa đăng ký tại VSDC) hoặc danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do VSDC gửi (trường hợp đã đăng ký Trái Phiếu tại VSDC) và (2) phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua (đối với Các Vấn Đề Trọng Yếu, phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).
- (vi) Để tránh nhầm lẫn, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại Điều Khoản 22.3 này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận (trừ các nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).

- (vii) Không phụ thuộc vào quy định tại các Điểm (i), (ii), (iii), (iv), (v) và (vi) của Điều Kiện 22.3 nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó. Trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua. Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Kiện Trái Phiếu mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành.

22.4. Thông báo

Mọi thông báo gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, VSDC hoặc SGDCK, hoặc giao trực tiếp tận tay, hoặc gửi chuyển phát qua tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, hoặc gửi qua fax/quá được thư điện tử (đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức – nếu có nhu cầu) đến đại chỉ và/hoặc số fax quy định tại Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc dữ liệu tương tự được quản lý bởi VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) tại thời điểm gửi thông báo.

22.5. Địa chỉ đăng ký

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu được ghi dưới đây:

Ngân hàng TMCP Quân đội

Địa chỉ: 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy Hà Nội

Điện thoại : 086 676 0466 / 024 62 777 222 (máy lẻ 2520)

Website : www.mbbank.com.vn

Người nhận : Phòng Kinh doanh Trái phiếu và Phát hành – Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ

23. Luật điều chỉnh

Các Điều Kiện Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt Chào Bán Trái Phiếu ra công chúng cho mục đích bổ sung vốn cấp II dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2024 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Kế hoạch sử dụng vốn**

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt Chào Bán Trái Phiếu ra công chúng để cho vay đối với khách hàng có nhu cầu vay vốn tại Tổ Chức Phát Hành. Thời điểm giải ngân số tiền thu được từ phát hành trái phiếu là sau khi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận tài liệu báo cáo kết quả phát hành trái phiếu.

| TT | Đợt phát hành | Phương án sử dụng tiền dự kiến | Số tiền thu được dự kiến (tỷ đồng) | Tiến độ sử dụng dự kiến |
|-----------|---------------|---|------------------------------------|-------------------------|
| I | Đợt 1 | Cho vay đối với khách hàng cá nhân và Khách hàng tổ chức có nhu cầu vay vốn tại Tổ Chức Phát Hành | 2.000 | Từ Quý 2/2024 |
| II | Đợt 2 | Cho vay đối với khách hàng cá nhân và Khách hàng tổ chức có nhu cầu vay vốn tại Tổ Chức Phát Hành | 1.500* | Từ Quý 3/2024 |
| III | Đợt 3 | Cho vay đối với khách hàng cá nhân và Khách hàng tổ chức có nhu cầu vay vốn tại Tổ Chức Phát Hành | 1.380* | Từ Quý 4/2024 |
| Tổng cộng | | | 4.880 | |

* Tổng giá trị sử dụng vốn của từng đợt chào bán (đợt 2, đợt 3) thực tế bao gồm tổng giá trị trái phiếu chào bán thành công theo mệnh giá của từng đợt đó ban đầu (như nêu trên) và tổng giá trị trái phiếu không chào bán hết theo mệnh giá của các đợt chào bán trước đó.

Ngoài ra, nếu trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, Tổ Chức Phát Hành có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác phù hợp với quy định pháp luật nhằm đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu cho vay trên cơ sở đảm bảo mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của Tổ Chức Phát Hành.

2. Kế hoạch trả nợ

| Nội dung | Thời gian trả nợ | Nguồn trả nợ |
|-----------------------------|---|---|
| Kế hoạch trả lãi trái phiếu | Vào Ngày Thanh Toán Lãi Hàng Năm và Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu. | Nguồn thu từ các khoản cho vay hoặc dùng các nguồn cho vay hoặc dùng các nguồn đầu tư đến hạn khác (Không bao gồm các khoản cho vay/các khoản đầu tư từ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2024) |
| Kế hoạch trả gốc trái phiếu | Vào ngày thực hiện quyền mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành hoặc ngày mua lại theo thỏa thuận hoặc ngày đáo hạn Trái Phiếu. | Nguồn thu từ các khoản cho vay hoặc dùng các nguồn cho vay hoặc dùng các nguồn đầu tư đến hạn khác (Không bao gồm các khoản cho vay/các khoản đầu tư từ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2024) |

Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu đang dự kiến chào bán.

Dự kiến nguồn thu dự phóng từ các khoản cho vay được dùng để thanh toán các khoản lãi và gốc đến hạn qua từng năm, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| Kỳ thu nợ dự kiến | Lãi suất đầu ra dự kiến (%/năm) | Dư nợ đầu kỳ dự kiến | Lãi phải thu dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ dự kiến | Gốc + lãi phải thu dự kiến | Dư nợ cuối kỳ dự kiến |
|-------------------|---------------------------------|----------------------|----------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Năm 1 | 7% | 4.880 | 341,6 | 0 | 341,6 | 4.880 |
| Năm 2 | 7% | 4.880 | 341,6 | 0 | 341,6 | 4.880 |
| Năm 3 | 7% | 4.880 | 341,6 | 0 | 341,6 | 4.880 |
| Năm 4 | 7% | 4.880 | 341,6 | 0 | 341,6 | 4.880 |
| Năm 5 | 7% | 4.880 | 341,6 | 0 | 341,6 | 4.880 |
| Năm 6 | 7% | 4.880 | 341,6 | 4.880 | 5.221,6 | 0 |

(*) Giả định:

- Kỳ thu nợ dự kiến bắt đầu kể từ ngày phát hành Trái Phiếu;

- Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định theo chính sách cho vay của MB trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài nguồn thu dự phóng từ các khoản cho vay như trên, MB dự kiến dùng các nguồn cho vay và/hoặc các nguồn đầu tư đến hạn khác (Không bao gồm các khoản cho vay/các khoản đầu tư từ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2024) để thanh toán tiền lãi, gốc Trái Phiếu trong kỳ hạn Trái Phiếu.

Thời gian trả nợ: theo quy định tại Điều Kiện 8, Mục VI Bản Cáo Bạch này.

❖ **Dự kiến kế hoạch thanh toán nợ của Tổ Chức Phát Hành**

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Trái Phiếu phát hành ra công chúng dự kiến phát hành trong năm 2024 với kỳ hạn 06 năm, trái phiếu đáo hạn năm 2030, với giả định bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam thông thường (trả lãi sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 tháng, (hoặc tương đương) được công bố trên trang điện tử (website) tại ngày xác định lãi suất hàng năm bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam là 5%/năm, lãi suất trái phiếu hàng năm sẽ là 7%/năm. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch thanh toán dự kiến của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp không phát sinh việc mua lại Trái Phiếu trước hạn, Trái Phiếu lưu hành đến Ngày Đáo Hạn, cụ thể:

| Trái phiếu | Dự kiến thời gian phát hành | Giá trị trái phiếu phát hành thành công (tỷ đồng) | Năm | | | | | Năm 2030 | | | Nguồn trả nợ gốc trái phiếu |
|-------------|-----------------------------|---|----------|----------|----------|----------|----------|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|---|
| | | | Năm 2025 | Năm 2026 | Năm 2027 | Năm 2028 | Năm 2029 | Dự kiến Lãi Trái Phiếu Kỳ 6 (Tỷ đồng) | Gốc Trái Phiếu (Tỷ đồng) | Dự kiến gốc, lãi Trái Phiếu (Tỷ đồng) | |
| MBBH2430001 | Quý 2/2024 | 2.000 | 140 | 140 | 140 | 140 | 140 | 140 | 2.000 | 2.140 | Nguồn thu từ các khoản cho vay hoặc dùng các nguồn cho vay hoặc dùng các nguồn đầu tư đến hạn khác (Không bao gồm các khoản cho vay/các khoản đầu tư từ nguồn vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2024) |
| MBBH2430002 | Quý 3/2024 | 1.500 | 105 | 105 | 105 | 105 | 105 | 105 | 1.500 | 1.605 | |
| MBBH2430003 | Quý 4/2024 | 1.380 | 96,6 | 96,6 | 96,6 | 96,6 | 96,6 | 96,6 | 1.380 | 1.476,6 | |
| Tổng cộng | | Tối đa 4.880 | 341,6 | 341,6 | 341,6 | 341,6 | 341,6 | 341,6 | 4.880 | 5.221,6 | |

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**Tổ chức tư vấn, Đại lý phân phối****Công ty cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 7304 5688

Website : www.mbs.com.vn

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 024 3831 5100 Fax : 024 3831 5090

Website : www.ey.com

Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 3946 1600

Website: <https://kpmg.com/vn/vi/home.html>

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Trên cơ sở các thông tin mà Tổ chức tư vấn đã thu thập được về Ngân hàng TMCP Quân đội và đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, với tư cách là tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán, Công ty cổ phần Chứng Khoán MB có một số nhận định như sau:

Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị trái phiếu phát hành theo mệnh giá là 4.880 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu 6 năm, không tài sản bảo đảm, với mục đích bổ sung vốn cấp II dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng, đầu tư cũng như tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2024 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

Bên cạnh những rủi ro đã được đề cập trong Bản cáo bạch này, MBS đánh giá việc phát hành trái phiếu từ đợt phát hành này là cần thiết và phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của công ty.

Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế cũng như các thông tin Tổ Chức Tư Vấn đã thu thập và đánh giá một cách khách quan trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính, kinh tế và chứng khoán nói chung. Những nhận xét đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu và chỉ mang tính chất tham khảo.

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ



Không có



XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 


Lưu Trung Thái

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Phạm Như Ánh

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH 

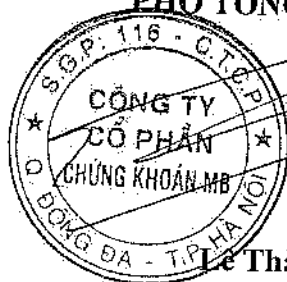


Nguyễn Thị Thanh Nga

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Thành Nam

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100283873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 53 ngày 23/08/2023 và giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 0054/NH-GP ngày 14/09/1994, thay thế bằng giấy phép số 100/GP-NHNN ngày 16 tháng 10 năm 2018.
2. Phụ lục II: Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 27/NQ-MB-HĐQT ngày 21/07/2023 về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán
3. Phụ lục III: Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/NQ-MB-HĐQT ngày 29/02/2024 thông qua phương án trả nợ vốn chỉ tiết thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024
4. Phụ lục IV: Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 29/02/2024 theo ủy quyền của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết số 27/NQ-MB-HĐQT ngày 21/07/2023
5. Phụ lục V: Điều lệ Ngân hàng TMCP Quân Đội
6. Phụ lục VI: Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023; BCTC quý 1/2024 (hợp nhất và riêng lẻ).
7. Phụ lục VII: Văn bản số 932/MB-HS ngày 02/02/2024 cam kết nghĩa vụ của Tổ chức Phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.